

SỞ Y TẾ AN GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
TRUNG TÂM AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

An Giang, ngày 17 tháng 12 năm 2015

DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ TRÚNG THẦU NĂM 2015

Ban hành kèm theo Quyết định số 1372/QĐ-SYT ngày 25/11/2015 của Giám đốc Sở Y tế An Giang

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG TÂM

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
1	180	2	Găng tay bảo hộ màu xanh	Túi PE 5 đôi,	Găng tay bảo hộ màu xanh(Găng GABY số 8-81/2)	01187	CASUMINA	VIET NAM	Túi PE 5 đôi	Đôi	60	8,250	495,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CASUMINA
2	1	5	Khí Ni-tơ	Bình 10 lít, Khí Ni- tơ 10 lít/bình	Khí Ni-tơ	1800155660	Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	VIET NAM	Bình 10 lít, Khí Ni-tơ 10 lít/bình	Bình	16	24,000	384,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN MÁY CẦN THƠ
3	2	5	Khí CO2 4kg/bình	Bình 40kg, Khí CO2 4kg/bình	Khí CO2 4kg/bình	1800155660	Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	VIET NAM	Bình 40kg, Khí CO2 4kg/bình	Bình	156	50,000	7,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN MÁY CẦN THƠ
4	5	5	Oxy y tế bình lớn	Bình 6m3 /40 lít, Khí Oxygen y tế bình lớn 6m3 (thực tế chỉ bơm 4m3 # 40 lít)	Oxy y tế bình lớn	1800155660	Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	VIET NAM	Bình 6m3 /40 lít Khí Oxygen	Bình	23,760	42,500	1,009,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN MÁY CẦN THƠ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
5	55	2	Bơm tiêm 1ml 26Gx1/2"	Hộp 100 cái, Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml; Các cỡ kim, đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp bơm hết thuốc khi tiêm. Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO. Không buốt- Vô trùng - Không độc- Không gây sốt.	Bơm tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 1cc26Gx1/2"	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 100 cái	Cái	78,000	560	43,680,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
6	56	2	Bơm tiêm 20ml 23Gx1"	Hộp 50 cái, Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml 23Gx1"; Các cỡ kim, đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh. Gioăng phẳng để đuổi khí giúp đẩy hết thuốc khi tiêm; Pit tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO. Vô trùng, không buốt, không độc, không gây sốt	Bơm tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 20cc23Gx1"	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 50 cái	Cái	36,500	1,450	52,925,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
7	58	2	Bơm tiêm 3ml 25Gx1"	Hộp 100 cái, Bơm tiêm nhựa 3ml, liền kim 25Gx1"Các cỡ kim, đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh.Pít tông có khía bẻ gây dễ hủy sau khi sử dụng.Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO.Không buốt- Vô trùng - Không độc- Không gây sốt	Bơm tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 3cc25Gx1"	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 100 cái	Cái	48,000	560	26,880,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
8	60	2	Bơm tiêm 50ml đầu lớn (cho ăn)	Hộp 25 cái, Bơm dùng cho ăn 50ml..Độc to nắp vừa dây cho ăn; Pít tông có khía bẻ gây dễ hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO.Không buốt, vô trùng, không độc, không gây sốt	Bơm tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 50cc cho ăn	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 25 cái	Cái	6,000	3,750	22,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
9	61	2	Bơm tiêm 50ml đầu nhỏ	Hộp 25 cái, Bơm tiêm 50ml không có kim.Độc nhỏ lắp vừa kim tiêm.Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO.Không buốt, vô trùng, không độc, không gây sốt	Bơm tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 50cc tiêm	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 25 cái	Cái	13,000	3,750	48,750,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
10	62	2	Bơm tiêm 5ml 23Gx1"	Hộp 100 cái, Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml 23Gx1"; Các cờ kim, đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh.Pít tông có khía bẻ gãy dễ hủy sau khi sử dụng.Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO.Không buốt, vô trùng, không độc, không gây sốt	Bơm tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 5cc23Gx1"	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 100 cái	Cái	93,200	573	53,403,600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
11	63	2	Bơm tiêm 5ml 25Gx1"	Hộp 100 cái, Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml 25Gx1"; Các cỡ kim, đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO. Vô trùng, không buốt, không độc, không gây sốt	Bơm tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 5cc25Gx1"	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 100 cái	Cái	730,000	573	418,290,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG
12	265	2	Kim rời 18G x 1 1/2"	Hộp 100 cây, Kim tiêm cấu tạo từ hợp kim Niken + Crom. Đầu kim sắc nhọn vát ba cạnh; Vi dụng kim và đốc kim có chỉ thị màu phân biệt các số kim. Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO. Vô trùng, không buốt, không độc, không gây sốt	Kim tiêm sử dụng một lần VIKIMCO 18Gx1 1/2"	18/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	VIET NAM	Hộp 100 cây	Cây	700,000	263	184,100,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
13	631	1	Thủy tinh thể mềm, 1 mảnh, đơn tiêu, lắp sẵn trong cartridge	, Acrylic, không ngâm nước; Phi cầu, Optic = 6 mm, dài: ≥ 11mmDãi công suất : + 0D - +32D, CSKX < 1.55;Độ sâu tiền phòng: < 5.4; Vết mờ nhỏ: ≤ 2.2 mm; Kèm Cartridge + injector dùng một lần	Thủy tinh thể mềm, 1 mảnh, đơn tiêu, lắp sẵn trong cartridge HOYA PY-60AD	9386/BYT-TB-CT	Hoya Medical	SINGAPORE	Hộp 1 cái	Cái	300	3,040,000	912,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT LONG
14	6	3	Anti HCV (Elisa)	Hộp 96 test, Tiêu chuẩn EC	SD HCV Elisa 3.0	QLSP- 0630-13	Standard Diagnostics, InC	KOREA, REPUBLIC OF	Hộp 96 test	Test	1,920.00	33,333.00	63,999,360	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ ĐỨC MINH
15	17	3	HBeAg (test nhanh)	Hộp 40 test,	SD Bioline HBeAg (Hộp 30 test)	QLSP- 0448-11	Standard Diagnostics, InC	KOREA, REPUBLIC OF	Hộp 30 test	Test	4,000.00	20,400.00	81,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ ĐỨC MINH
16	18	3	HBSAg (Elisa)	Hộp 96 test, Tiêu chuẩn EC	SD HBsAg Elisa 3.0	5571/BYT-TB-CT	Standard Diagnostics, InC	KOREA, REPUBLIC OF	Hộp 96 test	Test	1,920.00	15,572.00	29,898,240	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ ĐỨC MINH
17	81	2	Chai cấy máu	,	HiCombi™ Dual Performance Medium	TKHQ100348657840	Himedia	INDIA	Hộp/ 10chai	Chai	7,000	63,830	446,810,000	CÔNG TY CP TBYT VIMEC
18	63	1	Bộ nẹp cánh tay 7 lỗ	Bộ 8 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp cánh tay 7 lỗ, 7 vít xương cứng 3,5mm	Bộ nẹp cánh tay 7 lỗ	505/BYT-TB-CT	Smart Enterprises	PAKISTAN	Bộ/gói	Bộ	250	565,000	141,250,000	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ & TM HOA CẨM CHUÔNG
19	65	1	Bộ nẹp cánh tay 8 lỗ	Bộ 9 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp cánh tay 8 lỗ, 8 vít xương cứng 4,5mm	Bộ nẹp cánh tay 8 lỗ	505/BYT-TB-CT	Smart Enterprises	PAKISTAN	Bội/gói	Bộ	200	750,000	150,000,000	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ & TM HOA CẨM CHUÔNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
20	76	1	Bộ nẹp nén ép nhỏ bàn tay vít Ø 2.7mm, 3, 4, 5, 6 lỗ	Bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp nén ép nhỏ bàn tay vít Ø 2.7mm, 3, 4, 5, 6 lỗ gồm:- 1 nẹp nén ép nhỏ bàn tay vít Ø 2.7mm, 3, 4, 5, 6 lỗ- 6 vít vỏ xương Ø 2.7mm- Chất liệu: thép không ri 316L	Bộ nẹp nén ép bàn nhỏ bàn tay vít 2.7mm, 3,4,5,6 lỗ	4820/BYT- TB-CT	Aysam	TURKEY	Bộ/gói	Bộ	20	973,000	19,460,000	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ & TM HOA CẨM CHUỐNG
21	197	1	Chỉ thép 1,2mm	, Chỉ thép 1.2mm, L=5m softChất liệu: thép không ri 316L	Chỉ thép 1.2mm	4820/BYT- TB-CT	Aysam	TURKEY	Cuộn 5 m	Tép	30	135,000	4,050,000	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ & TM HOA CẨM CHUỐNG
22	497	1	Nẹp khóa LCP lõi cầu đuôi, vis 4.5/5.0mm, dài 5 - 13 lỗ, AO ASIF	Gói 01 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu	Nẹp khóa LCP lõi cầu đuôi vis 4.5/5.0mm, dài 5-13 lỗ, AO ASIF	4820/BYT- TB-CT	Aysam	TURKEY	Cái/gói	Cái	100	4,645,000	464,500,000	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ & TM HOA CẨM CHUỐNG
23	655	1	Vít khóa SYN 3.5mm, dài 10- 75mm, tiêu chuẩn AO,CE	Gói 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Vít khóa AO 3.5mm, tương thích với nẹp khóa AO, tự taro, đường kính lõi vít 2.9mm. dài 10-75mm,- Tương thích với nẹp khóa AO, tự ta-rô (self- tapping),- Có đủ các chiều dài : 10- 40 mm với bước tăng 2 mm và 45 - 90 mm với bước tăng 5 mm.	Vít khóa 3.5mm, dài 10-75mm, tiêu chuẩn AO,CE	4820/BYT- TB-CT	Aysam	TURKEY	10 cái/gói	Cái	200	288,000	57,600,000	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ & TM HOA CẨM CHUỐNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
24	656	1	Vít khóa SYN 5.0mm, dài 14- 90mm, tiêu chuẩn AO,CE	Gói 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Vít khóa AO 5.0mm, đồng bộ với nẹp khóa AO, tự taro, đường kính lõi vít 4.4mm, dài 14- 90mm- Có đủ các chiều dài : 14-50 mm với bước tăng 2 mm và 55-90 mm với bước tăng 5 mm,- Đường kính ren 5.0 mm, đường kính lõi 4.4 mm, bước ren 1 mm.	Vít khóa 5.0mm, dài 15-90mm, tiêu chuẩn AO,CE	4820/BYT- TB-CT	Aysam	TURKEY	10 cái/gói	Cái	200	360,000	72,000,000	CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ & TM HOA CẨM CHUÔNG
25	4	1	Anios Special DJP SF 5L	Thùng 5 lít, 0.0072% Didecydimethylam onium chloride, 004% Polyhexanide hydrochloride, mùi thơm và tinh dầu	ANIOS SPECIAL DJP SF (5L)	VNDP-HC- 308-01-12	Anios	FRANCE	Thùng 5 lít	Thùng	70	1,705,000	119,350,000	CÔNG TY CP TM DV Y TẾ VIỆT
26	613	1	Test áp suất dùng cho lò hấp tiết trùng	, - Tiêu chuẩn Mỹ;- Kiểm tra nhiệt độ gói hấp. Que dài, có tấm hóa chất đổi màu khi đạt nhiệt độ chuẩn, dùng trong gói đồ hấp hay hộp Inox	Test thử hóa học đa thông số Dual class4 indicator	TKHQ 10016628570 0	Valisafe	UNITED KINGDOM	Hộp 240 test	Hộp	20	252,000	5,040,000	CÔNG TY CP TM DV Y TẾ VIỆT
27	594	1	Sonde foley 3 nhánh, các số	Gói 1 sợi, Yêu cầu kích cỡ: 3 ways; các cỡ, các số (18 - 22)	Sonde foley 3 nhánh các số	10029274206 1	Ideal Healthcare	MALAYSIA	01 cái/ gói	Sợi	400	16,800	6,720,000	CÔNG TY CP TTB Y TẾ TRỌNG TÍN
28	608	1	Sugicel gauze 10cmx20cm	Hộp 12 miếng,	Sugicel gauze 10cm x 20cm	10048385514 0	Sidacel	Hy Lạp	01 miếng/ gói	Miếng	96	294,000	28,224,000	CÔNG TY CP TTB Y TẾ TRỌNG TÍN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
29	152	2	Dây hút đàm nhớt có khóa (có nắp)	, Yêu cầu kích cỡ: Các cỡ, các số	Dây hút đàm nhớt có khóa (có nắp)	10048631870 0	Symphon	Đài Loan	01 sợi/ gói	Sợi	26,000	1,680	43,680,000	CÔNG TY CP TTB Y TẾ TRỌNG TÍN
30	249	2	Kim gây tê ngoài màng cứng (Perifix 420 Comple set)	Hộp 10 bộ, - Gây tê ngoài màng cứng;- Có đủ bơm tiêm và kim chích thuốc- TC: CE	Kim gây tê ngoài màng cứng (Perifix 420 Complet set)	10029762110 2	Smiths	C.H Séc	10 bộ hộp	Bộ	200	199,500	39,900,000	CÔNG TY CP TTB Y TẾ TRỌNG TÍN
31	445	1	Màng lọc máu High-flux F80S (HDF Online)	Thùng 12 quả, Chất liệu màng lọc Polysulfone, diện tích màng 1.8 m2, hệ số siêu lọc: 55 ml/giờxmmHg, tiết trùng hơi nước.Tiêu chuẩn: ISO, CE	Màng lọc thận Purifier H180	10033110512 1	Safil Tibbi	TURKEY	12 quả/ thùng	Quả	100	370,000	37,000,000	CÔNG TY CP VÀ TM ĐƯỢC PHẨM TÂN THÀNH
32	247	2	Kim chọc dò (Spinocan) các cỡ kim	Hộp 25 cây, - Tiêu chuẩn: CE- Các cỡ kim: 20G, 22G, 25G hoặc 27G x 3 1/2;- Đầu kim Quinke 3 mặt vát, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phân quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, có nhiều rãnh chắc chắn, dễ cầm ngay cả khi đeo găng uớt. Có khoảng trống giữa các khe thông nòng và thành kim giúp xác định nhanh và chính xác kim đã vào khoảng dịch não tủy.	Kim chọc dò các cỡ 20, 22, 25, 27G	10043390981 0	KD Medical	GERMANY	Hộp 25 cây	Cây	18,500	19,950	369,075,000	CÔNG TY CP VÀ TM ĐƯỢC PHẨM TÂN THÀNH

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
33	5	3	Anti HBs cassette	Hộp 40 test,	Bio Tracer Ant HBs Rapid Card	QLSP-0416- 11	Bio Focus Co., Ltd	KOREA, REPUBLIC OF	Hộp/30 test	Test	3,000.00	13,986.00	41,958,000	CÔNG TY CP VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT
34	19	3	HBsAg (test nhanh)	Hộp 40 test,	Bio Tracer HBsAg Rapid Card	QLSP-0414- 11	Bio Focus Co., Ltd	KOREA, DEMOCRAT IC PEOPLE'S REPUBLIC OF	Hộp/30 test	Test	6,000.00	11,991.00	71,946,000	CÔNG TY CP VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT
35	21	3	HCV	Hộp 30 test,	Bio Tracer HCV Rapid Card	QLSP-0415- 11	Bio Focus Co., Ltd	KOREA, REPUBLIC OF	Hộp/30 test	Test	2,000.00	18,795.00	37,590,000	CÔNG TY CP VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT
36	22	3	Heroin	Hộp 50 test,	Morphine/Heroin	CV 676/BYT- TB-CT	Abon Biopharm Co., Ltd	CHINA	Hộp/50 test	Test	2,000.00	8,190.00	16,380,000	CÔNG TY CP VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT
37	23	3	HIV (test Nhanh)	Hộp 100 test, Tiêu chuẩn EC	Bio Tracer HIV 1/2 Rapid Card	QLSP-0603- 12	Bio Focus Co., Ltd	KOREA, REPUBLIC OF	Hộp/30 test	Test	2,000.00	18,795.00	37,590,000	CÔNG TY CP VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT
38	28	3	RPR	Hộp 500 test, Test kháng thể non T. pallidum (giang mai)	RPR Carbon	CV 5950/BYT- TB-CT	Spinreact S.A	SPAIN	Hộp/500 test	Test	6,000.00	2,046.00	12,276,000	CÔNG TY CP VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT
39	32	3	TPHA	Hộp 100 test, Test kháng thể non T. pallidum (giang mai)	TPHA	CV 5950/BYT- TB-CT	Spinreact S.A	SPAIN	Hộp/100 test	Test	1,000.00	9,493.00	9,493,000	CÔNG TY CP VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HƯNG VIỆT
40	195	1	Chi Polyamide 4/O + Kim tam giác	Hộp 12 tệp, Chi khâu Polyamide, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chi 4/O, dài 70cm; Kim tam giác 3/8, 19mm- Hoặc tương đương	Chi Polyamide 4/0 + kim tam giác (Brilon USP 4/0 75cm CD19mm, B47CD190)	6122/BYT- TB-CT	Vigilenz Medical- Malaysia	MOLDOVA, REPUBLIC OF	Hộp 12 tệp	Tệp	1,000	14,994	14,994,000	CÔNG TY DP PHƯƠNG PHƯƠNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
41	196	1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Optime số 1 + kim tròn (90cm/ 40mm, 1/2)	Hộp 36 tệp, Chỉ tan tổng hợp đa sợi optime số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Optime số 1 + kim tròn 90cm /40mm 1/2 (Polysorb 1 1/2c 40mm 90cm 1x GS-24 violet, CL- 915)	2580/BYT- TB-CT	Covidien-Mỹ	UNITED STATES	Hộp 36 tệp	Tệp	3,600	61,950	223,020,000	CÔNG TY DP PHƯƠNG PHƯƠNG
42	106	2	Chỉ khâu Polyglactin 3/O + Kim tròn	Hộp 12 tệp, Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 3/O, dài 70cm; Kim tròn 1/2C, 26mm- Hoặc tương đương	Chỉ khâu Polyglactin số 3/0 + kim tròn (Ecosorb USP 3/0, 1/2C, 75cm, RH 26mm - E37RH260)	SỐ: 6122/BYT- TB-CT NGÀY 20/08/2015	VIGILENZ MEDICAL DEVICES	MALAYSIA	Hộp 12 tệp	Tệp	6,000	42,000	252,000,000	CÔNG TY DP PHƯƠNG PHƯƠNG
43	7	1	Băng Alginate Calcium (dạng cuộn) 2,2cm x30cm	Hộp 10 cuộn, Được làm từ Sợi alginate calcium và hydrocolloid	Urgosorb 30cm x 2.2cm	24/2011/TT- BYT	Urgo	FRANCE	Hộp 10 cuộn	Cuộn	1,000	110,850	110,850,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
44	8	1	Băng Alginate Calcium (dạng gạc) 10cm x10cm	Hộp 10 miếng, Được làm từ Sợi alginate calcium và hydrocolloid	Urgosorb 10cm x 10cm	24/2011/TT- BYT	Urgo	FRANCE	Hộp 10 miếng	Miếng	1,000	54,150	54,150,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
45	14	1	Băng keo có gạc vô trùng (200 x 90mm)	Hộp 20 miếng, Băng sợi polyester không đan dệt, co dãn, thông thoáng, keo Acrylic không dị ứng, gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương, tiệt trùng bằng Ethylene oxid	Urgosterile 200mm x 90mm	24/2011/TT- BYT	Urgo	THAILAND	Hộp 20 miếng	Miếng	4,000	7,682	30,728,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
46	15	1	Băng keo có gạc vô trùng (53 x 70mm)	Hộp 50 miếng, Băng sợi polyester không đan dệt, co dãn, thông thoáng, keo Acrylic không dị ứng, gạc thấm hút mạnh với màng PE không gây dính vết thương, tiết trùng bằng Ethylene oxid	Urgosterile 53mm x 70mm	24/2011/TT- BYT	Urgo	THAILAND	Hộp 50 miếng	Miếng	3,600	2,984	10,742,400	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
47	16	1	Băng keo có gạc vô trùng (9 x 10cm)	Hộp 40 miếng, Kích thước băng: 9 x 10cm; kích thước gạc: 4.5 x 2.8cm; nền không đan dệt polyester có các lỗ nhỏ, keo acrylic ít dị ứng, gạc thấm hút mạnh có phủ lưới chống dính, co giãn	Urgosterile 100mm x 90mm	24/2011TT- BYT	Urgo	THAILAND	Hộp 50 miếng	Miếng	1,100	5,063	5,569,300	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
48	17	1	Băng keo có gạc vô trùng (9 x 15cm)	Hộp 40 miếng, Kích thước băng: 9 x 15cm; kích thước gạc: 4.5 x 2.8cm; nền không đan dệt polyester có các lỗ nhỏ, keo acrylic ít dị ứng, gạc thấm hút mạnh có phủ lưới chống dính, co giãn	Urgosterile 150mm x 90mm	24/2011/TT- BYT	Urgo	THAILAND	Hộp 50 miếng	Miếng	2,000	6,416	12,832,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
49	18	1	Băng keo có gạc vô trùng (9 x 20cm)	Hộp 40 miếng, Kích thước băng: 9 x 20cm; kích thước gạc: 4.5 x 2.8cm; nền không đan dệt polyester có các lỗ nhỏ, keo acrylic ít dị ứng, gạc thấm hút mạnh có phủ lưới chống đính, co giãn	Urgosterile 200mm x 90mm	24/2011/TT- BYT	Urgo	THAILAND	Hộp 20 miếng	Miếng	1,200	7,682	9,218,400	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
50	23	1	Băng Lipido- Colloid thấm hút (10cm x12cm)	Hộp 16 miếng, Băng tẩm polyurethane siêu thấm và lớp lipido- colloid vi bám dính	Urgotul Lite Border 10cm x 12cm	24/2011/TT- BYT	Urgo	FRANCE	Hộp 16 miếng	Miếng	1,600	34,500	55,200,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
51	334	1	Gạc lưới Lipido Colloid (10cm x 10cm)	Hộp 10 miếng, Lớp lipido-colloid (công nghệ Lipido- colloid), lưới Polyester, Hydrocolloid và Vaseline (CE, GMP Châu Âu)	Urgotul 10cm x 10cm	24/2011/TT- BYT	Urgo	FRANCE	Hộp 10 miếng	Miếng	2,800	24,000	67,200,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
52	335	1	Gạc lưới Lipido- Colloid tẩm Sulfadiazine bạc (10cm x 12cm)	Hộp 10 miếng, Gạc lưới Urgotul® S.S.D được làm từ sợi polyester tẩm các phân tử hydrocolloid (carboxymethylcell ulose), vaseline và sulphadiazine bạc. Hàm lượng sulphadiazine bạc: 3,75%	Urgotul SSD 10cm x 12cm	24/2011/TT- BYT	Urgo	FRANCE	Hộp 10 miếng	Miếng	1,700	32,500	55,250,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
53	336	1	Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử (làm từ sợi polyacrylat được phủ lớp Lipido- Colloid) 10cmx10cm	Hộp 10 miếng, Gạc từ sợi polyacrylat, thấm hút cao, được bao phủ bởi lớp Lipido- Colloid	Urgoclean 10cm x 10cm	24/2011/TT- BYT	Urgo	FRANCE	Hộp 10 miếng	Miếng	500	70,000	35,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
54	586	1	Sanyrène 20ml	Hộp 1 chai, Glycerid có độ oxy hóa cao của các acid béo cần thiết (a.linoleic 60%) Vitamin E + Hương hạt hồi.	Sanyrene 20ml	24/2011/TT- BYT	Urgo	FRANCE	Hộp 1 chai	Chai	300	120,800	36,240,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
55	4	2	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Hộp 20 cuộn, Chất lượng Châu Âu	Eko gips 10cm x 2.7m	24/2011/TT- BYT	3S Invest	SERBIA AND MONTENEG RO	Hộp 20 cuộn	Cuộn	1,500	17,000	25,500,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
56	7	2	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Hộp 14 cuộn, Chất lượng Châu Âu	Eko gips 15cm x 2.7m	24/2011/TT- BYT	3S Invest	SERBIA AND MONTENEG RO	Hộp 14 cuộn	Cuộn	1,000	23,000	23,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
57	8	2	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	Hộp 24 cuộn, Chất lượng Châu Âu	Eko gips 7.5cm x 2.7m	24/2011/TT- BYT	3S Invest	SERBIA AND MONTENEG RO	Hộp 24 cuộn	Cuộn	3,000	13,500	40,500,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
58	15	2	Băng keo lụa 5cm x 5m	Hộp 6 cuộn, Vải lụa Taffeta keo oxid kẽm không dùng dung môi lõi nhựa liền với cánh bảo vệ	Urgosyval 5cm x 5m	24/2011/TT- BYT	Urgo	THAILAND	Hộp 6 cuộn	Cuộn	30,000	29,000	870,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ
59	9	1	Băng bột bó xương thủy tinh Scotchcast Plus, cuộn 5 in	Cuộn, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ	Scotchcast 12.5cm x 3.6m	TKHQ	3M	UNITED STATES	10 cuộn / thùng	Cuộn	20	172,132	3,442,640	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
60	614	1	Test chỉ thị hóa học dùng cho lò hấp tiết trùng	, - Tiêu chuẩn Mỹ;- Test chỉ thị hoá học Bowie dick internal steam, Kiểm tra lò hấp đạt chuẩn trước khi hấp đồ, Hình chữ nhật, mỏng, có tấm hóa chất, hiển thị khi lò đạt chuẩn	Bowie Dick Internal Steam Indicator Sheet	TKHQ	3M	UNITED STATES	Hộp 50 miếng	Hộp	24	978,000	23,472,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
61	160	1	Chỉ khâu Novosyn Violet 2/O + kim tròn	Hộp 36 tệp, - Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 2/0, dài 70cm, kim tròn phủ silicon 1/2C dài 26mm, áo bao poly(glycolide-co-l- lactid 35/65) + CaSt- Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485	Chỉ Surgicryl 910 (2/O)	1606/BYT- TB-CT	SMI AG	BELGIUM	Hộp/36 tệp	Tệp	2,400	46,885	112,524,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐAN LÊ
62	579	1	Premilene Mesh LP 5x10cm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu;- Mảnh ghép Polypropylene loại nặng, dùng điều trị thoát vị bẹn. kích thước 5 x 10cm trọng lượng 82g/m2, lỗ nhỏ 0,8mm,	Polypropylene Meshes	1606/BYT- TB-CT	SMI AG	BELGIUM	Gói/5 miếng	Miếng	300	368,000	110,400,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐAN LÊ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
63	108	2	Chỉ khâu Polyglactin số 1 + Kim tròn	Hộp 12 tệp, Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ số 1, dài 90cm; Kim tròn 1/2C, 40mm- Hoặc tương đương	Chỉ Surgicryl 910 (1)	1606/BYT- TB-CT	SMI AG	BELGIUM	Hộp/12 tệp	Tệp	60	48,485	2,909,100	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM ĐAN LÊ
64	115	2	Chỉ khâu Silk 3/O (loại 12 sợi)	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Silk, không kim:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ: 3/O, 12 sợi, không kim	Chỉ khâu Silk (3/O) loại 12 sợi, không kim	1606/BYT- TB-CT	SMI AG	BELGIUM	Hộp/40 tệp	Tệp	1,000	12,485	12,485,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM ĐAN LÊ
65	160	2	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh	Gói 1 sợi,	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh	19/2014/BYT- TB-CT	CÔNG TY CÔ PHÂN VẬT TƯ Y TẾ KHANG NGUYỄN	VIET NAM	Gói / 1 sợi	Sợi	500	4,385	2,192,500	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM ĐAN LÊ
66	348	2	Polyglycolic acid số 1 + Kim tròn	Hộp 12 tệp, Polyglycolic acid số 1 + Kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Chỉ tan đa sợi polyglycolic số 1, dài 90cm; Kim tròn 1/2, 40mm- Hoặc tương đương	Chỉ Surgicryl PGA (1)	1606/BYT- TB-CT	SMI AG	BELGIUM	Hộp/12 tệp	Tệp	15,000	48,385	725,775,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM ĐAN LÊ
67	131	2	Clinicare 100ml	Chai 100ml, Chlorhexidin Digluconate 0.5%; Alpha-Terpineol 0.5%; Ethanol; Vitamine E; Tã được dưỡng da.	Clinicare 100ml	VNDP-HC- 119-12-12	Opodis Pharma	VIET NAM	Chai 100ml	Chai	500	18,000	9,000,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM DUỘC LIỆU TRÍ NGHĨA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
68	132	2	Clinicare 500ml	Chai 500ml, Chlorhexidin Digluconate 0.5%; Alpha-Terpineol 0.5%; Ethanol; Vitamine E; Tã được dưỡng da.	Clinicare 500ml	VNDP-HC- 119-12-12	Opodis Pharma	VIET NAM	Chai 500ml	Chai	920	65,000	59,800,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM DUỢC LIỆU TRÍ NGHĨA
69	2	1	Airway các số	Bọc 1 cái,	Airway các số	TKHQ	Greetmed	CHINA	Gói/1 cái	Cái	6,000	3,960	23,760,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ
70	12	1	Băng keo chỉ thị nhiệt 3M	Gói 1 cuộn,	Băng keo chỉ thị nhiệt	TKHQ 71092	3M	CANADA	Gói/1 cuộn	Cuộn	100	73,700	7,370,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ
71	32	1	Bộ dây lọc máu cho máy thận 5008S Online HDF - AV Set Online Plus	32bộ/ thùng, Bộ dây máu dùng chạy Thận nhân tạo đã bao gồm 02 tranducer . Tiêu chuẩn: ISO, CE	Bộ dây lọc máu chạy thận nhân tạo	TKHQ 10038376612 1	16, Chung- Chen KD, Chung-Ming Village, Pao Chung Hsiang, Yunlin county, Taiwan	TAIWAN, PROVINCE OF CHINA	Túi/1 bộ	Quả	120	54,000	6,480,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ
72	49	1	Bộ hóa chất rửa phim 05 khoản	Bộ 5 chai, Bộ hóa chất rửa phim 05 khoản:1) DEV A: 5 L;2) DEV B: 0.25L;3) DEV C: 0.5L;4) FIX A: 5L;5) FIX B: 1.25L	Hoà chất rửa phim	TKHQ 1656	AGFA	BELGIUM	Hộp/1 bộ	Bộ	27	762,300	20,582,100	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ
73	72	1	Bộ nẹp mắc xích thăng vít Ø 2.7mm, 6, 7, 8 lỗ	Bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp mắc xích thăng vít Ø 2.7mm, 6, 7, 8 lỗ gồm:- 1 nẹp mắc xích thăng vít Ø 2.7mm, 6, 7, 8 lỗ- 8 vít vỏ xương Ø 2.7mm- Chất liệu: thép không ri 316L	Bộ nẹp mắc xích thăng vít Ø 2.7mm, 6, 7, 8 lỗ	951/BYT-TB- CT	OrthoSelect GmbH	GERMANY	Bì 1 chi tiết	Bộ	50	1,880,000	94,000,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
74	161	1	Chỉ khâu Novosyn Violet số 0 + kim tròn (chi 90cm, kim 40mm)	Hộp 36 tệp, ,- Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 0, dài 90cm, kim tròn thân dày phủ silicon 1/2C dài 40mm, áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 35/65) + CaSt- Tiêu chuẩn: CE	Surgicryl 910 số 0, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C	GPNK 206/BYT-TB-CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp, Hộp/36 tệp	Tệp	2,400	50,300	120,720,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
75	162	1	Chỉ khâu Novosyn Violet số 1 + kim tròn (chi 90cm, kim 40mm)	Hộp 36 tệp, ,- Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 số 1, dài 90cm, kim tròn thân dày phủ silicon 1/2C dài 40mm, áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 35/65) + CaSt- Tiêu chuẩn: CE	Surgicryl 910 số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C	GPNK 206/BYT-TB-CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp, Hộp/36 tệp	Tệp	6,000	50,300	301,800,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
76	163	1	Chỉ khâu Polyglactin 4/O + Kim tròn	Hộp 12 tệp, Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO-Cỡ chi 4/O, dài 75cm; Kim tròn 1/2C, 17mm- Hoặc tương đương	Surgicryl 910 4/0, dài 75cm, kim tròn 17mm, 1/2C	GPNK 206/BYT-TB-CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp, Hộp/36 tệp	Tệp	2,400	47,346	113,630,400	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
77	164	1	Chỉ khâu Polyglactin 5/O + Kim tròn	Hộp 12 tệp, Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cờ chỉ 5/O, dài 75cm; Kim tròn 1/2C, 17mm- Hoặc tương đương	Surgicryl 910 5/0, dài 75cm, kim tròn 17mm, 1/2C	GPNK 206/BYT-TB-CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp, Hộp/36 tệp	Tệp	120	49,450	5,934,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
78	186	1	Chỉ khâu Vicryl 3/O + kim tròn đầu (70cm/26mm, 1/2C)	Hộp 36 tệp, - Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (triclosan)- Chỉ 3/O, chiều dài 70cm- Kim tròn, đầu tròn 26mm , 1/2 vòng tròn	Surgicryl 910 3/0, dài 70cm, kim tròn 26mm, 1/2C	GPNK 206/BYT-TB-CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp, Hộp/36 tệp	Tệp	1,000	70,000	70,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
79	199	1	Chỉ thép Patella - Set USP 7, 60cm Needle HS120	Hộp 12 tệp,	Chỉ thép Patella - Set USP 7, 60cm Needle HS120	GPNK 206/BYT-TB-CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp	Tệp	600	170,000	102,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
80	365	1	Giấy điện tim 50 mm x 30m	Hộp 5 cuộn, Máy 1 cần, cardiruny C110,...	Giấy điện tim 50 mm x 30m	TKHQ 183100	Telepaper	MALAYSIA	Cuộn/30 mét	Cuộn	1,200	10,890	13,068,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
81	367	1	Giấy điện tim 63mm x 30m	Hộp 10 cuộn, Máy 3 cần, Fukuda Denshi, Nihon Kodan,...	Giấy điện tim 63mm x 30m	TKHQ 183100	Telepaper	MALAYSIA	Cuộn/30 mét	Cuộn	600	15,730	9,438,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
82	387	1	Khóa 3 ngã có dây 100cm	Gói 1 cái,	Khóa 3 ngã có dây 100cm	TKHQ 45252	Perfect	MALAYSIA	Gói/1 cái	Cái	400	5,800	2,320,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
83	416	1	Kim gây tê nha khoa 27G ngắn	Hộp 100 cây, Kim gây tê ngắn	Kim nha ngắn	TKHQ 101300	Terumo	JAPAN	Hộp/100 cây	Cây	3,500	1,100	3,850,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ
84	421	1	Lamell 22 x 22mm	Hộp 100 miếng, 22 x 22mm	Lamell 22 x 22mm	TKHQ 147438	Greetmed	CHINA	Hộp/100 miếng	Hộp	50	11,550	577,500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
85	449	1	Mask khí dung người lớn và trẻ em	Thùng 100 cái, Mask có bộ phận chứa thuốc phun khí dung	Mask khí dung người lớn và trẻ em	TKHQ 87338	Greetmed	CHINA	Gói/1 cái	Cái	3,600	15,500	55,800,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
86	456	1	Miếng dán điện cực sốc điện	Bọc 50 miếng, Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA	Van điện cực	TKHQ 41128	3M	CANADA	Gói/50 miếng	Miếng	10,000	2,150	21,500,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
87	552	1	Optilene Mesh LP 10x15cm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu;- Mảnh ghép Polypropylene loại nhẹ, điều trị thoát vị bẹn. Kích thước 10 x 15cm trọng lượng 36g/m2, lỗ vừa 1mm,	Polypropylene Mesh 10x15	GPNK 206/BYT-TB- CT	SMI	BELGIUM	Hộp/1 miếng	Miếng	240	550,000	132,000,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
88	558	1	Phim in ảnh siêu âm trắng đen UPP- 110S	,	Giấy in kết quả siêu âm 110mm x 20mm	TKHQ 26809	Telepaper	MALAYSIA	Gói/1 cuộn	Cuộn	600	146,500	87,900,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
89	568	1	Phim X-Quang siêu nhạy cỡ 30 x 40cm	Hộp 100 tấm,	Phim X-Quang MEDIPHOT 30x40cm	TKHQ 10036069106 0	COLENTA	AUSTRIA	Hộp 100 tấm	Tấm	13,000	12,950	168,350,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
90	569	1	Phim X-Quang siêu nhạy cỡ 35 x 35cm	Hộp 100 tấm,	Phim X-Quang MEDIPHOT 35x35cm	TKHQ 10036069106 0	COLENTA	AUSTRIA	Hộp 100 tấm	Tấm	14,000	13,660	191,240,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
91	596	1	Spongostand	Hộp 20 miếng, Kích thước: 7cm x 5cm x 1cm	SMI - SPON 7cm x 5cm x 1cm	TKHQ 10045173693 0	SMI	BELGIUM	Hộp/10 miếng	Miếng	900	78,000	70,200,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
92	36	2	Bộ dây lọc máu cho máy thận 5008S online HDF- AV Set Online Plus	Thùng 32 bộ, Bộ dây máu dùng chạy Thận nhân tạo đã bao gồm 02 tranducer; Tiêu chuẩn ISO, CE.	Bộ dây lọc máu chạy thận nhân tạo	TKHQ 10038376612 1	Sunder	TAIWAN, PROVINCE OF CHINA	Gói/1 bộ	Bộ	14,851	52,500	779,677,500	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
93	65	2	Bone wax 2,5mg	Hộp 12 tệp,	Bone Wax 2,5g	TKHQ 630	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp	Tệp	240	26,600	6,384,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
94	97	2	Chỉ khâu Nylon 10/O + kim tam giác	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Nylon, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 10/O, dài 45cm; 02 Kim tam giác 3/8C, 6mm	Daclon Nylon 10/0, dài 45cm, 02 kim tam giác 3/8C, 6mm	GPNK 206/BYT-TB- CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp, Hộp/36 tệp	Tệp	200	140,000	28,000,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
95	182	2	Găng tay y tế không tiết trùng phủ polymer các cỡ (size S, M, L, XL)	Hộp 50 đôi, - Được sản xuất theo công nghệ phủ màng polymer (không bột) chống dị ứng da tay;- Các size: S, M, L, XL- Độ dài găng: 240mm min- Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Găng tay kiểm tra dài 240mm các size có phủ polymer	TKHQ 10039479392 1	Multisafe	MALAYSIA	Hộp/50 đôi	Đôi	1,108,000	1,095	1,213,260,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
96	183	2	Găng tay y tế phẫu thuật các cỡ (số 6,5; 7; 7,5; 8)	Hộp 50 đôi, Găng tay y tế đã tiết trùng, dùng trong phẫu thuật	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	TCVN 6343:1999	Việt Glove	VIET NAM	Hộp/50 đôi	Đôi	265,000	2,890	765,850,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
97	227	2	Kẹp rốn	Gói 1 cái, Nhựa tổng hợp	Kẹp rốn	TKHQ 77273	Greetmed	CHINA	Gói/1 cái	Cái	15,600	874	13,634,400	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
98	230	2	Khẩu trang y tế	Hộp 20 cái, Khẩu trang 3 lớp Face Mask	Khẩu trang 3 lớp chưa tiết trùng	20/2014/BYT- TB-CT	LiWolrdco	VIET NAM	Hộp/50 cái	Cái	253,000	380	96,140,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
99	238	2	Kim bướm Fistula Needle 17G Arterial, fixed, W.25mm, 30cm	Thùng 500 cây, - Dùng trong lọc thận nhân tạo;- Kim bướm Thận nhân tạo kích thước 17G, có vát lỗ sau, tráng silicone, độ dài 25 mm.	Kim chạy thận nhân tạo 17G	TKHQ 10044209863 0	Wellmed	INDIA	Gói/1 cây	Cây	90,000	4,690	422,100,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
100	239	2	Kim bướm Fistula Needle AVF 16G, 25mm HC-30W fixed	Thùng 500 cây, - Dùng trong lọc thận nhân tạo;- Kim bướm Thận nhân tạo kích thước 16G, có vát lỗ sau, tráng silicone, độ dài 25 mm.	Kim chạy thận nhân tạo 16G	TKHQ 10044209863 0	Wellmed	INDIA	Gói/1 cây	Cây	250	4,750	1,187,500	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
101	253	2	Kim Khâu tam giác hoặc tròn 9 x 24	Gói 10 cái,	Kim Khâu tam giác hoặc tròn 9 x 24	TKHQ 100787	Greetmed	CHINA	Gói/10 cái	Cái	600	793	475,800	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
102	256	2	Kim luồn tĩnh mạch 16G	Hộp 100 cây, Kim 16G; Có lock để bơm thuốc	Kim luồn tĩnh mạch 16G	TKHQ 10044209863 0	Wellmed	INDIA	Gói/1 cây	Cây	200	3,100	620,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
103	260	2	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Hộp 100 cây, - Tiêu chuẩn: CE- Quy cách: kim 24G	Kim luồn tĩnh mạch số 24G	TKHQ 10044209863 0	Wellmed	INDIA	Gói/1 cây	Cây	1,000	2,800	2,800,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
104	270	2	Lọ đựng nước tiểu	,	Lọ sinh phẩm	TC 001- 2004/CTNXD	Ngọc Xuân Dinh	VIET NAM	Bịch/100 cái	Lọ	24,000	1,113	26,712,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
105	272	2	Lọ đựng phân	Thùng 500 lọ,	Lọ lấy bệnh phẩm	TC 001- 2004/CTNXD	Ngọc Xuân Dinh	VIET NAM	Bịch/100 cái	Lọ	5,000	1,290	6,450,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
106	285	2	Mở khí quản có bóng từ số 6 đến số 9	Bọc 1 cái, a. Bảng nhựa PVC không chứa latex; không gây kích ứng; b. đầu ống bo tròn hình mũi trâu tránh chọc thủng niêm mạc; c. thân trơn nhẵn có dây cản quang, có chia vạch, có 2 vạch đen to báo hiệu vị trí đặt NKQ an toàn; d. bóng có áp lực thấp khi bơm căng (HVLP) giúp cố định tốt ống NKQ trong khí quản; e. số lô sản xuất và kích cỡ của ống nội khí quản được in trên bóng nhỏ hoa tiêu, dễ theo dõi gờ bóng hoa tiêu đến nhà sản xuất nếu có sự cố; f. đóng gói bằng giấy Tyvek bóng trắng lớp phim nylon mỏng chống thấm, vô trùng bằng khí EO	Khai mở khí quản các số	TKHQ 10035184704 0	Operson	CHINA	Bịch/1 cái	Cái	130	69,930	9,090,900	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ
107	326	2	Ống nghiệm citrat (nắp xanh lá)	Hộp 100 ống,	Ống nghiệm Citrat khay mốp nhỏ	12/2015/BYT- TB-CT	Ngọc Xuân Dinh	VIET NAM	Thùng/1600 ống	Ống	58,000	670	38,860,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ
108	329	2	Ống nghiệm heparin (nắp đen)	Hộp 100 ống,	Ống nghiệm Heparin khay mốp nhỏ	12/2015/BYT- TB-CT	Ngọc Xuân Dinh	VIET NAM	Thùng/1600 ống	Ống	175,000	830	145,250,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ
109	330	2	Ống nghiệm máu đông (nắp đỏ)	Hộp 100 ống,	Ống nghiệm Serum khay mốp nhỏ	12/2015/BYT- TB-CT	Ngọc Xuân Dinh	VIET NAM	Gói/500 ống	Ống	6,000	630	3,780,000	CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
110	347	2	Polyglycolic acid số 0 + Kim tròn	Hộp 12 tệp, Polyglycolic acid số 0 + Kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Chỉ tan đa sợi polyglycolic số 0, dài 90cm; Kim tròn 1/2, 36mm- Hoặc tương đương	Surgicryl PGA số 0, dài 90cm, kim tròn 36mm, 1/2C	GPNK 206/BYT-TB- CT	SMI	BELGIUM	Hộp/12 tệp, Hộp/36 tệp	Tệp	3,600	49,000	176,400,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
111	368	2	Sonde foley 2 nhánh (2 ways) các số (12 - 28)	Hộp 10 sợi, - Yêu cầu kích cỡ: 2 ways, các số (12 - 28);- Bảng latex phủ silicone thành bên trong và ngoài ống, trơn láng;- Đầu ống bo tròn dễ luồn; bóng được hàn kín liền vào thân ống;- Đóng gói bằng giấy Tyvek bóng trắng lớp phim nylon mỏng chống thấm, vô trùng bằng khí EO	Sonde foley 2 nhánh các số	TKHQ 160895	Greetmed	CHINA	Hộp/10 sợi	Sợi	27,000	9,000	243,000,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ
112	377	2	Thuốc rửa phim X Quang	,	Hoà chất rửa phim	TKHQ 1656	AGFA	BELGIUM	Hộp/1 Bộ	Bộ	48	769,230	36,923,040	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM QUỐC TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
113	629	1	Thủy tinh thể mềm, 1 mảnh, đơn tiêu	Acrylic, ngâm nước, Phi cầu, Optic = 6 mm, dài: ≥ 11mmĐãi công suất : + 0D - +32D, CSKX = 1.46 - 1.49;Độ sâu tiền phòng: 4.56 - 5.14; Vết mổ nhỏ: ≤ 1.8mm; Kèm Cartridge + injector dùng một lần	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Cimflex 42	3584/BYT- TB-CT	Cima Technology Inc	UNITED STATES	1 hộp/cái	Cái	300	2,590,000	777,000,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ T.D
114	391	1	Khớp háng bán phần không xi- măng Excia 8/10	Bộ 3 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Góc chuối 135° vật liệu Titanium	Khớp háng bán phần không xi măng Excia 8/10	8673/BYT- TB-CT	B.Braun/Aesc ulap	Đức	Bộ 3 cái	Bộ	50	33,000,000	1,650,000,000	CÔNG TY TNHH DUỘC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI TRƯỞNG SƠN
115	1	2	Adonsept 2,5g	Tube 12 viên,	Adonsept 2,5g	VNDP-HC- 549-10-11	Thành Công Pharma	VIET NAM	Tube 12 viên	Viên	15,000	3,360	50,400,000	CÔNG TY TNHH DUỘC VÀ TTB Y TẾ Á ĐÔNG
116	40	2	Bo hút nhớt trẻ em	, Đầu hút nhỏ, chất liệu mềm	Bo hút nhớt 60ml	0	Ningbo	CHINA	Thùng/200c	Cái	10,000	10,000	100,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
117	145	2	Đầu col vàng 10- 200 mcl, có khóa và không khóa	Bọc 500 hoặc 1000 cái, 10-200 µl, có khóa và không khóa	Đầu cole vàng	0	Ningbo	CHINA	Gói/500c	Cái	250,000	60	15,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
118	146	2	Đầu col xanh 100- 1000 mcl, có khóa và không khóa	Bọc 500 hoặc 1000 cái, 100- 1000 µl, có khóa và không khóa	Đầu cole xanh	0	Ningbo	CHINA	Gói/500c	Cái	60,000	85	5,100,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
119	367	2	Sonde chữ T các số	Hộp 10 sợi, Yêu cầu kích cỡ: Các cỡ, các số (14 - 20)	Sond chữ T	0	Angioplast	INDIA	Hộp/10s	Sợi	440	14,000	6,160,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
120	394	1	Khớp háng lưỡn cực không dùng xi măng Omnifit chuôi dài	Bộ 3 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ1. Ổ cối: Cầu tạo bởi 2 lớp. Lớp ngoài làm bằng Cobalt-Chrome (CoCr), lớp bên trong làm bằng Polyethylene cao phân tử2. Đầu xương đùi: Vật liệu Cobalt- Chrome (CoCr). Kích cỡ: size 22mm, 28mm, 36mm, 40mm, 44mm3. Cuống xương đùi: Vật liệu Titanium, Vỏ ngoài phủ lớp Hydroxylapatite Coated. Cầu trúc rãnh ngang giúp ngăn chặn lún	Khớp háng lưỡn cực không xi măng chuôi dài, Modular Neck	7670/BYT- TB-CT	MicroPort Orthopedics Inc	UNITED STATES	Bộ 5 cái	Bộ	30	44,500,000	1,335,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XIN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
121	396	1	Khớp háng lưỡn gực có xi măng S, Omnifit	Bộ 7 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu1. Ổ cối: Cấu tạo bởi 2 lớp, lớp ngoài làm bằng Cobalt- Chrome (CoCr), lớp bên trong làm bằng Polyethylenecao phân tử2. Đầu xương đùi: Vật liệu Cobalt- Chrome (CoCr). Kích cỡ: size 22mm, 28mm, 36mm, 40mm, 44mm3. Cuồng xương đùi: Vật liệu Cobalt- Chrome (CoCr). Cấu trúc rãnh dọc giúp chống xoay	Khớp háng lưỡn gực có xi măng, MCRP	7670/BYT- TB-CT	MicroPort Orthopedics Inc	UNITED STATES	Bộ 7 cái	Bộ	100	33,800,000	3,380,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XIN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
122	397	1	Khớp háng lưỡn cực không xi măng Omnifit	Bộ 3 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ1. Ổ cối: Cầu tạo bởi 2 lớp, lớp ngoài làm bằng Cobalt-Chrome (CoCr), lớp bên trong làm bằng Polyethylene cao phân tử2. Đầu xương đùi: Vật liệu Cobalt- Chrome (CoCr), Kích cỡ: size 22mm, 28mm, 36mm, 40mm, 44mm3. Cuống xương đùi: Vật liệu Titanium, Vỏ ngoài phủ lớp Hydroxylapatite Coated. Cầu trục rãnh ngang giúp ngăn chặn lún	Khớp háng lưỡn cực không xi măng MCRP	7670/BYT- TB-CT	MicroPort Orthopedics Inc	UNITED STATES	Bộ 5 cái	Bộ	150	38,000,000	5,700,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XIN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
123	398	1	Khớp háng lưỡng cực không xi măng loại chuỗi dài TaperLoc	3 cái/bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật Mỹ;- Khớp háng lưỡng cực không xi măng loại chuỗi dài TaperLoc. Bao gồm: Ổ cối, đầu xương đùi, cuống xương đùi.1. Ổ cối: Cấu tạo bằng Titanium. Bên trong có liner Polyethylene2. Đầu xương đùi: Vật liệu Cobalt- Chrome (CoCr). Kích cỡ Head 28mm3. Cuống xương đùi: Vật liệu Titanium. Vó ngoài phun HA. Cấu trúc rãnh ngang giúp ngăn chặn lún. Cấu trúc rãnh dọc giúp chống xoay. Được thiết kế thon khít với xương mức độ dần dần giúp giảm đau đùi.Kích thước: Độ dài 25mm đến 45mm, cách 2mm cho mỗi kích cỡ	Khớp háng lưỡng cực không xi măng Modular Neck/ Gladiator, chuỗi dài	7670/BYT- TB-CT	MicroPort Orthopedics Inc	UNITED STATES	Bộ 5 cái	Bộ	10	45,200,000	452,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XIN
124	400	1	Khớp háng toàn phần không xi- măng, chuỗi thon	Bộ 5 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Góc chuỗi 135° vật liệu Titanium	Khớp háng toàn phần không xi măng Modular Neck/ Gladiator	7670/BYT- TB-CT	MicroPort Orthopedics Inc	UNITED STATES	Bộ 6 cái	Bộ	100	48,500,000	4,850,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XIN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
125	511	1	Ốc khóa trong XIA (Vít khóa trong XIA)	Hộp 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Dùng cho phẫu thuật cột sống lưng lõi sau.- Giữ và cố định chặt cây rod không di chuyển- Đi kèm mặt hàng XIA Spinal System, đi kèm vít XIA, dùng cho phẫu thuật cột sống.- Chất liệu: Titanium- Kích thước: 25mm - 35mm	Ốc khóa trong ED	9406/BYT- TB-CT	Eden Spine Europe SA	SWITZERLA ND	Hộp 1 cái	Cái	100	200,000	20,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XIN
126	617	1	Thanh dọc XIA 500 (500 mm Rod)	Hộp 1 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ	Thanh dọc rod Perfx 100-500 mm	9406/BYT- TB-CT	Eden Spine Europe SA	SWITZERLA ND	Hộp 1 cái	Cái	50	2,800,000	140,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XIN
127	226	1	Dẫn lưu kín vết mổ HEMO VAC	,	Bình dẫn lưu vết thương 400ml	10196	AYSET	TURKEY	Gói/ Cái	Cái	300	73,500	22,050,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI
128	380	1	Hệ thống dây thở cơ bản CODE 2150	,	Dây thở cho máy gây mê loại cơ rút	7285	MORTON	TURKEY	Gói/ Bộ	Bộ	100	52,200	5,220,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI
129	512	1	Olivecrona Unbreakable Wire Saw 400mm	Bao 1 sợi,	Dây cưa xương	8111	DIMEDA	GERMANY	Gói/ 5 Cái	Sợi	600	84,000	50,400,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI
130	513	1	Omnifix 50ml Luer lock	, Bơm tiêm nhựa 50ml có khóa dùng cho máy bơm điện có đầu vận xoắn an toàn, chống rò rỉ và chịu áp lực cao;Cần đồng bộ với máy bơm tiêm điện B Braun Melsungen AG 10R-024890 hiện có ở bệnh viện	Bơm tiêm 50ml có luer lock cho máy bơm tiêm điện	10196	AYSET	TURKEY	Gói/ Cái	Cái	16,000	8,400	134,400,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
131	520	1	Ống nội khí quản có bóng (ballon) các số	Bao 1 cái,	Ống nội khí quản có bóng các số	10196	AYSET	TURKEY	Gói/ Cái	Cái	10,310	10,395	107,172,450	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI
132	574	1	Pipette tự động 100µl-1000µl	,	Micropipette cơ học 1 kênh 100 - 1000µL	22036	AHN	GERMANY	Gói/ Cây	Cây	2	2,420,000	4,840,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI
133	577	1	Pipette tự động 50µl-500µl	,	Micropipette cơ học 1 kênh 50 - 500µL	22036	AHN	GERMANY	Gói/ Cây	Cây	2	2,420,000	4,840,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI
134	275	2	Lọc vi khuẩn Comcorde	Hộp 50 cái,	Lọc khuẩn 1 chức năng	7285	MORTON	TURKEY	Gói/ Cái	Cái	6,000	12,600	75,600,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUỆ CHI
135	175	2	Gạc mét	Xấp 40m, Khổ: 1m x 40m;Không để lại bụi vải	Gạc hút y tế	SỐ GPKD: 2300238141	Lợi Thành	Việt Nam	Xấp 40m, khổ 1mx40m)	Mét	18,000	3,822	68,796,000	CÔNG TY TNHH MTV ÂU VIỆT
136	143	1	Cavafix certo 358 (G14 8 CM, G16 45 CM)	Hộp 50 cây, - Cavafix certo G14 8cm 338 1.1*1.7mm, G16, 45cm, 44ml/min chất liệu Certon, có 3 đường ngăn cản quang ngầm trong vách Catheter;- Tiêu chuẩn: CE	CAVAFIX CERTO G14 8 CM,G16 45 CM	10031743434 0	B. Braun	GERMANY	Hộp 50 cây	Cây	800	173,985	139,188,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1
137	144	1	Cavafix MT 134 (G18/G20 LL)	Hộp 50 cây, - Có đường cản quang ngầm;- Tiêu chuẩn: CE	CAVAFIX MT 134 G18/G20 LL	10033841883 0	B. Braun	GERMANY	Hộp 50 cây	Cây	50	176,157	8,807,850	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
138	146	1	Certofix Duo HF V 1215	Hộp 10 cái, - CE - ISO- Kim dẫn đường chữ V, có val ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí- Catheter bằng polyurethan tương hợp cao giúp lưu catheter lâu- Đầu nối catheter có val 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn- Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter	HAEMOCATE SIGNO 1215	8942/BYT - TB -CT	B. Braun	GERMANY	Hộp 10 cái	Cái	200	819,000	163,800,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1
139	278	1	Diapact Kit HF/DH	Hộp 1 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu	DIAPACT KIT HF/HD	8942/BYT - TB -CT	B. Braun	ITALY	Hộp 1 cái	Cái	30	1,386,630	41,598,900	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1
140	282	1	Dịch rửa quả lọc thận Puristeril 340 10kg	, Tiêu chuẩn ISO, CE	MDT PLUS 4 COLD STERILANT	VNDP-HC- 369-08-13	Meditop	THAILAND	Thung 1 can	Can	62	1,672,500	103,695,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1
141	325	1	Duosol with 2M mol/l KCl 5lit	Thùng 2 túi, Tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu	DUOSOL WITH 2 MMOL POSTASSIUM GB 2 X 5000ML	14420/QLD- KD	B. Braun	GERMANY	Túi 5 Lit	Túi	100	640,000	64,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1
142	379	1	Haemofilter Diacap Acuete L 2.0	Thùng 20 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu	HAEMOFILTER DIACAP ACUTE L 2.0 QM	8942/BYT - TB -CT	B. Braun	GERMANY	Thùng 20 cái	Cái	30	2,315,895	69,476,850	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1
143	607	1	Stimuplex needle A50 G 22 x 2"	Hộp 25 cái, - Kim gây tê, dùng được với máy kích thích thần kinh- Tiêu chuẩn: CE	STIMUPLEX NEEDLE A50 G 22 X 2"	10030819320 0	B. Braun	MALAYSIA	Hộp/ 25 cái	Cái	125	133,280	16,660,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW1

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
144	170	1	Chỉ khâu Premilene số 0	Hộp 36 tệp, - Chỉ không tan đơn sợi polypropylen số 0, dài 75cm - Kim phủ silicon tròn 1/2C dài 30mm - TCKT: CE - ISO	POLYPROPYLENE 0 HR 30mm 75cm	3465/BYT- TB-CT	SMI	BELGIUM	Hộp / 12 tệp	Tệp	50	31,700	1,585,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
145	202	1	Cidex OPA (20490)	Thùng 5 lít, Dung dịch khử trùng dụng cụ ORTHO- PHTHALADEHY DE 0,55%, pH 7.2 - 7.8, công thức không gây ăn mòn,có bảng vật liệu tương thích	SANIDEX OPA	VNDP-HC- 411-06-09	Sirmaxo	INDIA	Thùng 5 lít	Thùng	170	780,800	132,736,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
146	275	1	Dây truyền máu	,	DAY TRUYEN MAU BL.TRANS	TKHQ: 7927	LA-MED Healthcare	INDIA	Gói /1 sợi	Sợi	15,000	6,300	94,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
147	420	1	Lamell 20 x 20mm	Hộp 100 miếng,	LAMELL 20x20mm	0	Hirschman	GERMANY	Hộp 200 miếng	Hộp	108	120,000	12,960,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
148	436	1	Lưỡi dao mổ các số 10, 11, 12, 15, 20, 21	Bao 1 cái,	SURGCAL BLADE - DAO MO 10, 11, 12, 15, 20, 21	TKHQ: 31312	Ribbel	INDIA	Hộp 100 cái	Cái	12,050	900	10,845,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
149	442	1	Lưới vá sọ não Titanium	Hộp 1 miếng, Lưới vá sọ kích thước 65x90mm, 68x91mm, dày 0.3mm hoặc 0.6mm. Chất liệu Titanium.	LUOI VA SO NAO TITANIUM	8289/BYT- TB-CT	Osteonic	KOREA, DEMOCRAT IC PEOPLE'S REPUBLIC OF	Gói 1 cái	Miếng	5	6,500,000	32,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
150	462	1	Mũi khoan AO 2.5/3.2/3.5/4.5mm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: châu Âu;- Mũi khoan AO: 2.5/ 3.2/ 3.5/ 4.5mm, L110/85mm, 2flute Chất liệu : Thép y khoa SSt #316L	MUI KHOAN AO 2.5/3.2/3.5/4.5mm	7344/BYT- TB-CT	Synthes GmbH	SWITZERLA ND	Gói 1 cái	Mũi	10	700,000	7,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
151	477	1	Nẹp chữ Y 5 lỗ	Hộp 1 miếng, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp cố định nắp sọ chữ Y 5 lỗ dài 17mm;- Chất liệu Titanium	NEP CHU Y 5LO	8289/BYT- TB-CT	Osteonic	KOREA, DEMOCRAT IC PEOPLE'S REPUBLIC OF	Gói 1 cái	Miếng	10	725,000	7,250,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
152	478	1	Nẹp chữ Y 6 lỗ	Hộp 1 miếng, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp cố định nắp sọ chữ Y 6 lỗ dài 15mm, 17mm;- Chất liệu Titanium	NEP CHU Y 6LO	8289/BYT- TB-CT	Osteonic	KOREA, DEMOCRAT IC PEOPLE'S REPUBLIC OF	Gói 1 cái	Miếng	10	725,000	7,250,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
153	518	1	Ống nghiệm thử Widal	,	TUBE THUY TINH 10x75	0	Đức	GERMANY	Hộp 250 ống	Ống	119,500	2,300	274,850,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
154	571	1	Pipette nhỏ giọt	Hộp 500 cây,	PIPETT PASTEUR NHUA	0	Isolab	GERMANY	Hộp 500 cây	Cây	2,000	1,600	3,200,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
155	575	1	Pipette tự động 20µl-200µl	,	PIPETT TU DONG 20-200µl	0	Biohitt	FINLAND	Hộp 1 cây	Cây	2	2,325,000	4,650,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
156	637	1	Tube thủy tinh 13 x 100mm	,	TUBE THUY TINH 13 x 100mm	0	PYREX	GERMANY	Hộp 250 cái	Ống	2,500	2,800	7,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
157	638	1	Tube thủy tinh 16 x 100mm	,	TUBE THUY TINH 16 x 100mm	0	PYREX	GERMANY	Hộp 250 cái	Ống	1,000	3,200	3,200,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
158	652	1	Vít dùng cố định lưới vá sọ	Hộp 8 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Vít dùng cố định lưới vá sọ Titanium, tự khoan đầu vít hình chữ thập hoặc đầu vuông	VIT CO DINH LUOI VA SO	8289/BYT- TB-CT	Osteonic	KOREA, DEMOCRAT IC PEOPLE'S REPUBLIC OF	Gói 10 cái	Cái	200	175,000	35,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
159	111	2	Chỉ khâu Silk 2/O (loại 12 sợi)	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Silk, không kim:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ: 2/O, 12 sợi, không kim	C.BLACK SILK 2/O S3012	09/2014/BYT- TB-CT	CPT	VIET NAM	Hộp 24 tệp	Tệp	1,000	22,700	22,700,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
160	209	2	Handpro 2	Chai 500ml,	HANDPRO 2	0	Hoàng An	VIET NAM	Chai 500ml	Chai	500	82,000	41,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
161	210	2	Handpro 4 - 500ml	Chai 500ml,	HANDPRO 4 500ml	0	Hoàng An	VIET NAM	Chai 500ml	Chai	176	105,000	18,480,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
162	211	2	Handpro Gel	Chai 500ml,	HANDPRO GEL	0	Hoàng An	VIET NAM	Chai 500ml	Chai	24	85,000	2,040,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
163	236	2	Khuyên cấy nhựa	Bọc 50 cây,	KHUYEN CAY NHUA	01-2004/ CONG TY NAM KHOA	Nam Khoa	VIET NAM	Bọc 50 cây	Cây	18,000	20,500	369,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
164	254	2	Kim lancet	Hộp 100 cây, Dùng chích máu thử đường huyết, phù hợp với các loại bút thử	LANCET LAY MAU	TKHQ: 15311	GEO SANG MEDICAL	KOREA, DEMOCRAT IC PEOPLE'S REPUBLIC OF	Hộp 100 cây	Hộp	551	24,700	13,609,700	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
165	303	2	Nẹp hơi cổ chân	Gói 01 cái,	NEP HOI CO CHAN	01/2012 GH - TCCS	Gia Hưng	VIET NAM	Gói 1 cái	Cái	600	63,000	37,800,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
166	305	2	Nẹp lưng các số	Gói 01 cái,	NEP LUNG CAC SO	01/2012 GH - TCCS	Gia Hưng	VIET NAM	Gói 1 cái	Cái	600	55,000	33,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
167	331	2	Ống nghiệm nắp vàng (tube nắp vàng)	Bọc 500 ống,	TUBE NAP VANG	01- 2004/CONG TY NAM KHOA	Nam Khoa	VIET NAM	Bọc 500 ống	Ống	24,000	520	12,480,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
168	332	2	Ống nghiệm thủy tinh đáy nhọn	Hộp 100 ống,	ONG NGHIEM TT DAY NHON	0	Việt Nam	VIET NAM	Hộp 100 ống	Ống	1,200	17,500	21,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
169	414	2	Vít xương Maxi đường kính 2.4*20mm	,	VIT XUONG MAXI DK 2.4x20mm	8289/BYT- TB-CT	Osteonic	KOREA, DEMOCRAT IC PEOPLE'S REPUBLIC OF	10 cái/ gói	Cái	15	175,000	2,625,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
170	1	3	Amphetamin (Test nhanh)	Hộp 50 test,	AMPHATEMIN (TEST NHANH)	676/BYT-TB- CT	ABON	CHINA	Hộp 50 test	Test	50.00	16,500.00	825,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
171	2	3	Anti HBc	Hộp 40 test,	ANTI HBc CASSETTE	0	GroupMed	NETHERLA NDS	Hộp 25 test	Test	1,000.00	26,000.00	26,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
172	3	3	Anti Hbe	Hộp 40 test,	ANTI HBe CASSETTE	0	GroupMed	UNITED STATES	Hộp 25 test	Test	2,000.00	26,000.00	52,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
173	15	3	H. Pylory (test nhanh)	Hộp 40 test,	H. PYLORY (TEST NHANH)	SPCĐ-TTB- 0062-14	CTK BIOTECH	UNITED STATES	Hộp 30 test	Test	4,000.00	30,000.00	120,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
174	24	3	Mac - Elisa (SXH)	Hộp 45 test, Tiêu chuẩn EC	MAC - ELISA SXH	QLSP-H0314- 10	Pasteur	VIET NAM	Hộp 45 test	Test	2,700.00	89,000.00	240,300,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
175	1	6	Acid HNO3	,	ACID HNO3	0	Xilong	CHINA	Chai 500ml	Chai	12	80,000	960,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
176	5	6	AHG	Lọ 10ml,	ANTI HUMAN GLOBULIN (AHG)	0	Linear Chemical	SPAIN	Lọ 10ml	Lọ	12	420,000	5,040,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
177	6	6	Amoniac	,	AMONIAC	0	Xilong	CHINA	Chai 500ml	Chai	12	52,000	624,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
178	11	6	API 20 E 25 STRIPS 20100	Hộp 25 test,	API 20 E 25STRIPS 20100	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	FRANCE	Hộp 25 trips	Hộp	12	5,700,000	68,400,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
179	12	6	API 20 NE 25ST + 25ME	Hộp 25 test,	API 20 NE 25STRIPS + 25 MEDIA	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	FRANCE	Hộp 25 trips + 25 media	Hộp	12	6,500,000	78,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
180	13	6	API 20 Strep 25ST + 25ME	Hộp 25 test,	API 20 STREP 25STRIPS + 25 MEDIA	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	FRANCE	Hộp 25 trips + 25 media	Hộp	12	6,500,000	78,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
181	16	6	Blood Gas control Level 1	Hộp 30 x 1,8ml,	BG CONTROL 1	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 30 x 1.8ml	Hộp	5	5,000,000	25,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
182	17	6	Blood Gas control Level 2	Hộp 30 x 1,8ml,	BG CONTROL 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 30 x 1.8ml	Hộp	5	5,000,000	25,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
183	18	6	Blood Gas control Level 3	Hộp 30 x 1,8ml,	BG CONTROL 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 30 x 1.8ml	Hộp	5	5,000,000	25,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
184	19	6	Blood Gas programme (10 Analytes)	Hộp 12 x 2ml,	BLOOD GAS (10 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 1.8ml	Hộp	5	15,780,000	78,900,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
185	22	6	Brilliant cresyl blue solution	Chai 100ml,	BRILLIANT CRESYL BLUE	367/GCNDĐ K-SCT	MERCK	GERMANY	Chai 100ml	Chai	12	930,000	11,160,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
186	25	6	Chemistry Premium Plus control level 2	Bộ 20 x 5ml,	HUM ASY CONTROL 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Bộ 20 x 5ml	Bộ	2	7,300,000	14,600,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
187	26	6	Chemistry Premium Plus control level 3	Bộ 20 x 5ml,	HUM ASY CONTROL 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Bộ 20 x 5ml	Bộ	2	7,300,000	14,600,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
188	27	6	Coagulation Control LV1	Bộ 12 x 1ml,	COAG CONTROL 1	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Bộ 12 x 1ml	Bộ	1	5,450,000	5,450,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
189	28	6	Coagulation Control LV2	Bộ 12 x 1ml,	COAG CONTROL 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Bộ 12 x 1ml	Bộ	1	5,450,000	5,450,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
190	29	6	Coagulation Control LV3	Bộ 12 x 1ml,	COAG CONTROL 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Bộ 12 x 1ml	Bộ	1	5,450,000	5,450,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
191	30	6	Coagulation Programme (5 Analytes)	Hộp 12 x 1ml,	COAGULATION (6 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 1ml	Hộp	1	15,000,000	15,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
192	35	6	Dầu xem kính	Chai 100ml,	DAU XEM KINH 100ml	0	Việt Nam	VIET NAM	Chai 100ml	Chai	24	560,000	13,440,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
193	43	6	Đĩa kháng sinh Bacitracin	Lọ 50 đĩa,	DIA KS BACITRACIN	03-2001/NK	NAM KHOA	VIET NAM	Lọ 20 đĩa	Lọ	50	55,000	2,750,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
194	86	6	Diabetes Bi-level control	Hộp 6 x 0.5ml,	DIABETES BI- LEVEL CONTROL	0	Biorad	UNITED STATES	Hộp 6 x0.5ml	Hộp	10	12,500,000	125,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
195	90	6	Eosine Y-solution 0,5%		BRILLIANT CRESYL BLUE	367/GCNDĐ K-SCT	MERCK	GERMANY	Chai 1 lít	Chai	6	2,100,000	12,600,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
196	97	6	General Clinical Chemistry Program (50 Analytes)	Hộp 12 x 5ml,	MONTHLY GENERAL CLINICAL CHEMISTRY (50 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	1	16,000,000	16,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
197	99	6	Glycated Hemoglobin Program (2 Analytes)	Hộp 12 x 0,5ml,	HbA1c PROGRAMME (12 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 0.5ml	Hộp	1	13,800,000	13,800,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
198	101	6	Haematology Programme (12 Analytes)	Hộp 4 x 3 x 2ml,	HAEMATOLOGY PROGRAMME (12 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 4 x3 x 2ml	Hộp	1	16,100,000	16,100,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
199	107	6	Hồng cầu mẫu	Hộp 3 x 10ml,	HONG CAU MAU	0	Viện Huyết học truyền máu TW	VIET NAM	Bộ 3 x 10ml	Hộp	50	500,000	25,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
200	108	6	Immunoassay Premium control level 1	Hộp 10 x 5ml,	IA PREMIUM 1	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 10 x 5ml	Hộp	2	6,790,000	13,580,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
201	109	6	Immunoassay Premium control level 2	Hộp 10 x 5ml,	IA PREMIUM 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 10 x 5ml	Hộp	2	6,790,000	13,580,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
202	110	6	Immunoassay Premium control level 3	Hộp 10 x 5ml,	IA PREMIUM 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 10 x 5ml	Hộp	2	6,790,000	13,580,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
203	111	6	Immunoassay Premium control Tri-level	Hộp 12 x 5ml,	IA PREMIUM TRI LEVEL	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	2	6,790,000	13,580,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
204	112	6	Immunoassay Premium Plus control Level 1	Hộp 12 x 5ml,	IA PREMIUM PLUS 1	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	2	10,350,000	20,700,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
205	113	6	Immunoassay Premium Plus control Level 2	Hộp 12 x 5ml,	IA PREMIUM PLUS 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	2	10,350,000	20,700,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
206	114	6	Immunoassay Premium Plus control Level 3	Hộp 12 x 5ml,	IA PREMIUM PLUS 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	2	10,350,000	20,700,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
207	115	6	Immunoassay Premium Plus control Tri-level	Hộp 12 x 5ml,	IA PREMIUM PLUS TRI LEVEL	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	2	10,350,000	20,700,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
208	116	6	Immunoassay Programme (53 Analytes)	Hộp 12 x 5ml,	IMMUNOASSAY PROGRAMME (55 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	2	31,000,000	62,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
209	117	6	James 1 Amp	,	JAMES	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	FRANCE	Hộp 2 Ampoules	Hộp	4	975,000	3,900,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
210	118	6	James 2 Amp	,	JAMES	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	FRANCE	Hộp 2 Ampoules	Hộp	8	975,000	7,800,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
211	122	6	Liquid Cardiac control level 1	Hộp 3 x 3ml,	CRD LIQ CONTROL 1	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 3 x 3ml	Hộp	2	4,750,000	9,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
212	123	6	Liquid Cardiac control level 2	Hộp 3 x 3ml,	CRD LIQ CONTROL 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 3 x 3ml	Hộp	2	4,750,000	9,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
213	124	6	Liquid Cardiac control level 3	Hộp 3 x 3ml,	CRD LIQ CONTROL 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 3 x 3ml	Hộp	2	4,750,000	9,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
214	125	6	Liquid Cardiac Programme (10 Analytes)	Hộp 12 x 1ml,	LIQUID CARDIAC (10 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 5ml	Hộp	2	20,230,000	40,460,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
215	126	6	Magie sulfat	,	MAGIE SULFAT	0	Trung Quốc	CHINA	Chai 500gr	Gram	500	180	90,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
216	127	6	Maternal Screening control level 1	Hộp 3 x 1ml,	MATERNAL CONTROL 1	4819/BYT- TB-CT	Randox	VIET NAM	Hộp 3 x 1ml	Hộp	2	2,280,000	4,560,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
217	128	6	Maternal Screening control level 2	Hộp 3 x 1ml,	MATERNAL CONTROL 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 3 x 1ml	Hộp	2	2,280,000	4,560,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
218	129	6	Maternal Screening control level 3	Hộp 3 x 1ml,	MATERNAL CONTROL 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 3 x 1ml	Hộp	2	2,280,000	4,560,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
219	130	6	Methanol	Chai/500ml,	METHANOL 500ml	0	Trung Quốc	CHINA	Chai/500ml	Chai	50	80,000	4,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
220	140	6	Môi Trường IM	Chai 500g,	SIM MEDIUM	367/GCNDĐ K-SCT	MERCK KGaA	GERMANY	Chai 500g	Chai	10	6,100,000	61,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
221	160	6	MT chuyên chở Stuart - Amies	Bọc/ 20ống,	MT CHUYEN CHO STUART - AMIES	04-2001/NK	NAM KHOA	VIET NAM	BỌC/20 ỚNG	Ớng	300	15,000	4,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
222	161	6	Mực tàu	Chai/100ml,	MUC TAU	0	Việt Nam	VIET NAM	Chai/100 ml	Chai	1	250,000	250,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
223	163	6	Nit1 Nit2	2 ampoules of each reagent,	NIT1 NIT2	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	UNITED STATES	2 ampoules of each reagent	Hộp	4	1,800,000	7,200,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
224	176	6	Sulfate Đồng	,	SULFATE DONG	0	Trung Quốc	CHINA	Chai 500gr	Gram	5,000	240	1,200,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
225	177	6	Tapval lear ner tube	Thùng/600tube,	PLUS SED AUTO	0	Linear Chemical	SPAIN	Thùng 600 tube	Thùng	10	6,750,000	67,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
226	178	6	TDA Reagent	Hộp/ 2 ampoules,	TDA REAGENT	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp/2 ampoules	Bình	4	1,100,000	4,400,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
227	185	6	Thuốc thử Kovac's	Chai 100ml,	KOVACS INDOL REAGENT	367/GCNĐĐ K-SCT	MERCK KGaA	GERMANY	Chai 100ml	Chai	6	1,050,000	6,300,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
228	191	6	Tumour Marker control Level 2	Hộp 3 x 2ml,	TRM CONTROL 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 3 x 2ml	Hộp	10	4,050,000	40,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
229	192	6	Tumour Marker control Level 3	Hộp 3 x 2ml,	TRM CONTROL 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 3 x 2ml	Hộp	10	4,050,000	40,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
230	193	6	Urinalysis control level 1	Bộ 12 x 12ml,	URNAL CONTROL 1	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Bộ 12 x 12ml	Bộ	2	5,500,000	11,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
231	194	6	Urinalysis control level 2	Bộ 12 x 12ml,	URNAL CONTROL 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Bộ 12 x 12ml	Bộ	2	5,500,000	11,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
232	195	6	Urinalysis Programme (17 Analytes)	Hộp 6 x 12ml,	URINALYSIS PROGRAMME (17 ANALYTES)	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 6 x 12ml	Hộp	2	18,000,000	36,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
233	196	6	Urine Assayed control level 2	Hộp 12 x 10ml,	Urn asy control 2	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 10ml	Hộp	2	3,650,000	7,300,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
234	197	6	Urine Assayed control level 3	Hộp 12 x 10ml,	Urn asy control 3	4819/BYT- TB-CT	Randox	UNITED KINGDOM	Hộp 12 x 10ml	Hộp	2	3,650,000	7,300,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
235	199	6	Viêm não Nhật bản	Bọc 45 well,	VIEM NAO NHAT BAN	0	Pasteur	VIET NAM	Bọc 45 well	Bọc	20	4,000,000	80,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
236	201	6	VP1 VP2 Reagents	2 ampoules of each reagent,	VP1 VP2 REAGENTS	511/BYT-TB- CT	BioMerieux	UNITED STATES	2 ampoules of each reagent	Hộp	4	1,800,000	7,200,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
237	202	6	White stirring Magnetic (cá từ)	Gói 10 con,	CA TU 25ml	0	Isolad	GERMANY	Gói 10con	Con	10	60,000	600,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
238	9	2	Băng cuộn 0,09m x 2,5m	Gói 50 cuộn,	Băng cuộn y tế 0,09x2,5m	0312143596	Hải Âu	VIET NAM	Gói 20 cuộn	Cuộn	25,000	1,050	26,250,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
239	85	2	Chỉ khâu Chromic 2/O + kim tròn (75cm, 26mm, 1/2 C)	Hộp 40 tệp, Chỉ tan 2/O, chỉ dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2 C	Chromic Catgut 3.5(2/0)75cm 1/2CR26	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	18,000	16,485	296,730,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
240	89	2	Chỉ khâu Chromic 3/O 1,5m, không kim	Hộp 40 tệp, Chỉ tan Chromic 3/O; 1,5m; không kim	Chromic Catgut 3(3/0) 150cm	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	7,200	15,750	113,400,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
241	90	2	Chỉ khâu Chromic 4/O + kim tam giác (75cm, 16mm, 3/8 C)	Hộp 40 tệp, Chỉ tan 4/O, chỉ dài 75cm, kim tam giác 16mm, 3/8 C	Chromic Catgut (4/0)75cm 3/8CT16	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	500	18,375	9,187,500	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
242	96	2	Chỉ khâu Chromic số 1 + kim tròn (75cm, 40mm, 1/2 C)	Hộp 40 tệp, Chỉ tan, số 1, chỉ dài 75cm, kim tròn 40mm, 1/2 C	Chromic Catgut 5(1)75cm 1/2CR40	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	10,000	18,480	184,800,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
243	99	2	Chỉ khâu Nylon 3/O + kim tam giác	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Nylon, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 3/O, dài 75cm; Kim tam giác 3/8C, 26mm	Nylon (3/0)75cm 3/8 CT26	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	18,000	10,815	194,670,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
244	100	2	Chỉ khâu Nylon 4/O + kim tam giác	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Nylon, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 4/O, dài 75cm; Kim tam giác 3/8C, 18mm	Nylon (4/0)75cm 3/8 CT18	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	600	12,390	7,434,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
245	117	2	Chỉ khâu Silk 3/O + kim tròn	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Silk, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 3/O; Kim tròn 1/2C, 26mm	Black Silk 2(3/0)75cm 1/2CR26	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	2,400	12,075	28,980,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
246	120	2	Chỉ khâu Silk 5/O + kim tam giác 16mm, 3/8 C	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Silk, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 5/O; Kim tam giác 3/8C, 16mm	Black Silk 1(5/0)75cm 3/8CT 16	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	1,200	15,225	18,270,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
247	124	2	Chỉ khâu Silk số 1 + kim tròn	Hộp 40 tệp, Chỉ khâu Silk, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ số 1; Kim tròn 1/2C, 26mm	Black Silk 4(1)75cm 1/2CR26	13/2015/BYT - TB - CT	Mebiphar	VIET NAM	Hộp/30 tệp	Tệp	1,200	13,260	15,912,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR)
248	31	1	Bộ chuyển tiếp của máy thẩm phân phức mạc (Minicap extended PD life transfer set)	Hộp 6 cái, Kết nối giữa catheter và túi dịch lọc.Material: PL-124 or PL2330 (Polyethylene, PSU – polysulfure).Specifi cation: sterile, non- pynogen	MINICAP EXTEND LIFE TRANSFER	10019666581 0	Baxter Healthcare Corporation	UNITED STATES	Hộp 6 cái	Cái	450	315,244	141,859,800	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
249	383	1	Kẹp catheter: Peritoneal Dialysics Catheter Clamp	Hộp 12 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ- Dùm kẹp catheter khi thay Transfer set. Specification: sterile. Material: PL-134 or PL2186 (Polyethylene, Supplier: POLYONE)	PD CATHETER CLAMP	10016262923 0	Baxter Healthcare S.A	IRELAND	Hộp 12 cái	Cái	100	38,999	3,899,900	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
250	386	1	Kẹp xanh: Short Nose Clamp For Outlet	Hộp 12 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Dây kẹp túi dịch khi thay dịch.Specification: non-sterile. Material: PL-134 or PL2186 (Polyethylene, Supplier: POLYONE)	CLAMP SHORT NOSE FOR OUTLET	10019666581 0	Baxter Healthcare Corporation	SA- IRELAND	Hộp 12 cái	Cái	300	28,600	8,580,000	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
251	432	1	Locking titanium adapter for	Hộp 5 cái, Đầu nối ống thông vào bộ chuyển tiếp bằng Titanium: Kết nối giữa bộ chuyển tiếp và catheter.Specificati on: sterile, nonpyrogenic; Material: titanium	LOCKING TITAMIUM ADAPTER FOR PD CATHETER	10019666581 0	Baxter Healthcare Corporation	UNITED STATES	Hộp 5 cái	Cái	60	2,047,468	122,848,080	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
252	458	1	Minicap SPC 4466	, Nắp đậy túi dịch thâm phân tương ứng túi dịch Baxter Healthcare- Corporation	MINICAPS SPC4466	38476	Baxter Healthcare S.A	IRELAND	Hộp 60 cái	Cái	200,000	4,940	988,000,000	CÔNG TY TNHH MTV VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
253	287	2	Mũi khoan Maxi dài	,	Mũi khoan chính hình MDB-05	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/mũi	Mũi	3	500,000	1,500,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
254	288	2	Mũi khoan Maxi ngắn	, Tiêu chuẩn kỹ thuật: châu Á	Mũi khoan chính hình MDB-06	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/mũi	Mũi	5	500,000	2,500,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
255	292	2	Mũi khoan Mini dài	, Tiêu chuẩn kỹ thuật: châu Á	Mũi khoan chính hình ODB-15	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/mũi	Mũi	3	500,000	1,500,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
256	293	2	Mũi khoan Mini ngắn	, Tiêu chuẩn kỹ thuật: châu Á	Mũi khoan chính hình ODB-12	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/mũi	Mũi	20	500,000	10,000,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
257	306	2	Nẹp Maxi thẳng 4 lỗ	Cái,	Nẹp dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ - MST315L04	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	5	440,000	2,200,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
258	307	2	Nẹp Maxi thẳng 6 lỗ	Cái,	Nẹp dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ MST315N06	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	5	500,000	2,500,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
259	411	2	Vít xương Maxi đường kính 2.4*12mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ M24012	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	20	130,000	2,600,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
260	412	2	Vít xương Maxi đường kính 2.4*14mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ M24014	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	15	135,000	2,025,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
261	413	2	Vít xương Maxi đường kính 2.4*16mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ M24016	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	15	150,000	2,250,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
262	415	2	Vít xương Maxi đường kính 2.4*10mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ M24010	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	20	130,000	2,600,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
263	416	2	Vít xương Mini đường kính 2.0*10mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ O19010	1485/BYT-TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	320	130,000	41,600,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
264	417	2	Vít xương Mini đường kính 2.0*12mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ O19012	1485/BYT- TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	100	130,000	13,000,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
265	418	2	Vít xương Mini đường kính 2.0*6mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ O19006	1485/BYT- TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	20	130,000	2,600,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
266	419	2	Vít xương Mini đường kính 2.0*8mm	,	Vít dùng trong phẫu thuật hàm mặt và đầu sọ O19008	1485/BYT- TB-CT	Osteonic Co., Ltd.	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/cái	Cái	350	130,000	45,500,000	CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI NHA KHOA RẠNG ĐỒNG
267	280	1	Dịch nhầy phẫu thuật	Hộp, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ, Châu Âu;- Dịch nhầy mô phaco bao gồm: 1 ống 0.4mL chứa 1% Sodium Hyaluronate, 1 ống 0.35mL chứa 3% Sodium Hyaluronate + 4% Sodium Chondroitin Sunfate	Duovisc Viscoelastic System	2574/BYT- TB-CT	Alcon Pharmaceutica ls Ltd.,	BELGIUM	Hộp	Hộp	300	593,775	178,132,500	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
268	619	1	Thuốc co đồng tử 1,5ml	, Dung dịch co đồng tử 1,5ml; thành phần: 0,01% Carbachol	MIOSTAT	2574/BYT- TB-CT	Alcon Pharmaceutica ls Ltd.,	UNITED STATES	Hộp/ 12 lọ	Lọ	20	115,500	2,310,000	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN
269	155	2	Dây kim bướm	Hộp 100 sợi, - Tiêu chuẩn: CE- Kim các cỡ 23G hoặc 25G, đầu kim sắc nhọn- Mỗi dây có bao gói riêng, tiệt trùng bằng khí EO. Vô trùng, không buốt, không độc, không gây sốt	Kim cánh bướm	39/2013/BYT- TB-CT	CÔNG TY CÓ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM	VIET NAM	1 cái/bao, hộp 100 cái	Sợi	19,800	903	17,879,400	CÔNG TY TNHH SX-TM AN LỘC
270	3	1	Amagam	Lọ 30g,	Amagam	5543/BYT - TB -CT	Ardent	SWEDEN	Lọ 30g	Lọ	4	850,000	3,400,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
271	62	1	Bộ nẹp căng tay 6 lỗ	Bộ 7 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp cánh tay 6 lỗ, 6 vít xương cứng 3,5mm	3.5mm small compression plates, 6 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 8 cái	Bộ	200	604,000	120,800,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
272	64	1	Bộ nẹp căng tay 7 lỗ	Bộ 8 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp cánh tay 7 lỗ, 7 vít xương cứng 3,5mm	3.5mm small compression plates, 7 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 8 cái	Bộ	100	651,000	65,100,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
273	66	1	Bộ nẹp cánh tay 8 lỗ	Bộ 9 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp cánh tay 8 lỗ, 8 vít xương cứng 4,5mm	4.5mm Narrow Compression Plate, 8 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 9 cái	Bộ	100	849,000	84,900,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
274	67	1	Bộ nẹp DHS 135°, vít Ø4.5mm 8 lỗ	Bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp DHS 135°, vít Ø4.5mm 8 lỗ (1 nẹp + 1 vít DHS + 1 vít nén DHF + 8 vít vỏ xương 4.5mm)	135 degree DHS plates, long barrel, dynamic holes, 8 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ	Bộ	15	1,406,000	21,090,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
275	68	1	Bộ nẹp hình thìa, vít Ø 4.5mm, đầu 3 lỗ thân 5, 6, 7, 8, 9, 10 lỗ	Bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp hình thìa, vít Ø 4.5mm, đầu 3 lỗ thân 5, 6, 7, 8, 9, 10 lỗ gồm:- 1 nẹp hình thìa, vít Ø 4.5mm, đầu 3 lỗ thân 5, 6, 7, 8, 9, 10 lỗ- 13 vít vỏ xương Ø 4.5mm- Chất liệu: thép không ri 316L	Spoon plate, 5-10 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ	Bộ	50	1,203,000	60,150,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
276	69	1	Bộ nẹp khóa cánh tay 8 lỗ	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	4.5mm Narrow locking Compression Plate, 8 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 9 cái	Bộ	20	1,940,000	38,800,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
277	71	1	Bộ nẹp khóa LCP đầu dưới xương đùi DF (1 nẹp + 10 vít khóa 5.0mm)	Bộ 11 cái, Chất lượng CE và AO	Distal femur locking plate	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 11 cái	Bộ	50	4,075,000	203,750,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
278	73	1	Bộ nẹp nâng đỡ lõi cầu xương đùi vít Ø 4.5mm, 7, 9, 11 lỗ	Bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp nâng đỡ lõi cầu xương đùi vít Ø 4.5mm, 7, 9, 11 lỗ gồm:- 1 nẹp nâng đỡ lõi cầu xương đùi vít Ø 4.5mm, 7, 9, 11 lỗ- 15 vít vò xương Ø 4.5mm- Chất liệu: thép không ri 316L	4.5mm condylar buttress plate	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ	Bộ	70	1,933,000	135,310,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
279	74	1	Bộ nẹp nâng đỡ mâm chày chữ L, vít Ø 4.5mm, đầu 2 lỗ, thân 3, 4, 5, 6, 7, 8 lỗ	Bộ, Bộ nẹp nâng đỡ mâm chày chữ L, vít Ø 4.5mm, đầu 2 lỗ, thân 3, 4, 5, 6, 7, 8 lỗ gồm:- 1 nẹp nâng đỡ mâm chày chữ L, vít Ø 4.5mm, đầu 2 lỗ, thân 3, 4, 5, 6, 7, 8 lỗ- 10 vít vò xương Ø 4.5mm- Chất liệu: thép không ri 316L	L buttress plate 4.5mm ,7-11 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ	Bộ	100	1,114,000	111,400,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
280	75	1	Bộ nẹp nâng đỡ mâm chày chữ T, vít Ø 4.5mm, đầu 2 lỗ, thân 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 lỗ	Bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Bộ nẹp nâng đỡ mâm chày chữ T, vít Ø 4.5mm, đầu 2 lỗ, thân 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 lỗ gồm:+ 1 nẹp nâng đỡ mâm chày chữ T, vít Ø 4.5mm, đầu 2 lỗ, thân 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 lỗ+ 12 vít vỏ xương Ø 4.5mm- Chất liệu: thép không rỉ 316L	T-Buttress plates, 4.5mm	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ	Bộ	50	1,117,000	55,850,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
281	135	1	Cao su nặng	Hộp/1 cặp,	Exaflex putty	5543/BYT - TB -CTJ	GC	JAPAN	Hộp/1 cặp,	Hộp	2	1,650,000	3,300,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
282	145	1	Cây cạo vôi Insert TPC25M105	Cây,	Cây cạo vôi Insert	5543/BYT - TB -CT	TPC	UNITED STATES	Cây	Cây	3	910,000	2,730,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
283	206	1	Composit 3M: A1, A2, A3, A3.5, A4, B2, C2, C3, UD	Tube 4gam,	Solare X	5543/BYT - TB -CT	GC	JAPAN	Tube 4 gam	Tube	10	420,000	4,200,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
284	223	1	Đài cao su	,	Đài cao su	5955/BYT - TB -CT	TPC	UNITED STATES	Hộp/ 144 cái	Cây	50	3,000	150,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
285	419	1	Kim kit ne một đầu nhọn dk 1.5- 3.0mm, dài 310mm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Thép y tế- Đường kính 1.5-3.0 mm, dài 310mm, một đầu vót nhọn- Tiêu chuẩn CE	Kirschner wire with single tip, dia.1.5 - 3.0 mm x 310 mm	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Gói/1 cái	Cái	1,000	32,000	32,000,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
286	467	1	Mũi khoan tungsten high 1, 2,3,4,5	Mũi,	Carbide burs	5543/BYT - TB -CT	Miltex	UNITED STATES	Vĩ 5 mũi	Mũi	160	40,000	6,400,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
287	468	1	Mũi khoan tungsten low speed tròn dài 1/2,1/4	Mũi,	Carbide burs	5543/BYT - TB -CT	Miltex	UNITED STATES	Vĩ 5 mũi	Mũi	20	40,000	800,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
288	474	1	Nẹp bản hẹp 5-10 lỗ, dùng vít xương cứng 4.5mm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu, CE- Thép y tế- Dùng vít 4.5mm, lỗ vít hình giọt nước tạo chức năng nén ép, khoảng cách nén ép 25mm, khoảng cách lỗ 16mm- Rộng 11mm, dày 3.5mm, dài 87- 167mm	4.5mm Narrow Compression Plate,5- 10	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	20	393,000	7,860,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
289	475	1	Nẹp bản nhỏ 5-8 lỗ, dùng vít xương cứng 3.5mm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu, CE- Thép y tế- Dùng vít 3.5mm, lỗ vít hình giọt nước tạo chức năng nén ép, khoảng cách nén ép 14mm, khoảng cách lỗ 12mm.- Rộng 10mm, dày 3mm, dài 62- 98mm	3.5mm small compression plates, 5-8 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	20	322,000	6,440,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
290	476	1	Nẹp bản rộng 6-10 lỗ, dùng vít xương cứng 4.5mm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Thép y tế- Dùng vít 4.5mm, lỗ vít hình giọt nước tạo chức năng nén ép, khoảng cách nén ép 25mm, khoảng cách lỗ 16mm- Rộng 16mm, dày 4.5/5.0mm, dài 103-199mm	4.5mm Broad Compression plate, 6- 10 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	20	393,000	7,860,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
291	484	1	Nẹp khóa đầu trên xương chày PLT vit 4.5/5.0mm (1 nẹp+8 vit khóa vit 5.0mm)	Bộ 11 cái, Chất lượng CE và AO	Proximal tibial locking plate	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 11 cái	Bộ	50	4,075,000	203,750,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
292	486	1	Nẹp khóa LCP căng tay SYN 6 lỗ (1 nẹp 6 vit khóa 3.5mm)	Bộ 7 cái, Chất lượng CE và AO	3.5mm small locking compression plate, 6 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 7 cái	Bộ	100	1,476,000	147,600,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
293	487	1	Nẹp khóa LCP căng tay SYN 8 lỗ (1 nẹp 8 vit khóa 3.5mm)	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	3.5mm small locking compression plate, 8 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 9 cái	Bộ	50	1,716,000	85,800,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
294	488	1	Nẹp khóa LCP căng tay, vit 3.5 dài 5-10 lỗ, AO ASIF	Gói 01 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu	3.5mm small locking compression plate, 5- 11 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	200	756,000	151,200,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
295	489	1	Nẹp khóa LCP cánh tay SYN 5-11 lỗ, tiêu chuẩn AO	Gói 01 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp khóa nén ép AO LCP cánh tay, vit 4.5/5.0, lỗ vit kép combi-holes, rãnh cắt ít tiếp xúc, 5- 11 lỗKích thước : Dây : 4.6mm, rộng 13.5mm, khoảng cách lỗ 18mm- Dài : 98-206mm- Chất liệu thép y khoa 316L (62.5% sắt, 17.6% Cromium, 14.5% Nickel, 2.8% Moly	4.5mm narrow limited contact compression plates	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	50	1,327,000	66,350,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
296	491	1	Nẹp khóa LCP chữ L buttress, vis 4.5/5 dài 4 - 5 lỗ, AO ASIF	Gói 01 cái,	4.5mm locking L- Buttress plates for Right/ Left leg, 4-5 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	100	1,008,000	100,800,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
297	492	1	Nẹp khóa LCP chữ L buttress, vis 4.5/5 dài 6 lỗ, AO ASIF	Gói 01 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu	4.5mm locking L- Buttress plates for Right/ Left leg, 6 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	100	1,040,000	104,000,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
298	493	1	Nẹp khóa LCP chữ T SYN 4.5/5.0, 4- 7 lỗ, tiêu chuẩn AO	Gói 01 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp khóa nén ép AO LCP chữ T, vít 4.5/5.0, lỗ combi- holes, đầu 2 lỗ, thân 4-7 lỗKích thước : - Dày : 2mm, rộng 17mm- Dài : 84-134mm- Chất liệu thép y khoa 316L (62.5% sắt, 17.6% Cromium, 14.5% Nickel, 2.8% Molybdenum)Tiêu chuẩn AO. Có trợ cụ chuyên dụng	4.5mm locking T buttress plates, 4-7 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Cái	Cái	100	1,102,000	110,200,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
299	494	1	Nẹp khóa LCP đầu dưới xương chày Low bend vít 3.5mm (1 nẹp + 10 vít khóa 3.5mm)	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	Distal tibial medial locking plate, R/L	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 9 cái	Bộ	50	3,550,000	177,500,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
300	498	1	Nẹp khóa LCP mõm khuỷu Ocleranon (1 nẹp 8 vít khóa 3.5mm)	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	Olecranon plate	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 9 cái	Bộ	50	3,060,000	153,000,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
301	500	1	Nẹp khóa LCP Recon mắc xích SYN 10 lỗ (1 nẹp 10 vít khóa 3.5mm)	Bộ 11 cái, Chất lượng CE và AO	3.5mm reconstruction plate, 10 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 11 cái	Bộ	50	2,082,000	104,100,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
302	501	1	Nẹp khóa LCP Recon mắc xích SYN 8 lỗ (1 nẹp 8 vít khóa 3.5mm)	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	3.5mm reconstruction plate, 8 holes	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Bộ 9 cái	Bộ	50	1,842,000	92,100,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
303	554	1	Oxyt Kẽm	Gói 100g,	Oxyt kẽm	5543/BYT - TB-CT	Prevest	INDIA	Gói 100g	Gói	10	85,000	850,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
304	589	1	Sò đánh bóng	,	Sò đánh bóng	5955/BYT - TB-CT	Ortho	UNITED STATES	Hộp 200 con	Con	100	3,000	300,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
305	664	1	Vít xóp 6.5 x 50- 90, ren 16,32 mm, bước ren 2.75 mm	, + Thép y tế + Đường kính 6,5 mm, chiều dài 50- 90 mm, bước ren 2.75 mm, đoạn ren 16,32mm- Đầu đường kính 8 mm. Tô vít lục giác 3.5 mm + Tiêu chuẩn CE	6.5 mm cancellous bone screw, 16/32mm thread	6453/BYT- TB-CT	Matrix	INDIA	Gói 5 cái	Cái	300	96,000	28,800,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
306	668	1	Vít xương cứng đk 3.5mm các cỡ	Gói 1 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu	3.5 mm cortex screw	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Gói 1 cái	Cái	100	47,000	4,700,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
307	670	1	Vít xương cứng đk 4.5mm các cỡ	Gói 1 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu	4.5 mm cortex screw	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Gói 1 cái	Cái	200	57,000	11,400,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
308	71	2	Bột hydroxyde Calcium	Lọ 10g,	Hydroxyde Calcium	5543/BYT - TB-CT	Prevest	INDIA	Lo 10g	Lọ	3	80,000	240,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
309	154	2	Dây Inox (thép) cột hàm, đường kính 0,4 - 0,6mm	Cuộn 5m, Đường kính: 0,4 - 0,6mm	SS wire spool 26/28 SWG	6453/BYT- TB-CT	Matrix Meditec	INDIA	Gói / cuộn	Cuộn	2	195,000	390,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
310	169	2	Email	Lọ 6ml,	Actino Liquit	5955/BYT - TB-CT	Prevest	INDIA	Lọ/6ml	Lọ	4	80,000	320,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
311	221	2	Kềm nhổ răng các loại	Cây,	Kềm nhổ răng	24/2011/TT- BYT	Famous	PAKISTAN	Gói/1 cây	Cây	30	120,000	3,600,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
312	296	2	Nạy thẳng các số	Cây,	Nạy thẳng	24/2011/TT- BYT	Famous	PAKISTAN	Gói/1 cây	Cây	30	70,000	2,100,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
313	312	2	Nẹp Mini thẳng 18 lỗ	Cái,	Nẹp mini 18 lỗ	1150/BYT- TB-CT	MCT	KOREA, REPUBLIC OF	Gói / 1 cái	Cái	80	1,063,000	85,040,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA
314	374	2	Thạch cao cứng New Plaston	Gói 1,5kg,	New Plastone	5543/BYT - TB-CT	GC	JAPAN	Gói 1,5kg	Gói	2	270,000	540,000	CÔNG TY TNHH TBYT LIÊN NHA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
315	384	1	Kẹp da 35 ghim	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ- Thép y tê, gồm 35 ghim/kẹp- Dễ sử dụng, thích hợp trong phẫu thuật vì phẫu tạo hình	Kẹp da	7284/BYT- TB-CT	Teleflex (Weck)	UNITED STATES	60 cái/ thùng	Cái	3,000	400,000	1,200,000,000	CÔNG TY TNHH THÀNH AN - HÀ NỘI
316	434	1	Lưỡi bảo ô khớp các size	, - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp;- Tiêu chuẩn Mỹ, Châu Âu.- Cần mua đồng bộ: bộ nội soi cắt lọc	Lưỡi cắt sụn và lưỡi bảo dk 4.2mm	7872/BYT- TB-CT	Conmed/ Conmed Linvatec	UNITED STATES	Cái/ gói	Cái	50	4,000,000	200,000,000	CÔNG TY TNHH THÀNH AN - HÀ NỘI
317	435	1	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio các loại	, - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp;- Tiêu chuẩn Mỹ- Cần mua đồng bộ: bộ nội soi cắt lọc	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio các loại	175/BYT-TB- CT	Arthrocare	UNITED STATES	Cái/ gói	Cái	40	6,000,000	240,000,000	CÔNG TY TNHH THÀNH AN - HÀ NỘI
318	438	1	Lưỡi mài dùng cho nội soi khớp	, - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp;- Tiêu chuẩn Mỹ, Châu Âu.- Cần mua đồng bộ: bộ nội soi cắt lọc	Lưỡi cắt sụn và lưỡi bảo dk 4.2mm	7872/BYT- TB-CT	Conmed/ Conmed Linvatec	UNITED STATES	Cái/ gói	Cái	50	4,000,000	200,000,000	CÔNG TY TNHH THÀNH AN - HÀ NỘI
319	440	1	Lưỡi mài xương đường kính 4-6 mm các loại	, Tương thích với tay nạo của máy bảo ô khớp C9800, D3000I	Lưỡi cắt sụn và lưỡi bảo dk 4.2mm	7872/BYT- TB-CT	Conmed/ Conmed Linvatec	UNITED STATES	Cái/ gói	Cái	50	4,000,000	200,000,000	CÔNG TY TNHH THÀNH AN - HÀ NỘI

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
320	495	1	Nẹp khóa LCP đầu dưới xương đùi DF có bộ ngấm LISS, tiêu chuẩn AO	Gói 01 cái, Nẹp khóa nén ép AO LCP đầu dưới xương đùi, vít 4.5/5.0, lỗ kép combi-holes, 7 lỗ khóa đầu nẹp, 4 lỗ gắn dụng cụ định vị bắt vít qua da, đuôi thuôn nhọn, tương thích bộ trợ cụ LISS mô ít xâm lấn- Loại trái/ phải, 5/ 7/ 9/ 11/ 13 lỗ với chiều dài 156/ 196/	Nẹp khoá đầu dưới xương đùi trái phải các cỡ	3528/BYT- TB-CT	Mikromed	POLAND	Cái/ gói	Cái	100	7,500,000	750,000,000	CÔNG TY TNHH THÀNH AN - HÀ NỘI
321	609	1	Súng bơm rửa vết thương	,	Súng bơm rửa vết thương	8450/BYT- TB-CT	Zimmer	UNITED STATES	Cái/ gói	Cái	300	1,800,000	540,000,000	CÔNG TY TNHH THÀNH AN - HÀ NỘI
322	91	6	Escherichia Coli ATCC 25922	Ông 1 chủng,	Escherichia coli WDCM 00013- ATCC® 25922	10042509725 0	Mecconti	POLAND	2 chủng/ túi	Chủng	1	1,336,000	1,336,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
323	133	6	Môi trường BA	Chai 500g,	Blood agar base	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g/ hộp	Chai	10	1,310,000	13,100,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
324	138	6	Môi trường Citrate	Chai 500g,	Simmons Citrate Agar	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g	Chai	10	1,322,000	13,220,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
325	141	6	Môi trường KIA	Chai 500g,	Kligler Iron agar	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g	Chai	10	1,019,000	10,190,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
326	145	6	Môi trường MC	Chai 500g,	MacConkey Agar No 3	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g	Chai	10	1,347,000	13,470,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
327	147	6	Môi trường MH	Chai 500g,	Mueller Hilton agar	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g	Chai	10	1,014,000	10,140,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
328	155	6	Môi trường SS	Chai 500g,	SS Agar (Salmonella Shigella Agar)	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g	Chai	10	1,989,000	19,890,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
329	158	6	Môi trường TSA	Chai 500g,	Tryptone Soy Agar (TSA)	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g	Chai	10	1,238,000	12,380,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
330	159	6	Môi Trường Ure	Chai 500g,	Urea Agar Base	10021822183 0	LabM	UNITED KINGDOM	500g	Chai	6	1,016,000	6,096,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ Y TẾ BMN
331	74	2	Cassette bằng nhựa có nắp	, Khuôn nhựa dùng trong xử lý mô và vùi mô	Cassette bằng nhựa có nắp	KHÔNG	Đại Nam	VIET NAM	Hộp/cái	Hộp	1	630,000	630,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI NAM
332	294	2	Nắp đáy màng lọc thận	,	Nắp đáy màng lọc thận	KHÔNG	Đại Nam	VIET NAM	Thùng / 500 cái	Cái	20,000	1,700	34,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI NAM
333	156	2	Dây lọc máu AV- SET DT-E	Thùng 1 bộ, Kèm theo 02 bộ bảo vệ sensor đo áp lực động mạch và tĩnh mạch (2 tranduceser) .32	Bộ lọc máu + đầu nối bảo hộ	43/2012/BYT- TB-CT	Công ty TNHH CN Y Tế Perfect	VIET NAM	1 cái/ gói, thùng 24 cái	Bộ	6,000	45,885	275,310,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC
334	159	2	Dây oxy 2 nhánh các cỡ (người lớn, trẻ em)	Gói 1 sợi,	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	19/2014/ BYT-TB-CT	Công ty Cổ Phần Vật Tư Tế Khang Nguyễn	VIET NAM	1 sợi/ gói, thùng 250 sợi	Sợi	40,000	3,969	158,760,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
335	163	2	Dây truyền dịch 60 giọt, có bầu pha thuốc	Thùng 25 sợi, Dây truyền dịch 60 giọt/ml, không kim, có màng lọc khí với Φ lỗ lọc 0.2µm, có màng lọc dịch với Φ lỗ lọc 0.15µm, có đầu khóa vặn xoắn (luer lock), bầu đếm giọt 2 ngăn (cứng-mềm), dùng được cho máy truyền dịch, có cổng chích thuốc , có ống đong pha thuốc 150ml có van tự động, không có DEHP, có chứng nhận TUV	Dây truyền dịch 60 giọt có bầu	43/2012/BYT- TB-CT	Công ty TNHH CN Y Tế Perfect	VIET NAM	1 sợi/bao, Hộp 50 sợi	Sợi	5,000	18,123	90,615,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC
336	181	2	Găng tay y tế không tiết trùng có phủ bột talc các cỡ (size S, M, L, XL)	Hộp 50 đôi, - Găng tay cao su có phủ bột talc- Các size: S, M, L, XL- Độ dài găng: 240mm min- Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Găng tay cao su y tế có bột chưa tiết trùng 240mm chất lượng cao	13/2012/ BYT-TB-CT	Công Ty Cổ Phần VRG Khải hoàn	VIET NAM	Hộp 50 đôi/ thùng 500 đôi	Đôi	25,000	915	22,875,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC
337	3	2	Áo phẫu thuật số 2	,	Áo phẫu thuật số 2	29/2014/BYT- TB-CT	LD Đồng Hợp Tiến- NTIVINA	VIET NAM	Cái	Cái	16,000	11,760	188,160,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ EMC
338	26	2	Bao dây đốt điện	,	Bao dây đốt điện	29/2014/BYT- TB-CT	LD Đồng Hợp Tiến- NTIVINA	VIET NAM	Cái	Cái	18,000	5,565	100,170,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ EMC
339	174	2	Gạc ép sọ não 1x8x4 lớp cân quang TT	Gói 20 miếng,	Gạc ép sọ não 1x8x4 lớp, cân quang TT	26/2014/BYT- TB-CT	Bông Bạch Tuyệt	VIET NAM	Gói 20 miếng	Gói	50	7,980	399,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ EMC
340	196	2	Gói gạc đắp phòng, VT, NK 04	,	Gói gạc đắp phòng, VT, NK04	26/.2014/BYT -TB-CT	Bông Bạch Tuyệt	VIET NAM	Gói	Gói	4,000	3,150	12,600,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ EMC

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
341	198	2	Gối gòn gác VT, NK 15	Bọc 1 gói,	Gối gòn gác VT,NK15	26/2014/BYT- TB-CT	Bông Bạch Tuyệt	VIET NAM	Bọc 1 gói	Gối	6,000	2,898	17,388,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ EMC
342	352	2	Que gòn xét nghiệm nhựa	Gối 100 que,	Que gòn xét nghiệm nhựa	26/2014/BYT- TB-CT	Bông Bạch Tuyệt	VIET NAM	Gối 100 Que	Que	5,000	210	1,050,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ EMC
343	286	1	Đinh nội tủy có chốt SIGN đường kính 8,9,10mm x 280-400mm, kèm 1 vít tĩnh và 3 vít động	Bộ 5 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ, FDA và CE.- Thép y tế - 04 vít chống xoay, gồm 1 vít tĩnh đầu gân và 3 vít động.- Khung hỗ trợ đóng đinh một mặt phẳng, đóng kín không dùng C-ARM- Đường kính 8,9,10 mm- Dài từ 280 -> 400 mm	Đinh nội tủy có chốt SIGN đường kính 8,9, 10mm x 280mm- 400mm, kèm 1 vít tĩnh và 3 vít động	GPNK/ 6467	Medgal	POLAND	Gối/ 1	Cái	200	5,360,000	1,072,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E
344	426	1	LGC - Bộ nẹp vít chỉnh hình cột sống lưng 4 vít bao gồm: 4 vít đa trục, 4 vít khóa trong, 1 thanh dọc	Bộ, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ	Bộ nẹp vít chỉnh hình cột sống lưng 4 vít bao gồm: 4 vít đa trục, 4 vít khóa trong, 1 thanh dọc	GPNK/ 8282	Ulrich	GERMANY	Gối/ 1	Bộ	20	16,500,000	330,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
345	427	1	LGC- vít đa trục các cỡ.	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Vít đa trục cánh ren ngược, kèm ốc khoá trong tự ngắt cánh ren ngược:- Kích thước : đường kính 4.0 - 7.5mm, chiều dài 20-50mm.- Phân biệt kích thước vít bằng màu sắc.- Đầu vít : đường kính 8mm, chiều cao: 15.4mm , kiểu ren: cánh ren ngược thể hệ 4, góc	Vít đa trục flamenco Ø 4.5, 5.5, 6.5, 7.0, 8.0m, dài 30, 35, 40, 45, 50, 55mm kèm vít khóa trong	GPNK/ 8282	Ulrich	GERMANY	Gói/ 1	Cái	8	3,700,000	29,600,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E
346	428	1	LGC- vít đơn trục các cỡ.	, Vít đơn trục cánh ren ngược, kèm ốc khoá trong tự ngắt cánh ren ngược:- Kích thước : đường kính 4.0 - 7.5mm, chiều dài 20-50mm.- Phân biệt kích thước vít bằng màu sắc.- Đầu vít : đường kính 8mm, chiều cao: 15.4mm , kiểu ren: cánh ren ngược thể hệ 4, góc	Vít đơn trục flamenco Ø 4.5, 5.5, 6.5, 7.5mm, dài 30, 35, 40, 45, 50, 55mm kèm vít khóa trong	GPNK/ 8282	Ulrich	GERMANY	Gói/ 1	Cái	48	3,200,000	153,600,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
347	481	1	Nẹp dọc	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Thanh dọc tương thích với vít vít đơn trục và vít đa trục cánh ren ngược,bước ren 3mm.- Kiểu dáng: trụ tròn.- Kích thước: đường kính 5.5, chiều dài 50cm.- Chất liệu: Titan	Nẹp dọc flamenco Ø 5.5mm, dài 40, 50, 60, 70mm	GPNK/ 8282	Ulrich	GERMANY	Gói/ 1	Cái	12	500,000	6,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E
348	490	1	Nẹp khóa LCP chống lún mâm chày PTP vít 3.5mm (1 nẹp + 10 vít khóa 3.5mm)	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	Nẹp khóa LCP chống lún mâm chày PTP vít 3.5mm (1 nẹp + 10 vít khóa Ø3.5mm)	GPNK/ 6467	Medgal	POLAND	Gói/ 1	Bộ	50	9,840,000	492,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E
349	496	1	Nẹp khóa LCP liên lồi cầu xương cánh tay DHP có móc/ không móc, vts 2.4/2.7/3.5mm (1 nẹp 5 vít khó 3.5mm, 3 vít khóa 2.7mm	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	Nẹp khóa LCP liên hồi cầu xương cánh tay DHP có móc/ không móc, vít 2.4/2.7/3.5mm (1 nẹp 5 vít khóa Ø3.5mm, 3 vít khóa Ø2.7mm)	GPNK/ 6467	Medgal	POLAND	Gói/ 1	Bộ	50	9,504,000	475,200,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E
350	648	1	Vít chốt ngang Sign đk 4.5mm x 30-65mm	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ, FDA và CE- Thép y tế- 4 vít chống xoay, gồm 1 vít tĩnh đầu gần và 3 vít động.- Khung hỗ trợ đóng đinh một mặt phẳng, đóng kín không dùng C- ARM- Đường kính 8,9,10 mm- Dài từ 280 -> 400 mm	Vít chốt ngang gồm 1 vít tĩnh đầu gần và 3 vít động, đường kính 4.5mm x 30- 65mm	GPNK/ 6467	Medgal	POLAND	Gói/ 1	Cái	1,000	200,000	200,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
351	33	2	Bình thông phổi đơn	, Bộ bình nhựa+ dây nối, có lưới lọc nơi nối dây với bình	Bình thông phổi Siphonage đơn	TKHQ/ 10021072612 0	Thomson	TAIWAN, PROVINCE OF CHINA	Gói/ 1	Bộ	600	102,000	61,200,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LỘC M.E
352	148	1	Certofix Duo V 720	Hộp 10 cái, - CE - ISO- Kim dẫn đường chữ V, có val ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí- Catheter bằng polyurethan tương hợp cao giúp lưu catheter lâu- Đầu nối catheter có val 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn- Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường size 7F, dài 20cm	TKHQ 19746	Balton Sp. z o.o.	POLAND	Hộp/01 cái	Cái	1,700	441,000	749,700,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LONG
353	377	1	Giấy tắm chất thử trong phòng thí nghiệm	, - Tiêu chuẩn Mỹ;- Kiểm tra hóa học nhiều thông số đạt áp suất trong gói hấp, hình tam giác, độ chính xác cao	Giấy tắm chất thử trong phòng thí nghiệm	TKHQ 94034	3M Health Care	UNITED STATES	Túi/500 miếng	Túi	10	1,890,945	18,909,450	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LONG
354	157	2	Dây nối máy bơm tiêm 140cm	Hộp 100 sợi, * Dây nối bơm tiêm chịu áp lực cao, đường kính lớn, dài 140 cm. Không có chất phụ gia DEHP;* Thẻ tích tồn dư 3ml* Có chứng nhận TUV (TCCL Châu Âu)	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	TKHQ 8655	Welford (UK) Ltd	MALAYSIA	Gói/1 cái	Sợi	18,000	5,460	98,280,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LONG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
355	37	2	Bộ dây máy gây mê/giúp thở người lớn, 22mm ID, 150cm	,	CT-16111 - Dây máy gây mê	TKHQ 85675	Besmed	TAIWAN, PROVINCE OF CHINA	01 cái/ gói	Cái	500	55,000	27,500,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
356	335	2	Ống nội khí quản không bóng các số	Bao 1 cái,	Ống đặt nội khí quản không có bóng (dùng một lần - #2.5, #3, #4, #5, #6, 7#)	TKHQ 10005300595 0	Zhejiang Medicines	CHINA	01 cái/gói	Cái	600	8,800	5,280,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
357	337	2	Ống thông (sonde) nelaton các số	Gói 1 sợi, - Yêu cầu kích cỡ: 2 ways, các số (8 - 18);- Chất liệu mềm, trơn láng	Dây (ống) thông tiêu Nelaton Fr8, Fr10, Fr12, Fr14, Fr16	TKHQ 10018210441 0	Zhejiang Medicines	CHINA	01 cái/gói	Sợi	12,000	2,420	29,040,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
358	227	1	Dao AOK 15 Degree Knife	Chọc tiền phòng trong mổ Phaco, vật liệu: lưỡi thép không gỉ, cán nhựa, tiết trùng. Bì 1 cái, Hộp/5 cái	Dao mổ mắt phụ 15 độ (Stab Knifes); Model: A-15F	TKHQ:10400 034562	Kai Medical	JAPAN	Hộp 6 cái,	Cái	150	88,200	13,230,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI
359	228	1	Dao AOK 30 Degree Knife	Chọc tiền phòng trong mổ Phaco, vật liệu: lưỡi thép không gỉ, cán nhựa, tiết trùng. Bì 1 cái, Hộp/5 cái	Dao mổ mắt phụ 30 độ (Stab Knifes); Model: A- 30F	TKHQ:10400 034562	Kai Medical	JAPAN	Hộp 6 cái,	Cái	150	88,200	13,230,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI
360	622	1	Thủy tinh thể cứng	Hộp 1 cái, - Hãng sản xuất: Alcon hoặc tương đương. - Xuất xứ: Mỹ, Châu Âu hoặc tương đương.	Thủy tinh thể nhân tạo cứng EyeKon PMMA; Model: S 106	8865/BYT- TB-CT	EyeKon Medical	UNITED STATES	Thủy tinh thể nhân tạo cứng hậu phòng, Optic 6.0mm, Length 12.5, A: 118.2, Dây diop: 0.0- >+30.0D. Hộp/1 cái	Cái	100	700,000	70,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
361	75	2	Catagel 2ml	Hộp 1 lọ, Hydroxy Propyl Methyl Cellulose 2%, đóng gói dạng ống xylanh 2ml, trong 2 lớp vỏ vô khuẩn, kèm kim hơi	Dịch nhầy Hyprosol 2% (HPMC 2%); 2ml	2552/BYT- TB-CT	Sunways India Pvt Ltd	INDIA	Hydroxypropyl methylcellulose 2% (HPMC), đóng gói dạng ống xilanh 2ml, trong 2 lớp vỏ vô khuẩn, kèm kim hơi	Hộp	600	119,700	71,820,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI
362	455	1	Merocel cầm máu mũi 8cm	Hộp 10 miếng,	Miếng cầm máu mũi 8cm	TKHQ SỐ: 10040326031 1	Spiggle&Theis	GERMANY	Hộp 20 miếng	Miếng	240	110,000	26,400,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ SAO MAI
363	6	1	Băng Alginate bạc 10x10cm	Hộp 10 miếng, Alginate, carboxymethylcellu lose, phức hợp bạc (CE, GMP Châu Âu)	ASKINA CALGITROL AG 10CM x 10CM	10027097593 0 NGÀY 14/01/2015	B.Braun Hospicare Ltd	IRELAND	Hộp/10 miếng	Miếng	1,500	127,338	191,007,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
364	157	1	Chỉ khâu Monomax số 1 + kim tròn (90cm/40mm)	Hộp 24 tệp, Chỉ tan chậm đơn sợi Poly 4 hydroxybutyrate số 1, dài 90cm, có kim tròn phủ silicon dài 40mm	MONOMAX VIOLET 1, 90CM HR40S	7731/BYT- TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/24 tệp	Tệp	600	108,927	65,356,200	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
365	158	1	Chỉ khâu Monosyn Violet 3/O + kim tròn	Hộp 36 tệp, - Chỉ tan tổng hợp Glyconate 3/O, dài 70mm, kim tròn phủ silicon dài 22mm- Tiêu chuẩn: CE	MONOSYN VIOLET 3/O, 70CM HR22	7731/BYT- TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	600	76,860	46,116,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
366	159	1	Chỉ khâu Monosyn Violet 4/O + kim tròn	Hộp 36 tệp, - Chỉ tan tổng hợp Glyconate 3/O, dài 70mm, kim tròn phủ silicon dài 22mm- Tiêu chuẩn: CE	MONOSYN VIOLET 4/O, 70CM HR22	7731/BYT- TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	600	71,442	42,865,200	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
367	165	1	Chỉ khâu Premilene 2/O	Hộp 36 tệp, - Chỉ không tan đơn sợi polypropylen 2/O, dài 75cm- Kim phủ silicon tròn 1/2C dài 26mm- TCKT: CE - ISO	PREMILENE 2/0, 75CM HRT26	7731/BYT- TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	700	91,770	64,239,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
368	166	1	Chỉ khâu Premilene 3/O	Hộp 36 tệp, - Chỉ không tan đơn sợi polypropylen 3/O, dài 90cm- 02 kim phủ silicon tròn 1/2C dài 26mm- TCKT: CE - ISO	PREMILENE 3/0, 90CM 2XHR26	7731/BYT- TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	360	80,094	28,833,840	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
369	167	1	Chỉ khâu Premilene 4/O	Hộp 36 tệp, - Chỉ không tan đơn sợi polypropylen 4/O, dài 90cm- 02 kim phủ silicon tròn 1/2C dài 22mm- TCKT: CE - ISO	PREMILENE 4/0, 90CM 2XHR22	7731/BYT- TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	60	82,740	4,964,400	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
370	168	1	Chỉ khâu Premilene 5/O	Hộp 36 tệp, - Chỉ không tan đơn sợi polypropylen 5/O, dài 75cm- 02 kim phủ silicon tròn 3/8C dài 12mm- TCKT: CE - ISO	PREMILENE 5/0, 75CM 2XDR12	7731/BYT- TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	240	85,218	20,452,320	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
371	169	1	Chỉ khâu Premilene 7/O	Hộp 36 tệp, - Chỉ không tan đơn sợi polypropylen 7/O, dài 75cm- 02 kim phủ silicon tròn 3/8C dài 10mm- TCKT: CE - ISO	PREMILENE 7/O, 75CM 2XDR10	7731/BYT-TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	240	97,692	23,446,080	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
372	177	1	Chỉ khâu Safil Quick 4/O + kim phủ silicon (70cm/ 19mm)	Hộp 36 tệp, Chỉ tan đa sợi Polyglycolic 4/O, dài 70cm, kim phủ silicon 1/2C 19mm	SAFIL QUICK 4/O, 70CM DS19	7731/BYT-TB-CT NGÀY 30/10/2014	B.Braun Surgical S.A	SPAIN	Hộp/36 tệp	Tệp	800	78,876	63,100,800	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
373	261	2	Kim luồn tĩnh mạch, có lock, 18G	Hộp 50 Cây, - Quy cách: 18G, 1.75 inches, 1,3 x 45mm; có lock để bơm thuốc.- Có đầu bảo vệ bằng kim loại; Đầu kim vát 3 mặt;- Cathether nhựa có 4 đường cản quang ngầm & được lưu trong mạch máu 72 giờ;- Tiêu chuẩn: CE - ISO	VASOFIX SAFETY FEP 18G, 1.75 IN.,1.3X45MM	10033841883 0 NGÀY 23/03/2015	B.Braun Medical Industries Sdn.Bhd.	MALAYSIA	Hộp/50 cây	Cây	2,400	14,095	33,828,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
374	262	2	Kim luân tĩnh mạch, có lock, 20G	Hộp 50 cây, - Quy cách: 20G; 1,25 inches; 1,1x33mm; có lock để bơm thuốc- Có đầu bảo vệ bằng kim loại;- Đầu kim vát 3 mặt;- Cathether nhựa có 4 đường cán quang ngầm & được lưu trong mạch máu 72 giờ;- Tiêu chuẩn: CE - ISO	VASOFIX SAFETY FEP 20G,1.25 IN.,1.1X33MM	10032245942 0 NGÀY 09/03/2015	B.Braun Medical Industries Sdn.Bhd.	MALAYSIA	Hộp/50 cây	Cây	30,000	15,619	468,570,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
375	263	2	Kim luân tĩnh mạch, có lock, 22G	Hộp 50 cây, - Quy cách: 22G; 1 inches; 0,9x25mm, có lock để bơm thuốc.- Có đầu bảo vệ bằng kim loại; Đầu kim vát 3 mặt;- Cathether nhựa có 4 đường cán quang ngầm & được lưu trong mạch máu 72 giờ;- Tiêu chuẩn: CE - ISO	VASOFIX SAFETY FEP 22G,1 IN.,0.9X25MM	10030820484 0 NGÀY 24/02/2015	B.Braun Medical Industries Sdn.Bhd.	MALAYSIA	Hộp/50 cây	Cây	150,000	15,766	2,364,900,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
376	264	2	Kim luân tĩnh mạch, có lock, 24G	Hộp 50 cây, - Quy cách: 24G; 0,7x19mm- Có lock để bơm thuốc.- Có đầu bảo vệ bằng kim loại; Đầu kim vát 3 mặt;- Cathether nhựa có 4 đường cản quang ngầm & được lưu trong mạch máu 72 giờ;- Tiêu chuẩn: CE - ISO	INTROCAN SAFETY-W FEP 24G, 0.7X19MM	10030820484 0 NGÀY 24/02/2015	B.Braun Medical Industries Sdn.Bhd.	MALAYSIA	Hộp/50 cây	Cây	25,000	14,900	372,500,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
377	646	1	Vít chỉnh chéo tự tiêu	Gói 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Cốt định đầu trên xương chày. Đầu bắt vít được vát nhọn.- (Đường kính x chiều dài) = (8,9,10,11x 20- 25mm)	Vít chỉnh chéo tự tiêu(Eclipse BCP)	2731/BYT- TB-CT	Biomatlante	FRANCE	Gói 1 cái	Cái	50	3,686,025	184,301,250	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ẢNH SÁNG XANH
378	650	1	Vít dây chỉnh chéo vật liệu sinh học tự tiêu các cỡ	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Dùng cho phẫu thuật nội soi tái tạo dây chỉnh chéo.- Cốt định mảnh ghép dây chỉnh chéo trong khớp gối.- Bioabsorbable Wedge Interference Screw :7x23, 7x28, 8x23, 8x28, 9x23, 9x28, 9x35, 10x28, 10x35, 11x35, 12x35 mm	Vít dây chỉnh chéo tự tiêu các cỡ (Eclipse BCP)	2731/BYT- TB-CT	Biomatlante	FRANCE	Gói 1 cái	Cái	50	3,686,025	184,301,250	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ẢNH SÁNG XANH

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
379	653	1	Vít giữ mảnh ghép gân XO Button	Gói 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Dùng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo trước và sau; - Cỡ vòng dây (Loop Size) : dài 15 -- > 60 mm với bước tăng 5 mm.	Vít giữ mảnh ghép gân (Comete)	2731/BYT- TB-CT	Biomatlante	FRANCE	Gói 01 cái	Cái	50	4,704,000	235,200,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ÁNH SÁNG XANH
380	10	2	Băng keo cá nhân	Hộp 100 miếng, - Tiêu chuẩn: CE- Chất liệu: Vải co dãn phủ keo, có gạc thấm hút màu trắng ở giữa được phủ lớp chống đính;- Kích thước miếng băng: 20mm x 60mm	Băng keo cá nhân	TKHQ: 10031054052 0	ZMC	CHINA	Hộp 100 miếng	Miếng	260,000	180	46,800,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
381	147	2	Dây cao su	Bao 20 cuộn, Yêu cầu kích cỡ: 6 ly dây	Dây nhựa 6ly	08/2008/CTY DA	Đức an	VIET NAM	Cuộn 20 mét	Cuộn	10	78,000	780,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
382	190	2	Giấy in nhiệt (50mm x 20m)	, Máy huyết học, phân tích nước tiểu,...	Giấy in nhiệt 50mm x 20m	TKHQ: 64523	EF Medical	ITALY	Hộp/10 cuộn	Cuộn	240	14,489	3,477,360	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
383	240	2	Kim châm cứu (bộ)	Bộ 30 cây,	Kim châm cứu	TCSX: 01- 98/TT	Tuệ tinh	VIET NAM	Bộ 30 cây	Bộ	200	14,200	2,840,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
384	276	2	Ly nhựa	Cái,	Ly nhựa	TCCS: 13/2012 GH	Gia hưng Vi Na	VIET NAM	Gói/cái	Cái	7,000	359	2,513,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
385	279	2	Mask oxy có túi người lớn, trẻ em	Gói 1 cái,	Mask oxy có túi người lớn, trẻ em	TKHQ: 162757	Changzhou	CHINA	Gói/ cái	Cái	2,000	14,628	29,256,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
386	286	2	Mỡ khí quản có bóng từ số 6 đến số 9	Gói 1 cái,	Mỡ khí quản các số	TKHQ: 162757	Changzhou	CHINA	Gói/ cái	Cái	120	69,900	8,388,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
387	344	2	Plaster of Paris Bandages 4" x 3 yards (10cm x 2,7m)	Hộp 12 cuộn,	Băng bó bột 10cm x 2,7m	TKHQ: 162757	Changzhou	CHINA	Gói/cuộn	Cuộn	5,000	9,200	46,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
388	345	2	Plaster of Paris Bandages 6" x 3 yards (15cm x 2,7m)	Hộp 12 cuộn,	Băng bó bột 15cm x 2,7m	TKHQ: 162757	Changzhou	CHINA	Gói/cuộn	Cuộn	100	14,200	1,420,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
389	380	2	Túi cuộn tiết trùng loại đẹp 100mmx200m	8 cuộn/thùng. In ấn thương hiệu sản phẩm: vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh; chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu nâu nếu tiết trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đậm nếu tiết trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC	Túi ép dẹp 100mm x 200m	TKHQ: 184526	Changzhou	CHINA	Cuộn/200m	Cuộn	90	327,000	29,430,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
390	32	6	Cồn 90 độ	,	Cồn 90 độ	TCCS: 01/2012/CBT C/KD	Khả doanh	VIET NAM	Can 30 lít	Lít	300	22,968	6,890,400	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
391	87	6	Dung dịch Lugol 3%	Chai/200ml,	Dung dịch Lugol 3%	TC: 18- 2010/HC11B	HC 11B	VIET NAM	Chai 200ml	Chai	45	80,000	3,600,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
392	88	6	EA 50 solution	Chai 500ml,	Papanicolaou's solution 3B (EA50)	TKHQ: 37596	Merck	GERMANY	Chai 500ml	Chai	12	898,800	10,785,600	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
393	94	6	Formalin	,	Formol	KT3-4177H09	KHKT	VIET NAM	Chai 1 lít	Chai	84	45,600	3,830,400	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
394	98	6	Giemsa	Chai 500ml,	Giemsa	TKHQ: 51468	Merck	GERMANY	Chai 500ml	Chai	24	993,200	23,836,800	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
395	106	6	Hematoxylin	Chai 500ml,	Papanicolaou's solution 1A (hematoxylin)	TKHQ: 37596	Merck	GERMANY	Chai 500ml	Chai	24	1,083,200	25,996,800	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
396	165	6	OG 6 solution	Chai 500ml,	Papanicolaou's solution 2A (OG6)	TKHQ: 37596	Merck	GERMANY	Chai 500ml	Chai	12	898,400	10,780,800	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
397	179	6	Than hoạt tính	Bao 25 kg,	Than hoạt tính	TKHQ: 34258	Xylong	CHINA	Bao/25 kg	Gram	20,000	65	1,300,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
398	396	2	Túi đựng nước tiểu có dây treo	,	Túi đựng nước tiểu có dây treo	19/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Vật tư y tế Khang Nguyễn	VIET NAM	Bịch 1 sợi	Sợi	24,000	3,980	95,520,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐỒNG DƯƠNG
399	70	1	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay vít đa hướng mặt lông VA/2CVDRV, vít 2.4mm (1 nẹp 8 vít khóa 2.4mm)	Bộ 9 cái, Chất lượng CE và AO	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay, chất liệu titanium	5308/BYT- TB-CT, 5547/BYT- TB-CT	Medtronic- Libieir/Kangh ui	CHINA	Bộ 9 cái	Bộ	50	7,000,000	350,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
400	485	1	Nẹp khóa đầu trên xương chày PLT, vit 4.5/5.0, có bộ ngắt LISS, tiêu chuẩn AO	Gói 01 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp khóa nén ép AO LCP đầu trên xương chày, vit 4.5/5.0, lỗ kép combi-holes, 5 lỗ đầu nẹp, 3 lỗ gắn dụng cụ định vị bắt vít qua da LISS, đuôi thuôn nhọn, mô ít xâm lấnKích thước : dài 4 lỗ/82mm, 6 lỗ/118mm, 8 lỗ/154mm, 10 lỗ/190mm, 12 lỗ/226mm, 14 lỗ/262	Nẹp đầu trên xương chày trái/phải cái loại, dùng vít khóa tự taro 4.5/5.0, chất liệu titanium, tiêu chuẩn FDA	5308/BYT- TB-CT, 5547/BYT- TB-CT	Medtronic- Libieir/Kangh ui	CHINA	Gói 1 cái	Cái	50	7,000,000	350,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DUỘC PHẨM DUY ANH
401	499	1	Nẹp khóa LCP ốp cổ phẫu thuật Philos, vit 3.5/4.0mm (1 nẹp 10 vít khóa 3.5mm)	Bộ 11 cái, Chất lượng CE và AO	Bộ nẹp khóa cổ phẫu thuật các cỡ, chất liệu titanium, tiêu chuẩn FDA	5308/BYT- TB-CT, 5547/BYT- TB-CT	Medtronic- Libieir/Kangh ui	CHINA	Bộ 11 cái	Bộ	100	13,000,000	1,300,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DUỘC PHẨM DUY ANH
402	654	1	Vít khóa AO 2.4mm đa hướng, AO ASIF	Gói 1 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu	Vít khóa đk 2.4/3.5mm x 14- 40mm, tự taro	5308/BYT- TB-CT, 5547/BYT- TB-CT	Medtronic- Libieir/Kangh ui	CHINA	Gói 1 cái	Cái	50	450,000	22,500,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DUỘC PHẨM DUY ANH
403	663	1	Vít xoắn 4.0 x 30- 55mm, ren 12 mm, bước ren 1.75 mm	, + Thép y tế + Đường kính 4.0 mm, dài 30-55 mm, ren 12mm, bước ren 1.75 mm, + Đầu đường kính 6 mm, Tô vít lục giác 2.5 mm + Tiêu chuẩn CE	Vít xoắn đk 4.0 x 30- 55mm, ren 12mm, chất liệu titanium	5308/BYT- TB-CT, 5547/BYT- TB-CT	Medtronic- Libieir/Kangh ui	CHINA	Cái/gói	Cái	500	150,000	75,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DUỘC PHẨM DUY ANH

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
404	679	1	Vít xương xỏp SYN 4.0mm các cỡ, tiêu chuẩn AO,CE	Gói 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Vít xương xỏp AO 4.0mm, dùng cho nẹp khóa AO, đường kính lõi vít 1.9mm, dài 10 - 60mm- Loại một phần ren và toàn ren,- Có đủ các chiều dài : 10-30 mm với bước tăng 2 mm và 35-60 mm với bước tăng 5 mm,- Đường kính ren 4.0 mm, đường kính lo	Vít xỏp đk 4.0 x 30- 60mm, ren toàn phần, chất liệu titanium	5308/BYT- TB-CT, 5547/BYT- TB-CT	Medtronic- Libieir/Kangh ui	CHINA	Gói 1 cái	Cái	200	150,000	30,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
405	161	2	Dây truyền dịch	Bọc 1 dây, - Bộ dây truyền dịch kim thường, các cỡ kim, đầu kim sắc nhọn vát 3 cạnh giúp dễ lấy mạch và giảm cảm giác đau buốt.- Bầu đếm giọt có thiết kế màng lọc dịch.- Van thoát khí có màng lọc khí.- Dây dẫn cấu tạo từ nguyên liệu nhựa PVC nguyên sinh trắng Silicon mềm dẻo dai; độ dãn hồi cao, không bị gãy gập khi sử dụng và bảo quản; độ dài 1500mm, có bầu tiếp thuốc.- Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CE- Tiệt trùng bằng khí EO- Vô trùng, không buốt, không độc, không gây sốt	Infusion Set	TỔ KHAI HẢI QUAN SỐ 23742	Perfect Forest Sdn Bhd	MALAYSIA	Thùng 400 sợi	Sợi	156,000	3,100	483,600,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHƯƠNG LINH
406	24	2	Bao Camera nội soi	Bọc 1 cái,	Bao camera nội soi	TCCS 03:2013/ CTY-NM	Nhật Minh	VIET NAM	1 cái/ túi	Cái	12,000	5,817	69,804,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
407	27	2	Bao đo máu sản phụ tiệt trùng	Gói 1 cái,	Túi đo lượng máu sau sinh	TCCS 05:2013/ CTY-NM	Nhật Minh	VIET NAM	1 cái/ túi	Cái	8,000	5,817	46,536,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
408	229	2	Khăn trải mô 2,5 x 3,0m	,	Khăn trải mô 2.5x3.0m	TCCS 02:2014/ CTY-NM	Nhật Minh	VIET NAM	1 cái/ túi	Cái	10,000	27,300	273,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
409	370	2	Tấm lót 1,3m x 2m	, Drap	Tấm trải y tế 1,3mx2m	TCCS 02:2014/ CTY-NM	Nhật Minh	VIET NAM	1 cái/ túi	Cái	50,000	5,355	267,750,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
410	372	2	Tạp dề y tế 1,10m x 1,20m	,	Tạp dề y tế 1,10mx1,20m	TCCS 06:2013/ CTY-NM	Nhật Minh	VIET NAM	1 cái/ túi	Cái	50,000	3,024	151,200,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
411	405	2	Vì phân liều 3 ngăn (lớn)	Thùng 100 cái,	Hộp phân liều thuốc 3 ngăn	TCCS 01:2014/ CTY-NM	Nhật Minh	VIET NAM	1 cái/ túi	Cái	19,200	3,150	60,480,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
412	149	2	Dây cho ăn có nắp (Feeding) các cỡ	Gói 1 sợi, - Ống trong suốt dễ dàng quan sát chất lỏng- Ống 2 mắt nhựa được sử dụng làm thức ăn cho thông mũi dạ dày của trẻ sơ sinh, người lớn- Màu sắc được mã hóa để xác định kích thước- Các cỡ từ 5 đến 18	Dây cho ăn các số 6,8,10	10019389753 0/NKD	BROSS	MALAYSIA	Gói 1 Sợi/ Hộp 100 Sợi	Sợi	8,000	2,100	16,800,000	CÔNG TY TNHH TM & DV KT NGUYỄN LÂM
413	234	2	Khóa 3 ngã có dây 25cm (Đầu ba chạc có dây)	Gói 1 cái,	Khóa 3 ngã có dây 25cm	10036803432 0/NKD	BROSS	MALAYSIA	Gói 1 Cái/ Hộp 50 Cái	Cái	30,000	4,410	132,300,000	CÔNG TY TNHH TM & DV KT NGUYỄN LÂM
414	319	2	Nút chặn đuôi kim luồn (In stopper)	Hộp 50 cái, - Có chứng nhận TUV (tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu);- Có hoặc không có heparin	Nút vận kim luồn	10036803432 0/NKD	BROSS	MALAYSIA	Gói 1 cái/ Hộp 100 cái	Cái	83,000	945	78,435,000	CÔNG TY TNHH TM & DV KT NGUYỄN LÂM

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
415	10	1	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm mô mở loại mới (SR75)	Hộp 12 chiếc, Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm mô mở loại mới, công nghệ kim 3D, 3 hàng kim mỗi bên, kim bằng Titanium Alloy	75 MM NTLC SELECTABLE RELOAD (SR75)	7328/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch/ 1 chiếc, hộp/12 chiếc	Chiếc	20	1,600,000	32,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
416	11	1	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng Echelon 60mm (ECR60B/D/G/W)	Hộp 12 chiếc, Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng Echelon 60mm, 4 loại: màu trắng, màu xanh đương, màu vàng,màu xanh lá kim đóng lẫn lượt 1.0mm, 1.5mm, 1.8mm,2.0mm	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng Echelon 60mm (ECR60B/D/G/W)	2894/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch/1 chiếc, hộp/12 chiếc	Chiếc	40	2,800,000	112,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
417	176	1	Chỉ khâu Prolene số 0 (100cm/31mm, 1/2C RB)	Hộp 12 tệp, - Chỉ khâu không tan số 0, 100cm- Kim tròn 31mm, 1/2C RB	PROLENE 0 30MM1/2C RB HVY (W 8430)	3571/BYT- TB-CT	Johnson	BELGIUM	Hộp/ 12 tệp	Tệp	120	97,500	11,700,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
418	187	1	Chỉ khâu Vicryl 4/O + kim tròn (70cm/17mm, 1/2C)	Hộp 36 tệp, - Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (triclosan)- Chỉ 4/O, chiều dài 70cm- Dây bện đa sợi, màu tím- Kim tròn, 17mm , 1/2 vòng tròn	CTD VICRYL+ ANTIBACT VI 4/0 70 (VCP 304H)	3571/BYT- TB-CT	Johnson	BELGIUM	Hộp / 36 tệp	Tệp	1,200	107,500	129,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
419	201	1	Cidex 14 ngày SCX 145	Thùng 5 lít, GLUTARALDEH YDE >= 2,4% + PH 8,2 -9,2 (kèm theo lọ hoạt hóa riêng)	Cidex 14 day	VNDP-HC- 552-10-11	Johnson	UNITED KINGDOM	Thùng 5 lít	Thùng	252	420,000	105,840,000	CÔNG TY TNHH TM DUỘC PHẨM LONG GIANG
420	203	1	Cidezyme (MS 2258)	Bình 1 lít, Subtilisin (hỗn hợp enzym thủy giải + chất tẩy rửa)	Cidezyme 1 lit	VNDP-HC- 089-12-11	Johnson	UNITED STATES	Bình 1 lít	Bình	130	640,000	83,200,000	CÔNG TY TNHH TM DUỘC PHẨM LONG GIANG
421	204	1	Cidezyme (MS 2260)	Thùng 5 lít, Subtilisin (hỗn hợp enzym thủy giải + chất tẩy rửa)	Cidezyme 5 lit	VNDP-HC- 089-12-11	Johnson	UNITED STATES	Bình 5 lít	Thùng	12	2,500,000	30,000,000	CÔNG TY TNHH TM DUỘC PHẨM LONG GIANG
422	230	1	Dao siêu âm Harmonic ACE	Hộp 6 chiếc, Dao siêu âm Harmonic ACE, 5mm, dài 36cm, dùng trong phẫu thuật nội soi, kết hợp với dây dao HP054	HARMONIC ACE 36 CM (ACE 36E)	6027/BYT- TB-CT	Ethicon Endo- Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch 1 cái , hộp/ 6 cái	Chiếc	10	17,000,000	170,000,000	CÔNG TY TNHH TM DUỘC PHẨM LONG GIANG
423	231	1	Dao siêu âm harmonic Focus	Hộp 6 chiếc, Dao siêu âm harmonic Focus, dài 9cm, dùng trong mổ mở bướu cổ, kết hợp với dây dao HPBLUE	HS FOCUS 9CM CURVED SHEAR (FCS 9)	6027/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch /1 cái, hộp / 6 cái	Chiếc	30	11,000,000	330,000,000	CÔNG TY TNHH TM DUỘC PHẨM LONG GIANG
424	266	1	Dây dao Harmonic màu xám dùng cho dao nội soi	Hộp 1 chiếc, Kết hợp với daosiem âm Harmonic ACE (Mã số ACE36E)	HS II HANDPIECE (HP054)	6027/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Hộp/ 1 chiếc	Chiếc	2	50,000,000	100,000,000	CÔNG TY TNHH TM DUỘC PHẨM LONG GIANG
425	267	1	Dây dao Harmonic màu xanh dùng cho dao mổ hở	Hộp 1 chiếc, Kết hợp với dao siêu âm Harmonic ACE (Mã số ACE36E)	HAND PIECE BLUE (HPBlue)	6027/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Hộp / 1 chiếc	Chiếc	2	49,500,000	99,000,000	CÔNG TY TNHH TM DUỘC PHẨM LONG GIANG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
426	312	1	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô hở 75mm tự động (NTLC75)	Hộp 3 chiếc, Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô hở 75mm, loại mới, có nút điều chỉnh chiều cao kim cho mô trung bình, dày & rất dày, 6 hàng kim, công nghệ kim 3D, kim đóng từ 1.5-2.0mm	New 75mm Linear cutter, selectable staple height (NTLC 75)	7328/BYT_T B-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch / 1 chiếc , hộp / 3 chiếc	Chiếc	4	5,544,000	22,176,000	CÔNG TY TNHH TM DU'QC PHẨM LONG GIANG
427	313	1	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm tự động (EC60A)	Hộp 3 chiếc, Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm, cán dài 34cm, gập góc 45 độ, đe bằng thép đúc, dao hình chữ C làm bằng thép đúc 400 không rỉ	ECHELON 60 ARTICULATING ENDOSCOPIC LINEAR CUTTER (EC60A)	2894/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch/ 1 chiếc , hộp /3 chiếc	Chiếc	6	15,246,000	91,476,000	CÔNG TY TNHH TM DU'QC PHẨM LONG GIANG
428	314	1	Dụng cụ khâu cắt nối tròn 29mm tự động (CDH29A)	Hộp 3 chiếc, Dụng cụ khâu cắt nối tròn 29mm, đường kính lòng cắt 20.4mm, cán dài 18cm, chiều cao kim mở 5.5mm, tự động điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 1mm- 2.5mm	CURVED DETACH HEAD ILS 29 (CDH29A)	7328/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch / 1 chiếc , hộp/ 3 chiếc	Chiếc	5	9,200,000	46,000,000	CÔNG TY TNHH TM DU'QC PHẨM LONG GIANG
429	553	1	OT Surestep Test Striphos	,	OT Verio Strip Hosp h50	54/BYT-TB- CT	Lifescan (Johnson)	UNITED KINGDOM	Hộp/50 que, thùng 24 hộp	Que	40,000	8,600	344,000,000	CÔNG TY TNHH TM DU'QC PHẨM LONG GIANG
430	580	1	Presept 2,5g	, Troclosen Sodium	Presept 2.5	VNDP-HC- 078-09-11	Johnson	IRELAND	Chai / 100 viên	Viên	800	5,100	4,080,000	CÔNG TY TNHH TM DU'QC PHẨM LONG GIANG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
431	184	2	Găng y tế dùng trong sản khoa chưa tiệt trùng	Hộp 50 đôi, - Độ dài găng: đến khủy tay - Găng chưa tiệt trùng	Găng sản khoa chưa tiệt trùng	46/2014/BYT- TB-CT	Nam Tín	VIET NAM	Hộp/ 50 đôi	Đôi	200	9,135	1,827,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
432	282	2	Microshield 4% 5 lít	Thùng 5 lít, Isopropanol < 10%+ Fatty acid diethanolamide < 10%+ Acetic acid glacial <10% +CHG 4%. Có seal nắp.	Microshield 4% 5 lít	VNDP-HC- 054-05-11	Johnson	AUSTRALIA	Thùng 5 lít	Thùng	30	1,400,000	42,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
433	283	2	Microshield 4% 500ml	Chai 500ml, Isopropanol < 10%+ Fatty acid diethanolamide < 10%+ Acetic acid glacial <10% +CHG 4%. Có seal nắp.	Microshield 4% 500 ml	VNDP-HC- 054-05-11	Johnson	AUSTRALIA	Chai 500 ml, thùng/ 12 chai	Chai	30	175,000	5,250,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
434	9	4	Bộ dụng cụ phẫu thuật trĩ Longo- PPH	Hộp 3 chiếc, Dụng cụ khâu nối vòng 33mm, đường kính lồng cắt 24,4mm, 28 kim titanium Alloy, tự động điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 0,75mm- 1,5mm, dùng trong phẫu thuật trĩ theo PP Longo	PROXIMATE PPH PROCEDURE SET (PPH03)	7328/BYT- TB-CT	Ethicon Endo – Surgery (Johnson)	MEXICO	Bịch/1 chiếc, hộp/3 chiếc	Chiếc	180.00	8,900,000	1,602,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
435	1	1	8 Vít đa trục, 8 ốc khóa trong , 1 thanh dọc	Bộ 17 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ	8 vít đa trục gss, 8 ốc khóa trong gss, 1 thanh dọc gss	2738/BYT- TB-CT	GS Medical	KOREA, REPUBLIC OF	Bịch/1 cái, Bộ 17 cái	Bộ	100	28,200,000	2,820,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TƯỜNG
436	77	1	Bộ nẹp vít chỉnh hình cột sống lưng 4 vít bao gồm: 4 vít đa trục, 4 vít khóa trong, 1 thanh dọc	Bộ 9 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ	Bộ nẹp vít chỉnh hình cột sống lưng gss 4 vít bao gồm: 4 vít đa trục, 4 vít khóa trong, 1 thanh dọc	2738/BYT- TB-CT	GS Medical	KOREA, REPUBLIC OF	Bịch/1 cái	Bộ	20	14,400,000	288,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TƯỜNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
437	78	1	Bộ nẹp vít chỉnh hình cột sống lưng 6 vít bao gồm: 6 vít đa trục, 6 vít khóa trong, 1 thanh dọc	Bộ 13 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ	Bộ nẹp vít chỉnh hình cột sống lưng gss 6 vít bao gồm: 6 vít đa trục, 6 vít khóa trong, 1 thanh dọc	2738/BYT- TB-CT	GS Medical	KOREA, REPUBLIC OF	Bịch/1 cái	Bộ	50	21,400,000	1,070,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG
438	401	1	Khung đệm cột sống lưng AVS PL	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Đi kèm mặt hàng AVS PL Spacer. Dùng cho phẫu thuật cột sống lưng lối sau. Thay thế và hàn xương giữa các đốt cột sống lưng. Được sử dụng đặt thẳng theo chỉ định.- Vật liệu : PEEK.- Hình dáng: Góc lệch : 0 độ và 4 độ. Rỗng (hollow), có răng cưa (serration) trên đỉnh (top) và đáy (bottom), mũi trước tròn và cạnh sau phẳng (rounded anterior nose and flat posterior edge). - Rộng 11 mm và dài 20, 25 mm tương ứng với chiều cao từ 9 - 50 mm.	Khung đệm cột sống lưng fidji, đóng gói tiệt trùng sẵn	2733/BYT- TB-CT	Zimmer Spine	FRANCE	Hộp/1 cái	Cái	100	4,900,000	490,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG
439	515	1	Ống dẫn đường Guidewire cứng 0.035", thẳng 150cm	Gói 1 cái,	Dây dẫn đường ANGIOFLEX guide wire 0.035", 150 cm, đầu thẳng	1151/BYT- TB-CT	Kimal	UNITED KINGDOM	Gói/1 cái	Cái	50	300,000	15,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
440	516	1	Ống dẫn đường Guidewire mềm Hydrophilie 0,035", thẳng 150cm	Gói 1 cái,	Dây dẫn thân nước ANGIOFLEX hydrophilic guide wire 0.035", 150cm, đầu thẳng	1151/BYT- TB-CT	Kimal	UNITED KINGDOM	Gói/1 cái	Cái	10	701,400	7,014,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG
441	645	1	Vít đơn trục XIA 4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 kèm ốc trong (4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 mm Monoaxial Screws)	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Đi kèm mặt hàng XIA Spinal System.- Dùng cho phẫu thuật cột sống lưng lõi sau.- Vật liệu: Titanium / thép không gỉ- Kích cỡ: + Ø4.5mm: 25 - 45mm+ Ø5.5mm: 25 - 55mm+ Ø6.5mm: 30 - 60mm+ Ø7.5mm: 30 - 60mm+ Ø8.5mm: 30 - 60mm	Vít đơn trục GSS 4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 kèm ốc trong (4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 mm Monoaxial Screw)	2738/BYT- TB-CT	GS Medical	KOREA, REPUBLIC OF	Bịch/1 cái	Cái	50	2,750,000	137,500,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG
442	647	1	Vít chốt cố định dây chằng chéo Retrobutton	Gói 1 bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Thanh ngang : đường kính lỗ 3 mm, chiều dài 12 mm/ 15 mm;- Cờ vòng dây (Loop Size) : dài 15 --> 60 mm với bước tăng 5 mm.	Vít chốt cố định dây chằng chéo Aim-fix	5124/BYT- TB-CT	THT	FRANCE	Hộp/1 cái	Bộ	50	5,500,000	275,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
443	649	1	Vít đa trục XIA 4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 kèm ốc trong (4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 mm Polyaxial Screw)	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Đi kèm mặt hàng XIA Spinal System.- Dùng cho phẫu thuật cột sống lưng lõi sau.- Vật liệu: Titanium / thép không gỉ- Kích cỡ: + Ø4.5mm: 25 - 45mm+ Ø5.5mm: 25 - 55mm+ Ø6.5mm: 30 - 60mm+ Ø7.5mm: 30 - 60mm+ Ø8.5mm: 30 - 60mm	Vít đa trục GSS 4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 kèm ốc trong (4.5/ 5.5/ 6.5/ 7.5/ 8.5 mm Polyaxial Screw)	2738/BYT- TB-CT	GS Medical	KOREA, REPUBLIC OF	Bịch/1 cái	Cái	50	3,400,000	170,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG
444	680	1	X10-Nẹp nối ngang.	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Thanh ngang tương thích với vít đơn trục và vít đa trục cánh ren ngược, xoay được 3 chiều.- Xoay được đa chiều.- Kích cỡ có thể điều chỉnh từ : 28 - 81 mm.- Kèm theo 02 ốc khóa trong để xiết chặt vào thanh dọc 5.5mm.	Nẹp nối ngang GSS	2738/BYT- TB-CT	GS Medical	KOREA, REPUBLIC OF	Bịch/1 cái	Cái	2	3,500,000	7,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TUỜNG
445	77	2	Cây dè lưỡi gỗ tiết trùng	Hộp 100 cây, - Tiêu chuẩn: ISO- Mỗi cây (que) có bao gói riêng, đã tiệt trùng	Cây dè lưỡi gỗ tiết trùng	TC 001 - 2003/CTLV	Lạc Việt	VIET NAM	100 cây/hộp	Cây	43,200	248	10,713,600	CÔNG TY TNHH TM DV VIỆT DENTA
446	268	2	Lam kính nhám 25,4 x 76.2mm (7105)	Hộp 72 miếng, 25,4 x 76.2mm (7105)	Lam kính nhám 7105	10027642031 0 TKHQ	Winice	CHINA	72 miếng/ hộp	Hộp	200	16,779	3,355,800	CÔNG TY TNHH TM DV VIỆT DENTA

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
447	334	2	Ống nghiệm trắng không nắp 12x75mm	Bọc 500 ống, 12x75mm	Ống nghiệm không nắp 12x75mm	'0303718914	HHH	CHINA	500 cái/gói	Cái	50,000	231	11,550,000	CÔNG TY TNHH TM DV VIỆT DENTA
448	271	2	Lọ đựng nước tiểu vô trùng	,	Urine Container	674/HQHCM- GSQL	Ningbo MFLab Medical Instrument Co., Ltd	CHINA	Bịch 100 cái	Lọ	16,000	1,400	22,400,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
449	7	6	Anti A	Lọ 10ml,	Anti A	4484/BYT- TB-CT	Spinreact	SPAIN	Lọ 10 ml	Lọ	400	152,000	60,800,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
450	8	6	Anti AB	Lọ 10ml,	Anti AB	4484/BYT- TB-CT	Spinreact	SPAIN	Lọ 10 ml	Lọ	400	152,000	60,800,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
451	9	6	Anti B	Lọ 10ml,	Anti B	4484/BYT- TB-CT	Spinreact	SPAIN	Lọ 10 ml	Lọ	400	152,000	60,800,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
452	10	6	Anti D	Lọ 10ml,	Anti D	4484/BYT- TB-CT	Spinreact	SPAIN	Lọ 10 ml	Lọ	400	280,000	112,000,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
453	23	6	CBC 3K Hematology control	Hộp 6 x 3ml,	Hematology Control	4484/BYT- TB-CT	R&D	USA	Hộp 6*3ml (2L, 2N, 2H)	Hộp	72	7,200,000	518,400,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
454	104	6	HBA1C Control L1, L2	Hộp 4 x 0,5ml,	HBA1C Control	4484/BYT- TB-CT	Spinreact	SPAIN	Hộp 4*0.5ml	Hộp	12	4,500,000	54,000,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
455	132	6	Mission control	Hộp 30 x 2ml,	Mission control	4484/BYT- TB-CT	Diamond	USA	Hộp 3*10*1.8ml	Hộp	12	2,800,000	33,600,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
456	641	1	Túi máu đơn 250ml	Túi,	Blood Bag Single	TK100402924 310	Demophorius	CYPRUS	50 Túi / Thùng	Túi	1,100	32,970	36,267,000	CÔNG TY TNHH TM THỤY AN
457	399	2	Túi máu ba 350ml	Thùng 25 túi,	Blood Bag Triple 350ml	TK: 10032564501 0	Kawasumi Laboratories.,I nc	JAPAN	40 Túi/ Thùng	Túi	2,000	92,505	185,010,000	CÔNG TY TNHH TM THỤY AN
458	400	2	Túi máu đôi 250ml	Thùng 35 túi,	Blood Bag Double 250ml	TK: 10032564501 0	Kawasumi Laboratories.,I nc	JAPAN	60 Túi/ Thùng	Túi	2,000	60,690	121,380,000	CÔNG TY TNHH TM THỤY AN
459	479	1	Nẹp cố định nắp sọ	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp cố định nắp sọ thẳng 2 lỗ 11mm, 16mm;- Chất liệu Titanium	Nẹp Micro thẳng 2 lỗ 12-ST-002	1081/BYT- TB-CT	Jeil Medical Corporation	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/ 1cái	Cái	10	613,128	6,131,280	CÔNG TY TNHH TM VẬT TƯ THIẾT BỊ KỸ THUẬT Y TẾ

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
460	480	1	Nẹp cố định nắp sọ dài	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp cố định nắp sọ thẳng 4 lỗ 17mm, 20mm;- Chất liệu Titanium	Nẹp Micro thẳng 4 lỗ 12-ST-004	1081/BYT- TB-CT	Jeil Medical Corporation	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/ 1 cái	Cái	10	613,128	6,131,280	CÔNG TY TNHH TM VẬT TƯ THIẾT BỊ KỸ THUẬT Y TẾ
461	482	1	Nẹp đóng lỗ khoan hộp sọ Craniofix nhỏ	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp đóng lỗ khoan hộp sọ Craniofix 11mm;- Chất liệu Titanium	Nẹp tròn sọ não 12- CV-004	1081/BYT- TB-CT	Jeil Medical Corporation	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/ 1 cái	Cái	100	1,300,000	130,000,000	CÔNG TY TNHH TM VẬT TƯ THIẾT BỊ KỸ THUẬT Y TẾ
462	483	1	Nẹp đóng lỗ khoan hộp sọ Craniofix trung bình	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp đóng lỗ khoan hộp sọ Craniofix 16mm;- Chất liệu Titanium	Nẹp tròn sọ não 12- CV-001	1081/BYT- TB-CT	Jeil Medical Corporation	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/ 1 cái	Cái	100	1,300,000	130,000,000	CÔNG TY TNHH TM VẬT TƯ THIẾT BỊ KỸ THUẬT Y TẾ
463	502	1	Nẹp titan vá sọ 16 lỗ	Hộp 1 miếng, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Nẹp cố định nắp sọ thẳng 16 lỗ 63mm;- Chất liệu Titanium	Nẹp Micro thẳng 18 lỗ 12-ST-018	1081/BYT- TB-CT	Jeil Medical Corporation	KOREA, REPUBLIC OF	Gói/ 1 cái	Miếng	100	920,909	92,090,900	CÔNG TY TNHH TM VẬT TƯ THIẾT BỊ KỸ THUẬT Y TẾ
464	559	1	Phim khô Laser 10 x 12 inch	,	Phim khô Laser 10 x 12inch	GPNK: THUỘC DIỆN MIỄN XIN GPNK (THÔNG TƯ THAY GPNK CỦA BỘ Y TẾ SỐ: 24/2011/TT- BYT KÈM THEO TKHQ)	CARESTREA M	UNITED STATES	Hộp 100 tấm hoặc Hộp 125 tấm	Tấm	60,000	23,220	1,393,200,000	CÔNG TY TNHH TM VĨNH PHÁT

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
465	3	6	Acid Acetic	Chai 500ml,	Acid acetic	04/2001/XL	Xilong	CHINA	Chai 500ml	Chai	9	45,000	405,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
466	4	6	Acid HCl	Chai 500ml,	Acid HCl	01-201XL	Xilong	CHINA	Chai 500ml	Chai	9	50,000	450,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
467	15	6	Bile Esculin	Bọc 10ống,	Bile Eculin	04-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Bọc /10 Ống	Ống	120	6,500	780,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
468	37	6	Đĩa kháng sinh Amikacin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Amikacin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
469	38	6	Đĩa kháng sinh Amoxicillin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Amoxicillin	03-2001/NK	Nam khoa	VANUATU	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
470	40	6	Đĩa kháng sinh Ampicilin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Ampicilin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
471	41	6	Đĩa kháng sinh Augmentin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Augmentin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
472	42	6	Đĩa kháng sinh Azithromycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Azithromycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
473	44	6	Đĩa kháng sinh Bactrim	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Bactrim	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
474	45	6	Đĩa kháng sinh Beta Lactamase	Lọ 20 đĩa,	Đĩa kháng sinh Beta Lactamase	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/20 đĩa	Lọ	50	250,000	12,500,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
475	46	6	Đĩa kháng sinh Cefaclor	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Cefaclor	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
476	47	6	Đĩa kháng sinh Cefepime	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Cefepime	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
477	48	6	Đĩa kháng sinh Cefoperazon	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Cefoperazon	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
478	49	6	Đĩa kháng sinh Cefotaxim	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Cefotaxim	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
479	50	6	Đĩa kháng sinh Ceftazidime	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Ceftazidime	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
480	51	6	Đĩa kháng sinh Ceftriaxone	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Ceftriaxone	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
481	52	6	Đĩa kháng sinh Cefuroxim	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Cefuroxim	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
482	53	6	Đĩa kháng sinh Cephalexin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Cephalexin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
483	54	6	Đĩa kháng sinh Chloramphenicol	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Chloramphenicol	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
484	55	6	Đĩa kháng sinh Ciproloxacin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Ciproloxacin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
485	57	6	Đĩa kháng sinh Clindamycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Clindamycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
486	58	6	Đĩa kháng sinh Colitin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Colitin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
487	59	6	Đĩa kháng sinh Doxycyclin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Doxycyclin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
488	60	6	Đĩa kháng sinh Erythomycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Erythomycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
489	61	6	Đĩa kháng sinh Gentamycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Gentamycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
490	62	6	Đĩa kháng sinh Imipenem	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Imipenem	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
491	63	6	Đĩa kháng sinh Kanamycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Kanamycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
492	64	6	Đĩa kháng sinh Levofloxacin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Levofloxacin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
493	65	6	Đĩa kháng sinh Nalidixic acid	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Nalidixic acid	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
494	66	6	Đĩa kháng sinh Neltimycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Neltimycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
495	67	6	Đĩa kháng sinh Neomycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Neomycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
496	68	6	Đĩa kháng sinh Nitrocefin	Lọ 20 đĩa,	Đĩa kháng sinh Nitrocefin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/20 đĩa	Lọ	50	250,000	12,500,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
497	69	6	Đĩa kháng sinh Nitrofurantoine	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Nitrofuratoine	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
498	70	6	Đĩa kháng sinh Norfloxacin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Norfloxacin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
499	71	6	Đĩa kháng sinh Novobiocin	Lọ,	Đĩa kháng sinh Novobiocin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
500	72	6	Đĩa kháng sinh Ofloxacin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Ofloxacin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
501	73	6	Đĩa kháng sinh Oxacillin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Oxacillin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
502	74	6	Đĩa kháng sinh Pefloxacin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Pefloxacin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
503	75	6	Đĩa kháng sinh Penicillin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Penicillin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
504	76	6	Đĩa kháng sinh Rifampicin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Rifampicin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
505	77	6	Đĩa kháng sinh Tetracyclin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Tetracyclin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	2	62,500	125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
506	78	6	Đĩa kháng sinh Ticarcillin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Ticarcillin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
507	79	6	Đĩa kháng sinh Tobramycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Tobramycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
508	80	6	Đĩa kháng sinh Vancomycin	Lọ 50 đĩa,	Đĩa kháng sinh Vancomycin	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/50 đĩa	Lọ	50	62,500	3,125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
509	82	6	Đĩa petri lớn 90cm	Thùng 500 đĩa,	Đĩa petri 90 cm	01-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Thùng 500 đĩa	Đĩa	10,000	2,300	23,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
510	83	6	Đĩa petri nhỏ 60cm	Thùng 500 đĩa,	Đĩa petri 60 cm	01-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Thùng 500 đĩa	Đĩa	20,000	2,300	46,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
511	85	6	Đĩa XV.XV	Bộ 3 lọ 20 đĩa,	Đĩa XV.XV	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Bộ 3 lọ 20 đĩa	Bộ	5	250,000	1,250,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
512	89	6	Enterococcus Coli ATCC 29212	Ông 1 chủng,	Enterococcus Coli ATCC 29212	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
513	92	6	Escherichia Coli ATCC 35218	Ông 1 chủng,	Escherichia Coli ATCC 35218	01-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
514	102	6	Haemophiilus influenzae ATCC 49247	Ông 1 chủng,	Haemophiilus influenzae ATCC 49247	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
515	103	6	Haemophiilus influenzae ATCC 49766	Ông 1 chủng,	Haemophiilus influenzae ATCC 49766	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
516	162	6	Neisseria gonorrhoeae ATCC 49266	Ông 1 chủng,	Neisseria gonorrhoeae ATCC 49266	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
517	166	6	Optochin test	Lọ/20 đĩa,	Optochin test	03-2001/NK	Nam Khoa	VIET NAM	Lọ/20 đĩa	Lọ	12	41,000	492,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
518	167	6	Oxidase test	Lọ/20 đĩa,	Oxidase test	03-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Lọ/20 đĩa	Lọ	24	41,000	984,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
519	169	6	Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	Ông 1 chủng,	Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
520	170	6	Saulatex	Bộ 160 thử nghịệm,	Saulatex	04-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Bộ/160	Bộ	4	937,500	3,750,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
521	173	6	Staphylococcus Aureus ATCC 25913	Ông 1 chủng,	Staphylococcus Aureus ATCC 25913	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
522	174	6	Staphylococcus Aureus ATCC 25923	Ông 1 chủng,	Staphylococcus Aureus ATCC 25923	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
523	175	6	Streptococcus pnemoniae ATCC 49619	Ông 1 chủng,	Streptococcus pnemoniae ATCC 49619	05-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Ông 1 chủng	Chủng	1	3,000,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
524	180	6	Thuốc nhuộm Gram	Bộ 4 x 100ml,	Thuốc nhuộm gram	04-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Bộ 4 x100ml	Bộ	12	250,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
525	190	6	TSB 65% (NaCl 65%)	Bọc/10 ống,	TSB 65%	04-2001/NK	Nam khoa	VIET NAM	Bọc/10 Ống	Ống	120	6,500	780,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
526	204	6	Xylene	Chai 500ml,	Xylene	01-2001/XL	Xilong	CHINA	Chai 500mk	Chai	122	80,000	9,760,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á CHÂU
527	44	1	Bộ dụng cụ nội soi cắt lọc	Bộ 4 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ, Châu Âu;- Bao gồm: Dây nước, dao đốt nội soi, lưỡi mài khớp, lưỡi bào khớp	Bộ dụng cụ nội cắt lọc	1170/BYT- TB-CT	Arthrex	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Bộ	50	15,800,000	790,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
528	45	1	Bộ dụng cụ nội soi khâu sụn chêm	Bộ 5 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ, Châu Âu;- Bao gồm: Dây nước, dao đốt nội soi, lưỡi mài khớp , lưỡi bào khớp, chi Fiber wire	Bộ dụng cụ nội soi khâu sụn chêm	1170/BYT- TB-CT	Arthrex	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Bộ	50	17,300,000	865,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
529	46	1	Bộ dụng cụ nội soi tái tạo dây chằng chéo	Bộ 6 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ, Châu Âu;- Bao gồm: Dây nước, dao đốt nội soi, lưỡi mài khớp , lưỡi bào khớp, vít dây chằng chào tự tiêu và Vít chốt cố định dây chằng chéo Retrobutton	Bộ dụng cụ nội soi tái tạo dây chằng chéo	1170/BYT-TB-CT	Arthrex	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Bộ	50	29,800,000	1,490,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
530	156	1	Chi khâu Fiber Wire (45,7cm/ 96,5cm)	, - Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp vai & gối.- Chất liệu Fiber Wire dùng trong phẫu thuật nội soi khớp;- Kích cỡ chuẩn: 18 inches (45.7cm) / 38 inches (96.5cm)- Vật liệu: Polyethylene; Chi màu xanh, kim nhọn- Tiêu chuẩn: CE	Chi khâu Fiber Wire (45.7cm/96,5 cm)	1170/BYT-TB-CT	Arthrex	UNITED STATES	1 cái/ gói	Tép	50	1,500,000	75,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
531	233	1	Đầu đốt Opes	, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ, Châu Âu.Cần đồng bộ: bộ nội soi cắt lọcDùng cho phẫu thuật nội soi khớp	Đầu đốt Opes	1170/BYT-TB-CT	Arthrex	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	50	6,000,000	300,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
532	234	1	Đầu đốt Serfas RF các cỡ	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ- Tương đương mặt hàng SERFAS ENERGY probe.- Tương thích với máy Crossfire Arthroscopic Resection System. Nhà thầu cam kết cho mượn máy này nếu trúng thầu	Đầu đốt Serfas RF các cỡ	1049/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	50	6,300,000	315,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
533	338	1	Ghế lồi trước XIA	Hộp 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Đi kèm mặt hàng XIA Anterior Spinal System/ Saddle Shaped Dual-Hole Staple.- Dùng cho phẫu thuật cột sống lưng lồi trước.Được đặt trong trường hợp cột sống bị chấn thương và chi định đặt 2 thanh nối lồi trước.Ngăn không bị bể thành xương trong qtrình bất vis.- Sử dụng được với vít đơn trục XIA đường kính 5.5, 6.5 và 7.5 mm.- Vật liệu: Titanium	Ghế lồi trước XIA	1049/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	100	6,000,000	600,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
534	388	1	Khớp háng bán phần có xi-măng Centrament	Bộ 3 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Góc chuôi 135° vật liệu Titanium	Khớp háng bán phần có xi măng Centrament	4865/BYT- TB-CT	Biomet	UNITED STATES	3 cái/bộ	Bộ	100	30,000,000	3,000,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
535	389	1	Khớp háng bán phần có xi-măng Omnifit	Bộ 7 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Góc chuôi 135° vật liệu Titanium	Khớp háng bán phần có xi măng Omnifit	8909/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	7cái/bộ	Bộ	50	31,000,000	1,550,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
536	390	1	Khớp háng bán phần có xi-măng Omnifit, chuôi dài	Bộ 7 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Góc chuôi 135° vật liệu Titanium	Khớp háng bán phần có xi măng Omnifit, chuôi dài	8909/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	7cái/bộ	Bộ	50	48,500,000	2,425,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
537	392	1	Khớp háng bán phần không xi- măng Omnifit	Bộ 3 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Góc chuôi 135° vật liệu Titanium	Khớp háng bán phần không xi măng Omnifit	8909/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	3 cái/bộ	Bộ	50	38,000,000	1,900,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
538	393	1	Khớp háng bán phần không xi- măng, chuôi thon	Bộ 3 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Góc chuôi 135° vật liệu Titanium	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi thon	8909/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Bộ 3 cái	Bộ	50	38,000,000	1,900,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
539	402	1	Khung đệm cột sống lưng AVS TL	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Đi kèm mặt hàng AVS TL PEEK Spacer. Dùng cho phẫu thuật cột sống lưng lối sau. Thay thế và hàn xương giữa các đốt cột sống lưng. Được sử dụng đặt một bên theo chỉ định.- Vật liệu : PEEK.- Hình dáng: Góc lệch : 0 độ và 4 độ. Rỗng (hollow), có răng cưa (serration) trên đỉnh (top) và đáy (bottom).- Rộng bên (lateral width) 25, 30 mm tương ứng với chiều cao từ 7 - 50 mm.	Khung đệm cột sống lưng AVS TL	1049/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	100	7,800,000	780,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
540	429	1	LGC- Vít khoá trong	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Ốc khoá trong tự ngắt cánh ren hình ngược tương thích với vít đơn trục và vít đa trục cánh ren ngược;- Ốc khóa có để đặc giúp tăng độ chịu lực- Cơ chế tự ngắt (tự đo lực).- Chất liệu: Titan.- Cánh ren ngược, thể hệ G4, thân hình sao	LGC- Vít khóa trong	1049/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	48	500,000	24,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
541	439	1	Lưỡi mài dùng cho nội soi khớp	Gói 1 bộ, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, tương thích máy của bệnh viện	Lưỡi mài dùng cho nội soi khớp	1049/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Bộ	50	4,400,000	220,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
542	441	1	Lưỡi Shaver trong phẫu thuật nội soi STR	Hộp 1 cái,	Lưỡi Shaver trong phẫu thuật nội soi STR	1049/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	40	4,400,000	176,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
543	618	1	Thanh nối ngang lối trước XIA	Hộp 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ;- Đi kèm mặt hàng XIA Anterior Spinal System/ Cross-Connector.- Dùng trong phẫu thuật cột sống lưng lối trước.- Giữ và cố định 2 thanh nối dọc (trong trường hợp gãy cột sống và cố định 2 thanh nối dọc lối trước)- Chất liệu: Titanium.	Thanh nối ngang lối trước XIA	1049/BYT- TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	100	6,000,000	600,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
544	636	1	Troca khớp gối	, Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp	Trocar khớp gối	1170/BYT- TB-CT	Arthrex	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	40	800,000	32,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
545	651	1	Vít dây chằng chéo vật liệu titan các cỡ	, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mỹ- Dùng cho phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo.- Cổ định mảnh ghép dây chằng chéo trong khớp gối. Universal Wedge Screw :7x20, 7x25, 7x30, 8x20, 8x25, 8x30, 9x20, 9x25, 9x30, 10x20, 10x25, 10x30 mm	Vít dây chằng chéo vật liệu titan các cỡ	1049/BYT-TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Cái	50	2,500,000	125,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
546	682	1	Xi Măng ngoại khoa	Hộp 1 gói,	Xi măng ngoại khoa	8909/BYT-TB-CT	Stryker	UNITED STATES	Hộp 1 cái	Hộp	40	3,000,000	120,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
547	381	2	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 150mm x 200m	Thùng 6 cuộn, In ấn thương hiệu sản phẩm: vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh; chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 150 mmx 200m	45/2015/BYT-TB-CT	BMS	VIET NAM	6 cuộn / thùng	Cuộn	180	480,000	86,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
548	382	2	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 200mm x 200m	Thùng 4 cuộn, In ấn thương hiệu sản phẩm: vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh; chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC.	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 200mm x 200m	45/2015/BYT- TB-CT	BMS	VIET NAM	4 cuộn / thùng	Cuộn	130	575,000	74,750,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
549	383	2	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 250mmx200m	Thùng 4 cuộn, In ấn thương hiệu sản phẩm: vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh; chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC.	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 250 mm x 200 m	45/2015/BYT- TB-CT	BMS	VIET NAM	4 cuộn / thùng	Cuộn	90	705,000	63,450,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
550	384	2	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 300mmx200m	Thùng 2 cuộn, In ấn thương hiệu sản phẩm: vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh; chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC.	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 300 mm x 200 m	45/2015/BYT- TB-CT	BMS	VIET NAM	2 cuộn / thùng	Cuộn	60	780,000	46,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
551	66	2	Bông y tế cắt miếng (3cm x3cm)	Gói 500g,	Bông y tế cắt miếng (3cm x 3cm)	53/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo thạch	VIET NAM	Gói/500 g	Gói	1,200	81,690	98,028,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
552	67	2	Bông y tế không thấm nước	Thùng 12 kg, Gói 1 kg	Bông y tế không thấm nước	54/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo Thạch	VIET NAM	Thùng/12 kg, Gói/1 kg	Gói	60	119,490	7,169,400	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
553	70	2	Bông y tế thấm nước (Bông hút)	Thùng 12 kg, Gói 1 kg	Bông y tế thấm nước (Bông hút 1 kg)	53/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo Thạch	VIET NAM	Thùng/12 kg	Gói	2,400	148,470	356,328,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
554	139	2	Đai Desault các số	Gói 1 cái,	Đai Desault	01/2012 GH- TCCS	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Vina	VIET NAM	Gói/1 cái	Cái	600	41,160	24,696,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
555	140	2	Đai xương đòn các số	Gói 1 cái,	Đai xương đòn các số	01/2012 GH- TCCS	Công ty TNHH Gia Hưng Vina	VIET NAM	Gói/1 cái	Cái	600	17,640	10,584,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
556	150	2	Dây cho ăn không nắp (Stomach) các cỡ	Gói 1 sợi, Thông thức ăn vào dạ dày- Cung cấp 3 mắt lỗ cho hiệu quả cao- Mềm mại kết nối giảm dần vào cuối để phù hợp với các phụ kiện tiêu chuẩn; Vô trùng, không độc hại- Màu mã hóa để xác định kích thước. Các cỡ từ 5 đến 18	Dây cho ăn không nắp (Stomach) các cỡ	0	ShangHai Multi-Med Union Co., Ltd	CHINA	Gói/1 sợi	Cái	7,200	2,940	21,168,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
557	151	2	Dây Garo	,	Dây garo	0	Công ty TNHH Dụng Cụ Y Khoa Trang Phục Lót Quang Mẫu	VIET NAM	Bịch/10 sợi	Sợi	4,000	2,310	9,240,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
558	153	2	Dây hút dịch phẫu thuật	,	Dây hút dịch phẫu thuật	27/2011/BYT- TB-CT	Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Thiết Bị Y Tế Minh Tâm	VIET NAM	Gói/1 sợi	Sợi	24,000	7,350	176,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
559	158	2	Dây oxy (oxygen Catheter) các số	Gói 1 sợi,	Dây oxy (oxygen Cathetet) các số	27/2011/BYT- TB-CT	Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Thiết Bị Y Tế Minh Tâm	VIET NAM	Gói/1 sợi	Sợi	8,000	2,520	20,160,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
560	187	2	Gel siêu âm	Bình 5 lít, Bình 5 lít	Gel siêu âm	03/2012/BYT- TB-CT	Công ty TNHH Thương Mại Công Nghệ và Á Châu	VIET NAM	Bình/5 lít	Can	180	96,390	17,350,200	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
561	197	2	Gói gác mổ nội soi, VT, NK 44	,	Gói gác mổ nội soi, VT, NK44	56/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo Thạch	VIET NAM	Bao PE, Bao/Gói	Gói	1,700	5,670	9,639,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
562	204	2	Gối may tăng sinh môn VT, NK11	Thùng 100 gói,	Gối may tăng sinh môn, VT, NK11	56/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo Thạch	VIET NAM	Thùng/100 gói	Gối	6,000	7,938	47,628,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
563	208	2	Gòn viên 0,5g (100g=200 ±10 viên)	Gói 500g,	Gòn viên 0,5g	53/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo thạch	VIET NAM	Gói/500 g	Gói	1,500	84,000	126,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
564	298	2	Nẹp căng tay các số	Gói 01 cái,	Nẹp căng tay các số	01/2012 GH- TCCS	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Vina	VIET NAM	Gói/1 cái	Cái	600	21,210	12,726,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
565	300	2	Nẹp cổ cứng	Gói 01 cái,	Nẹp cổ cứng	01/2012 GH- TCCS	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Vina	VIET NAM	Gói/1 cái	Cái	100	64,680	6,468,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
566	301	2	Nẹp cổ mềm các số	Gói 01 cái,	Nẹp cổ mềm các số	01/2012 GH- TCCS	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Vina	VIET NAM	Gói/1 cái	Cái	200	23,520	4,704,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
567	304	2	Nẹp Iselin	Gói 01 cái,	Nẹp Iselin	01/2012 GH- TCCS	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Vina	VIET NAM	Gói/1 cái	Cái	600	7,140	4,284,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
568	341	2	Ống thông tiết trùng số 28	Bọc 50 cái,	Ống thông tiết trùng số 28	46/2014/BYT- TB-CT	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nam Tín	VIET NAM	Bọc.50 cái	Cái	2,000	6,300	12,600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
569	353	2	Que gòn y tế thanh trùng (Tầm bông y tế thanh trùng)	Gói 5 cây,	Que gòn y tế thanh trùng (Tầm bông y tế thanh trùng)	57/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo Thạch	VIET NAM	Gói/5 cây	Que	6,000	294	1,764,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
570	378	2	Trang phục chống dịch 7 món	,	Trang phục chống dịch 7 món	56/2014/BYT- TB-CT	Công ty CP Thiết Bị Y Tế Bảo Thạch	VIET NAM	Bao/1 bộ	Bộ	100	34,020	3,402,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC AN
571	25	1	Bánh xe vải đánh bóng hàm giả	Cái,	Bánh xe vải đánh bóng hàm giả	28/2013/BYT- TB-CT	Trần Trung	VIET NAM	Bọc 1 cái	Cái	5	35,000	175,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
572	86	1	Bonding (keo dán)	Lọ 6ml,	Bonding (keo dán)	TK100246545 893	3M	UNITED STATES	Lọ 6ml	Lọ	3	880,000	2,640,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
573	136	1	Cao su nhẹ	Hộp/1 cặp,	Cao su nhẹ	6079/BYT- TB-CT	GC	JAPAN	Hộp 2 tube	Hộp	2	540,000	1,080,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
574	153	1	Chất tẩy lấy dầu răng giả Tropical	Gói 500g,	Lấy dầu Aroma	6079/BYT- TB-CT	GC	JAPAN	Gói 450g	Gói	12	185,000	2,220,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
575	200	1	Chổi đánh bóng	Hộp 144 cây,	Chổi đánh bóng	TK100322231 6615	TPC	UNITED STATES	Hộp 144 cây	Cây	50	3,500	175,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
576	205	1	Cọ bôi keo trám đen (Cọ Composite)	Hộp 100 cây,	Cọ bôi keo trám đen	TK100322231 6615	TPC	UNITED STATES	Hộp 100 cây	Hộp	4	65,000	260,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
577	207	1	Composit lông	Tube,	Composite lông	10032223163 14	Axcel	UNITED STATES	Tube 1,5g	Tube	10	120,000	1,200,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
578	209	1	Cone phụ B, C	Hộp 120 cây, Côn phụ B, C	Côn phụ B,C	TK100322231 6120	Gapadent	CHINA	Hộp 120 cây	Hộp	20	65,000	1,300,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
579	224	1	Đai cellulose	Hộp 100 cái,	Đai cellulose	TK100322253 4780	Henry Schein	UNITED STATES	Hộp 100 cái	Hộp	1	80,000	80,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
580	225	1	Đai kim loại (Đai Matrix)	Gói 12 miếng, Matrix Band	Đai kim loại	TK100333634 8608	Medeco	UNITED STATES	Gói 12 miếng	Gói	1	24,000	24,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
581	235	1	Dầu vô tay khoan	Chai 500ml,	Dầu tay khoan	TK100333344 45526	NSK	JAPAN	Chai 505ml	Chai	1	480,000	480,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
582	276	1	Đĩa cắt kim loại 3,5cm	Cái, 3,5 cm	Đĩa cắt kim loại 3,5cm	TK100273564 286	Guangzi	CHINA	Bọc 1 miếng	Cái	10	21,000	210,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
583	277	1	Đĩa nhám đánh bóng Composite	Hộp,	Đĩa nhám đánh bóng composite	TK100311926 008	Shofu	JAPAN	Hộp đủ loại	Hộp	2	380,000	760,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
584	329	1	Eugenol	Lọ 30ml,	Eugenol	3562/BYT- TB-CT	Sultan	UNITED STATES	Lọ 30ml	Lọ	5	75,000	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
585	331	1	Fuji 9 các màu A3 + A3,5	Hộp/bột + nước,	Fuji 9 các màu A3+A3.5	6079/BYT- TB-CT	GC	JAPAN	Hộp/bột+nước	Hộp	12	1,250,000	15,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
586	332	1	Fuji I	Hộp/bột + nước,	Fuji I	6079/BYT- TB-CT	GC	JAPAN	Hộp/bột+nước	Hộp	1	1,350,000	1,350,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
587	382	1	Hexanios G+R	Thùng 5 lít, 0.0072% Didecydimethylam onium chloride, 004% Polyhexanide hydrochloride, mùi thơm và tinh dầu	Hexanios G+R	TK100322210 842	Anios	FRANCE	Thùng 5 lít	Thùng	100	1,920,000	192,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
588	422	1	Lancet blood	Hộp 200 cây, Dùng cho các trường lấy máu Phòng XN	Lancet Blood	TK188284	Greetmed	CHINA	Hộp 200 cây	Hộp	60	42,000	2,520,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
589	423	1	Lên đủ số	Hộp 6 cái,	Lên đủ số	TK100322231 6744	Mani	JAPAN	Hộp 6 cái	Hộp	8	180,000	1,440,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
590	424	1	Lentulodài 21mm	Hộp 4 cây,	Lentulo dài 21mm	TK100322231 6744	Mani	JAPAN	Hộp 4 cây	Hộp	15	95,000	1,425,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
591	437	1	Lưỡi khoan ống mang chốt số 1,2,3	Lưỡi,	Lưỡi khoan ống mang chốt số 1,2,3 (Gate Grill)	TK100322231 6744	Mani	JAPAN	Hộp 6 lưỡi	Lưỡi	6	25,000	150,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
592	460	1	Mũi Endoz	Mũi,	Mũi EndoZ	7709/BYT- TB-CT	Dentsply	UNITED STATES	Vi 10 mũi	Mũi	20	185,000	3,700,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
593	463	1	Mũi khoan kim cương high tròn đủ cỡ, hình búp lửa	Mũi,	Mũi khoan kim cương high tròn đủ cỡ, hình búp lửa	TK100348761 550	MDT	ISRAEL	Hộp 5 mũi	Mũi	100	32,000	3,200,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
594	464	1	Mũi khoan kim cương high trụ thôn đầu (mài cùi)	Mũi,	Mũi khoan kim cương hình trụ thon đầu (mài cùi)	TK100348761 550	MDT	ISRAEL	Hộp 5 mũi	Mũi	50	32,000	1,600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
595	469	1	Mũi khoan tungsten low speed tròn, dài từ số 1 đến số 9	Mũi,	Mũi khoan tungsten low speed tròn dài từ số 1 đến số 9	TK100386362 540	SSW	UNITED STATES	Hộp 10 mũi	Mũi	100	40,000	4,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
596	555	1	Paton dekeer	Hộp/15,	Paton dekeer	6079/BYT- TB-CT	GC	JAPAN	Hộp 15 cây	Hộp	3	95,000	285,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
597	585	1	Reamer các số từ số 08 đến 50	Hộp 6 cây,	Reamer các số từ số 8 đến 50	TK100322231 6744	Mani	JAPAN	Hộp 6 cây	Cây	770	13,000	10,010,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
598	588	1	Sát trùng tay khoan, mẫu hàm Cavi-cide	Chai 750ml,	Sát trùng tay khoan mẫu hàm Cavicide	TK100124633 346	Metrex	UNITED STATES	Chai 750ml	Chai	3	260,000	780,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
599	615	1	Test strips dung dịch Cidex 14 ngày SCX 145	, Test strip phải đồng bộ với mã số dung dịch Cidex	Test thử dung dịch Cidex 14 ngày	3342-6-2012	Johnson&John son	GERMANY	Hộp 60 test	Hộp	4	277,600	1,110,400	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
600	620	1	Thuốc tê bôi USA	Chai 30g,	Thuốc tê bôi	.	Dhamar	UNITED STATES	Chai 30g	Chai	5	105,000	525,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
601	632	1	Trâm dừa ống tùy Reamer (đủ số)	Hộp 6 cây,	Trâm dừa ống tùy reamerr đủ số	TK100322231 6744	Mani	JAPAN	Hộp 6 cây	Hộp	5	75,000	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
602	681	1	Xi măng gắn tạm	,	Xi măng gắn tạm	6079/BYT- TB-CT	GC	JAPAN	Hộp	Hộp	1	550,000	550,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
603	25	2	Bao cao su	Hộp 144 cái, - Tiêu chuẩn: CE	Bao cao su Eros	49/2013/BYT- TB-CT	Medevice	VIET NAM	Hộp 144 cái	Cái	2,000	520	1,040,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
604	30	2	Bay trộn thạch cao	Cây,	Bay trộn thạch cao	TUV244 01 1372	Hoa Linh	VIET NAM	Bọc 1 cây	Cây	5	45,000	225,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
605	44	2	Bộ rửa da dày người lớn	Gói 1 bộ,	Bộ rửa da dày người lớn	10032231835 0	Greetmed	CHINA	Gói 1 bộ	Bộ	500	52,440	26,220,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
606	72	2	Cầm máu	Hộp 10 gói,	Cầm máu	2640191	Zhixuahaimia n	CHINA	Gói 1 miếng	Gói	10	12,000	120,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
607	80	2	Ceivitron	Lọ 30g,	Ceivitron	TW76/31462	Reco Dent	TAIWAN, PROVINCE OF CHINA	Lọ 30g	Lọ	6	80,000	480,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
608	82	2	Chén cao su	Cái,	Chén trộn nhựa	.	-	VIET NAM	Bọc 1 cái	Cái	5	12,000	60,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
609	127	2	Chốt pivot	,	Gói pivot	28/2013/BYT- TB-CT	Trần Trung	VIET NAM	Bịch 12 cây	Gói	10	15,000	150,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
610	129	2	Chung trộn nhựa	Cái,	Chung trộn nhựa	.	-	VIET NAM	Bọc 1 cái	Cái	5	25,000	125,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
611	134	2	Co nối máy thở (Catheter Mount)	Bao 1 cái,	Co nối chữ T	189225	Galemed	TAIWAN, PROVINCE OF CHINA	Bọc 1 cái	Cái	360	15,600	5,616,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
612	137	2	Conne gutta đủ số	Hộp 120 cây, Cồn Guttapercha đủ số	Cone gutta đủ số	10032223161 20	Gapadent	CHINA	Hộp 6 ống	Hộp	25	55,000	1,375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
613	138	2	Cung Inox cố định hàm	Bộ,	Cung inox cố định hàm	TUV103 12 3514	Trần Trung	VIET NAM	Bọc 1 bộ	Bộ	80	55,000	4,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
614	141	2	Dao làm sáp số 3, số 7	Cây,	Dao làm sáp số 3, số 7	61813	MNA	PAKISTAN	Bọc 1 cái	Cây	4	18,000	72,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
615	188	2	Giá đựng ống nghiệm inox	,	Giá đựng ống nghiệm inox 40 lỗ	.	Hoa Linh	VIET NAM	Bọc 1 cái	Cái	40	120,000	4,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
616	189	2	Giá khớp càng cẩu	Cái,	Giá khớp inox	28/2013/BYT- TB-CT	Trần Trung	VIET NAM	Bọc 1 cái	Cái	3	140,000	420,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
617	237	2	Kiểm trộn dây	Miếng,	Kiểm trộn dây	.	-	VIET NAM	Bọc 1 miếng	Miếng	2	36,000	72,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
618	248	2	Kim gai lấy tủy (xanh + đỏ)	Vi 12 cây,	Kim gai lấy tủy xanh đỏ	08/2014/BYT- TB-CT	Kim Đình	VIET NAM	Vi 12 cây	Vi	50	12,000	600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
619	280	2	Mặt gương nha	,	Mặt gương nha	7375	Palmy	PAKISTAN	Bọc 1 cái	Cái	200	12,000	2,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
620	299	2	Nẹp cánh cẳng tay các số	Gói 01 cái,	Nẹp cẳng tay dài các số	16/2014/BYT- TB-CT	Gia Hưng	VIET NAM	Gói 1 cái	Cái	100	24,000	2,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
621	302	2	Nẹp đùi	Gói 01 cái,	Nẹp đùi ngắn	16/2014/BYT- TB-CT	Gia Hưng	VIET NAM	Gói 1 cái	Cái	1,200	48,000	57,600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
622	317	2	Nước Javel	, Chuyên dùng cho Bệnh viện	Nước Javel	ISO 003.16.13	HC Miền Nam	VIET NAM	Can 30 lít	Lít	14,000	6,630	92,820,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
623	324	2	Ống hút nước bọt	Gói 100 cái,	Ống hút nước bọt	28/2013/BYT- TB-CT	Trần Trung	VIET NAM	Gói 100 ống	Gói	5	55,000	275,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
624	328	2	Ống nghiệm EDTA (nắp xanh) 12x75mm; 5ml	Hộp 100 ống, 12x75mm; 5ml	Ống nghiệm EDTA	840016	HBA	VIET NAM	Hộp 100 cái	Ống	150,000	660	99,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
625	349	2	Porte matrix (giữ khuôn trám)	Cái,	Giữ khuôn trám	10034192852 2	MNA	PAKISTAN	Bọc 1 cái	Cái	1	65,000	65,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
626	354	2	Răng vi 14R dưới	Vi/14,	Răng vi 14R dưới	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 14 cây	Vi	50	60,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
627	355	2	Răng vi 14R trên	Vi/14,	Răng 14R trên	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 14 cây	Vi	50	60,000	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
628	356	2	Răng vi 28 cái Lumin màu A2	Vi/28,	Răng vi 28 cái Lumin màu A2	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 28 cây	Vi	10	120,000	1,200,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
629	357	2	Răng vi 28 cái Lumin màu A3	Vi/28,	Răng vi 28 cái Lumin màu A3	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 28 cây	Vi	15	120,000	1,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
630	358	2	Răng vi 28 cái Lumin màu A3.5	Vi/28,	Răng vi 28 cái Lumin màu A3.5	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 28 cây	Vi	15	120,000	1,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
631	359	2	Răng vi 2R cửa trên	Vi/2,	Răng vi 2R cửa trên	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 2 cây	Vi	20	30,000	600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
632	360	2	Răng vi 6R cửa dưới	Vi/6,	Răng vi 6R cửa trên	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 6 cây	Vi	50	30,000	1,500,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
633	361	2	Răng vi 6R cửa trên	Vi/6,	Rang vi 6R cửa trên	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 6 cây	Vi	50	30,000	1,500,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
634	362	2	Răng vi 8R sau dưới	Vi/8,	Răng vi 8R cửa dưới	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 8 cây	Vi	50	40,000	2,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
635	363	2	Răng vi 8R sau trên	Vi/8,	Răng vi 8R cửa trên	28/2013/BYT- TB-CT	Luminteech	VIET NAM	Vi 8 cây	Vi	50	40,000	2,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY
636	369	2	Sonde Pezzer các số	Gói 1 sợi, Yêu cầu kích cỡ: Các cỡ, các số (18 - 22)	Sonde Pezzer các số 18-22	10032231835 0	Greetmed	CHINA	Bọc 1 sợi	Sợi	600	18,900	11,340,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TÊ MIỀN TÂY

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
637	376	2	Thăm trầm	,	Thăm trầm	TK100341928 522	MNA	PAKISTAN	Bọc 1 cái	Cái	30	15,000	450,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
638	394	2	Túi đựng bệnh phẩm mô nội soi (loại nhỏ)	,	Túi đựng bệnh phẩm loại nhỏ	13/2010/CTY -DA	Đức An	VIET NAM	Bọc 1 cái	Cái	1,200	3,240	3,888,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
639	401	2	Urethral stent set/ Double J Stent	Hộp 50 cái, Ống thông (sonde) J-J. • Toàn bộ ống thông có đường cán quang để định vị chính xác bằng x-ray. Có ống thông bằng vật liệu Silicon	Sonde double J	.	Suru	INDIA	Bọc 1 cái	Cái	200	177,240	35,448,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
640	403	2	Verni bôi cách ly (hàm giả)	Chai 100ml,	Verni bôi cách ly	28/2013/BYT- TB-CT	Trần Trung	VIET NAM	Lọ 100ml	Chai	20	15,000	300,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
641	514	1	Ống dẫn đường Guidewire cứng 0.035", thẳng 150cm	Gói 1 cái,	Dây dẫn chẩn đoán phủ PTFE, 0.035 x 150cm	3830	Argon	UNITED STATES	Gói 1 cái	Cái	50	330,750	16,537,500	CÔNG TY TNHH TTB & VT Y TẾ HOÀNG VIỆT LONG
642	6	4	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường (685072).	,	Bộ dẫn truyền cảm ứng 01 đường DTX Plus PMSET 1DT- XX	13842	Argon	SINGAPORE	5 Bộ \ hộp	Bộ	20.00	357,000.00	7,140,000	CÔNG TY TNHH TTB & VT Y TẾ HOÀNG VIỆT LONG
643	565	1	Phim khô MRI Drypro SD-Q, 14x17 inches	Hộp 500 tấm,	Phim khô laser Konica DryPro SD- Q, 14x17 inches	GPNK: (TT THAY THẾ GPNK CỦA BYT SỐ :24/2011/TT- BYT, 21/6/2011 VÀ TKHQ SỐ: 10038757084 0, NGÀY 05/5/2015)	Konica Minolta	UNITED STATES	Hộp/125 tấm	Tấm	9,600	49,800	478,080,000	CÔNG TY TNHH TTB Y TẾ HOÀNG PHÁT

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
644	395	1	Khớp háng lưỡng cực có xi măng Omnifit chuỗi dài	Bộ 7 cái, Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu1. Ổ cối: Cấu tạo bởi 2 lớp, lớp ngoài làm bằng Cobalt- Chrome (CoCr), lớp bên trong làm bằng Polyethylenecao phân tử2. Đầu xương đùi: Vật liệu Cobalt- Chrome (CoCr). Kích cỡ: size 22mm, 28mm, 36mm, 40mm, 44mm3. Cuồng xương đùi: Vật liệu Cobalt- Chrome (CoCr)- Cấu trúc rãnh dọc giúp chống xoay	Generic Revision - Spheric	4160/BYT- TB-CT	Amplitude	FRANCE	Hộp/Cái Bộ 7 cái	Bộ	30	45,600,000	1,368,000,000	CÔNG TY TNHH TTBYT & TVMT TÂM THY
645	433	1	Logic/ Interate - Equateur	Bộ 3 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Góc chuôi 137° vật liệu M30NW	Logic/ Integrale - Equateur	4160/BYT- TB-CT	Amplitude	FRANCE	Hộp/Cái	Bộ	20	42,000,000	840,000,000	CÔNG TY TNHH TTBYT & TVMT TÂM THY
646	399	1	Khớp háng toàn phần không xi- măng Excia 8/10	Bộ 5 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Góc chuôi 135° vật liệu Titanium	Khớp háng toàn phần không xi-măng Excia 8/10	8673/BYT- TB-CT	B.Braun- Aesculap	GERMANY	Bộ 5 cái	Bộ	50	44,000,000	2,200,000,000	CÔNG TY TNHH VIỆT Y

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
647	19	1	Băng keo có gạc vô trùng (9 x 30cm)	Hộp 40 miếng, Kích thước băng: 7.2 x 5cm; kích thước gạc: 4.5 x 2.8cm; nền không đan dệt polyester có các lỗ nhỏ, keo acrylic ít dị ứng, gạc thấm hút mạnh có phủ lưới chống đính, co giãn	Oper dres 9 x 30cm	TKHQ: 10035446574 0	IHT	SPAIN	Hộp/40 miếng	Miếng	3,620	11,844	42,875,280	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
648	20	1	Băng keo có gạc vô trùng (9 x 5cm)	Hộp 50 miếng, Kích thước băng: 9 x 5cm; kích thước gạc: 4.5 x 2.8cm; nền không đan dệt polyester có các lỗ nhỏ, keo acrylic ít dị ứng, gạc thấm hút mạnh có phủ lưới chống đính, co giãn	Oper dres 9 x 5cm	TKHQ: 10035446574 0	IHT	SPAIN	Hộp/50 miếng	Miếng	3,540	3,528	12,489,120	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
649	21	1	Băng keo lụa 12mm x 9m	Hộp 24 cuộn, Kích thước: 12mm x 9m; chất liệu vải không đan dệt, bột giấy polyester, keo acrylic ít dị ứng, không chứa cao su, lực dính cao, liên kết mạnh.	Nichipore 12mm x 9m	TKHQ: 10009520453 0	NICHIBAN	JAPAN	Hộp/24 cuộn	Cuộn	1,200	11,193	13,431,600	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
650	22	1	Băng keo lụa 25mm x 9m	Hộp 24 cuộn, Kích thước: 25mm x 9m; chất liệu vải không đan dệt, bột giấy polyester, keo acrylic ít dị ứng, không chứa cao su, lực dính cao, liên kết mạnh.	Nichipore 25mm x 9m	TKHQ: 10009520453 0	NICHIBAN	JAPAN	Hộp/12 cuộn	Cuộn	2,400	21,504	51,609,600	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
651	284	1	Đinh Kirschner một đầu nhọn có ren Ø 1.0, 1.2, 1.5, 1.6, 1.8, 2.0, 2.4, 2.5, 3.0,mm x 310mm	Gói 1 cái, - Tiêu chuẩn kỹ thuật: Châu Âu;- Đinh Kirschner một đầu nhọn có ren Ø 1.0, 1.2, 1.5, 1.6, 1.8, 2.0, 2.4, 2.5, 3.0,mm x 310mm - Chất liệu: thép không ri 316L	Đinh Kirschner một đầu nhọn có ren Ø 1.0, 1.2, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 2.0, 2.4, 2.5, 3.0 mm x 310mm	GPKN: 5921/BYT- TB-CT	Schreiber	GERMANY	10c/ống	Cái	1,000	63,000	63,000,000	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
652	549	1	Ống thông hậu môn (sonde rectal) các cỡ	Gói 1sợi, Tiêu chuẩn: Châu Âu;Yêu cầu kích cỡ: các số (16 - 30)	Ống thông hậu môn, có thể dùng dài ngày (4 tuần) vì không có chất DEHP, tiết trùng, số 18 -> 30	TKHQ: 281	Unomedical (ConvaTec)	SLOVAKIA	1c/gói vô trùng	Sợi	960	5,250	5,040,000	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
653	551	1	Oper easy IV 7.2 x 5 cm	, Kích thước băng: 7.2 x 5cm; màng polyurethane vô trùng trong suốt thấm hơi nước, không thấm chất lỏng, co giãn,keo acrylic ít dị ứng, lực dính mạnh	Oper easy IV 7.2 x 5 cm	TKHQ: 68215	IHT	SPAIN	Hộp/100 miếng	Miếng	2,000	4,851	9,702,000	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
654	593	1	Sonde foley 2 nhánh, các số	Gói 1 sợi, - Yêu cầu kích cỡ: 2 ways, các số (6 - 24);- Chất liệu mềm, trơn láng, vô trùng bằng khí EO	Ống thông tiểu UNOMEDICAL 2 nhánh số 12 -> 30, bóng 10cc/30cc, phù silicone trong và ngoài ống	TKHQ: 29021	Unomedical (ConvaTec)	MALAYSIA	1c/gói vô trùng	Sợi	1,860	10,500	19,530,000	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
655	162	2	Dây truyền dịch 20 giọt/ml dài 180cm	Thùng 100 sợi, Dây truyền dịch 20 giọt/ml, dài 180cm, không kim, có màng lọc khí với Φ lỗ lọc 0.2µm, có màng lọc dịch với Φ lỗ lọc 15µm , có đầu khóa vặn xoắn (luer lock), bầu đếm giọt 2 ngăn (cứng-mềm) dùng được cho máy truyền dịch, có công chích thuốc , không có DEHP, có chứng nhận TUV	Dây truyền dịch có van A12 (Hanaco)	TKHQ: 10039532850 1	Hanaco	CHINA	1c/gói vô trùng	Sợi	84,000	7,770	652,680,000	CTY TNHH TM DV KỸ THUẬT HOÀNG LỘC
656	279	1	Dịch lọc Bicarbonate - Dịch B: Bibag 900	, Tiêu chuẩn kỹ thuật Châu Âu	Bột dịch lọc thận Bibag 900g	2278/BYT- TB-CT	Fresenius Medical Care	GERMANY	Thùng 12 túi	Túi	56,160	166,000	9,322,560,000	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TBYT AN PHA VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN SƠN
657	443	1	Màng Helixone XF8	Hộp 1 quả, Chất liệu màng lọc Helixone, diện tích màng 1.4 m2, hệ số siêu lọc: 12 ml/giờxmmHg, tiết trùng bằng hơi nước. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Quả lọc máu Helixone FX8 thay thế thận dùng cho bệnh nhân suy thận mãn (UF coeff: 12, surface: 1.4)	2278/BYT- TB-CT	Fresenius Medical Care	GERMANY	Hộp 1 quả	Quả	2,000	319,000	638,000,000	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TBYT AN PHA VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN SƠN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
658	444	1	Màng lọc F6 polysulfone	Thùng 12 quả, Chất liệu màng lọc Polysulfone, diện tích màng 1.3 m2, hệ số siêu lọc: 5,5 ml/giờxmmHg, tiết trùng EtO. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Quả lọc máu Polysufone F6 (HPS)	2278/BYT- TB-CT	Fresenius Medical Care	GERMANY	Thùng 12 quả	Quả	7,426	319,000	2,368,894,000	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TBYT AN PHA VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN SƠN
659	583	1	Quả lọc Diasafe plus	Hộp 1 quả, Quả lọc phụ, chất liệu Polysulfone, diện tích màng 2.2m2. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Màng lọc dịch phụ Diasafe Plus	2278/BYT- TB-CT	Fresenius Medical Care	GERMANY	Hộp 1 quả	Quả	2	2,188,000	4,376,000	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TBYT AN PHA VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN SƠN
660	165	2	Dịch lọc Bicarbonate	, Dịch A: Kydheamo 2A Sodium clorid..210.7g; Potassium clorid ...5.222g; Calcium clorid.2H2O...9.0g ; Magnesium clorid.6H2O...3.55 8g; Acid acetic...6.310g; Dextrose monohydrate...38. 5g; Water for injection.....1000m l	HD Plus 134 A	VD-18839-13	Bbraun	VIET NAM	Can 10 lít/ thùng 2 can	Lít	178,464	16,600	2,962,502,400	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TBYT AN PHA VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN SƠN
661	166	2	Dịch lọc Bicarbonate	, Dịch B: Kydheamo 1B	HD Plus 8,4 B	VD-19168-13	Bbraun	VIET NAM	Can 10 lít/ thùng 2 can	Lít	211,563	16,600	3,511,945,800	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TBYT AN PHA VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN SƠN

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
662	185	2	Găng y tế dùng trong sản khoa đã tiệt trùng	Hộp 50 đôi, - Độ dài găng: đến khủyu tay- Găng đã tiệt trùng	VINA-Obstetrics Gloves (Sterile)	0305428505- 002	Chi nhánh công ty TNHH Trang Thiết Bị Y Khoa Nam Hòa Phát	VIET NAM	Hộp 50 đôi	Đôi	7,000	10,500	73,500,000	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH TM & DV THÀNH THY VÀ CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y KHOA NAM HÒA PHÁT
663	560	1	Phim khô Laser 14 x 17 inch	,	DI-HL 35 x 43cm	10021126081 0	Fujifilm	JAPAN	Hộp/100 tấm	Tấm	10,600	38,500	408,100,000	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH TTBYT HOÀNG PHÚC ANH VÀ CỬA HÀNG DỤNG CỤ Y KHOA SỐ 9
664	564	1	Phim khô Laser DI- HL 35 x 43cm	Hộp 100 tấm,	DI-HL 35 x 43cm	10030083701 0	Fujifilm	JAPAN	Hộp/100 tấm	Tấm	9,600	38,500	369,600,000	LIÊN DANH CÔNG TY TNHH TTBYT HOÀNG PHÚC ANH VÀ CỬA HÀNG DỤNG CỤ Y KHOA SỐ 9
665	113	2	Chỉ khâu Silk 2/O + kim tròn	Hộp 40 tép, Chỉ khâu Silk, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 2/O, dài 76cm; Kim tròn 1/2, 30mm	LNW 5333 SILKUS	7861/BYT- TB-CT	Lotus Surgicals Pvt, Ltd.	INDIA	Hộp 40 tép, Chỉ khâu Silk, kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 2/O, dài 76cm; Kim tròn 1/2, 30mm	Tép	10,000	16,900	169,000,000	LIÊN DANH TÂY NAM - HOÀNG NAM
666	116	2	Chỉ khâu Silk 3/O + kim tam giác	Hộp 40 tép, Chỉ khâu Silk, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 3/O, dài 76cm; Kim tam giác 3/8, 26mm	LNW 5028 SILKUS	7861/BYT- TB-CT	Lotus Surgicals Pvt, Ltd.	INDIA	Hộp 40 tép, "Chỉ khâu Silk, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 3/O, dài 76cm; Kim tam giác 3/8, 26mm"	Tép	40,000	17,500	700,000,000	LIÊN DANH TÂY NAM - HOÀNG NAM

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
667	125	2	Chỉ Polyamide 3/O + Kim tam giác	Hộp 12 tệp, Chỉ khâu Polyamide, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 3/O, dài 70cm; Kim tam giác 3/8, 26mm- Hoặc tương đương	LNW 3328 NYLUS	7861/BYT- TB-CT	Lotus Surgicals Pvt, Ltd.	INDIA	Hộp 12 tệp, Chỉ khâu Polyamide, kim tam giác:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Cỡ chỉ 3/O, dài 70cm; Kim tam giác 3/8, 26mm	Tệp	3,000	25,500	76,500,000	LIÊN DANH TÂY NAM - HOÀNG NAM
668	346	2	Polyglycolic acid 2/O + Kim tròn	Hộp 12 tệp, Polyglycolic acid 2/O + Kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Chỉ tan đa sợi polyglycolic số 2/O, dài 90cm; Kim tròn 1/2, 36mm- Hoặc tương đương	LNW 945-910 SOLUS 910	7861/BYT- TB-CT	Lotus Surgicals Pvt, Ltd.	INDIA	Hộp 12 tệp, Polyglycolic acid 2/O + Kim tròn:- Tiêu chuẩn: CE, ISO- Chỉ tan đa sợi polyglycolic số 2/O, dài 90cm; Kim tròn 1/2, 36mm	Tệp	2,700	42,900	115,830,000	LIÊN DANH TÂY NAM - HOÀNG NAM
669	17	2	Băng thun 3 móc	Gói 01 cái,	Băng thun 10cm x 2m không vô trùng 10c/hộp	01/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	1 cuộn/gói	Cái	2,000	8,505	17,010,000	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
670	29	2	Bao tóc	,	Mũ phẫu thuật y tá M4 không vô trùng 100c/g	01/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	100 cái/gói	Cái	30,000	483	14,490,000	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
671	53	2	Bơm tiêm 10ml 23Gx1"	Hộp 100 cái, Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml 23Gx1"; Các cờ kim, đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh. Pit tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm được sản xuất trong hệ thống phòng sạch đạt tiêu chuẩn CETiệt trùng bằng khí EO. Vô trùng, không bọt, không độc, không gây sốt	Bơm tiêm 10ml 23Gx1"	TK: 10024808652 0 NGÀY 23/12/2014.	Lifelong	INDIA	1 cái/gói	Cái	603,000	809	487,827,000	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
672	173	2	Gạc dẫn lưu 1 x 200cm x 4 lớp	Gói 20 cuộn,	Gạc dẫn lưu 1 x 200cm x 4 lớp vô trùng 1c/g	03/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	1 cái /gói- 5 cái/gói	Cuộn	2,000	1,344	2,688,000	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
673	177	2	Gạc phẫu thuật ổ bụng, vô trùng	Gói 5 miếng, 30cm x 30cm x 6 lớp	Gạc PTOB 30 x 30 6 lớp cân quang vô trùng 5c/g	37/2014/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	5 cái/gói	Miếng	170,000	4,053	689,010,000	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
674	178	2	Gạc phẫu thuật ổ bụng, vô trùng	Gói 5 miếng, - Tiêu chuẩn: CE- Quy cách: 40cm x 30cm x 6 lớp- Đã tiệt trùng	Gạc PTOB 30 x 40 6 lớp cân quang vô trùng (5c/g)	37/2014/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	5 cái/gói	Miếng	30,000	4,809	144,270,000	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
675	202	2	Gói khăn gạc thấm dịch tiểu phẫu, VT, NK 09	,	Gạc phẫu thuật 18 x 18 x 4 lớp vô trùng 5c/g (Gạc thấm dịch tiểu phẫu)	02/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	5 cái/gói	Gói	3,500	7,350	25,725,000	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
676	203	2	Gói làm rốn trẻ sơ sinh, VT, NK 12	Bọc 1 gói,	Gói làm rốn TSS M2 vô trùng 3 k/g	03/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	3 khoản/gói	Gói	20,000	1,869	37,380,000	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
677	228	2	Khăn trải mổ 1 lớp 0,6 x 0,8m	,	Khăn đặt phẫu thuật 60 x 80cm vô trùng 40g/m2 blue 1c/g	02/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	1 cái/gói	Cái	7,000	2,919	20,433,000	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
678	364	2	Săng mô 50 x 50	,	Khăn đặt PT 50 x 50cm vô trùng 40g/m2 blue	02/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	1 cái/gói	Cái	66,200	1,701	112,606,200	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
679	365	2	Săng mô 50 x 50 (Lỗ)	,	Khăn đặt phẫu thuật 50 x 50cm vô trùng 40g/m2 Blue lỗ fi10	02/2013/BYT- TB-CT	Danameco	VIET NAM	1 cái/gói	Cái	15,220	1,953	29,724,660	TỔNG CÔNG TY CÓ PHẦN Y TẾ DANAMECO
680	1	7	ANC TEST KIT VTK2 (Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí Corynebacteria ANC VTK2)	Hộp 20 cái,	ANC TEST KIT VTK2 20CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	1	4,090,000	4,090,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
681	2	7	AST YS TEST KIT (Thẻ kháng sinh đồ trên nắm các loại AST-YS)	Hộp 20 cái,	AST-YS07 TEST KIT 20CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	5	4,090,000	20,450,000	
682	3	7	AST-GN TEST KIT (Thẻ kháng sinh đồ Gram âm các loại AST-GN / N)	Hộp 20 cái,	AST-GN67 TEST KIT VTK2 20CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	60	4,090,000	245,400,000	
683	4	7	AST-GP/P/ST TEST KIT (Thẻ kháng sinh đồ Gram dương các loại AST-GP / P/ ST)	Hộp 20 cái,	AST-P576 TEST KIT 20 CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	20	4,090,000	81,800,000	
684	5	7	BACT/ALERT FA PLUS (Chai cấy máu hiệu khí người lớn)	Thùng 100 chai,	BACT/ALERT FA PLUS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Thùng 100 chai	Thùng	1,500	13,500,000	20,250,000,000	
685	6	7	GN TEST KIT VTK2 (Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm VTK2)	Hộp 20 cái,	GN TEST KIT VTK2 20CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	60	4,090,000	245,400,000	
686	7	7	GP TEST KIT VTK2 (Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương VTK2)	Hộp 20 cái,	GN TEST KIT VTK2 20CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	20	4,090,000	81,800,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
687	8	7	NH TEST KIT VTK2 (Thẻ định danh Neisseria Haemophilus VTK2)	Hộp 20 cái,	NH TEST KIT VTK2 20CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	2	4,090,000	8,180,000	
688	9	7	SALINE BAG (Dung dịch pha mẫu 0.45% V2C)	Thùng 12 Bình,	0.45% NACL SALINE BAG	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Thùng 12x 1 lít	Thùng	1	4,460,000	4,460,000	
689	10	7	UNSENSITIZED TUBES (Ống nghiệm pha loãng mẫu polystyrene)	Thùng 2000 cái,	UNSENSITIZED TUBES 1X2000	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Thùng 2000 cái	Thùng	1	14,850,000	14,850,000	
690	11	7	YST TEST KIT VTK2 (Thẻ định danh năm VTK2)	Hộp 20 cái,	YST TEST KIT VTK2 20CARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Hộp 20 cái	Hộp	5	4,090,000	20,450,000	
691	12	7	BACT/ALERT FN PLUS (Chai cấy máu kỵ khí người lớn)	Thùng 100 chai,	BACT/ALERT FN PLUS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Thùng 100 chai	Thùng	1	13,500,000	13,500,000	
692	13	7	BACT/ALERT PF PLUS (Chai cấy máu trẻ em)	Thùng 100 chai,	BACT/ALERT PF PLUS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Thùng 100 chai	Thùng	1,500	13,500,000	20,250,000,000	
693	14	7	DENSICHEK PLUS (Dụng cụ đo độ đục chuẩn)	Dụng cụ,	KIT DENSICHEK PLUS INSTRUMENT	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Dụng cụ	Dụng cụ	1	71,500,000	71,500,000	
694	15	7	KIT DENSICHEK PLUS STANDARDS (Bộ chuẩn độ đục)	Bộ,	KIT DENSICHEK PLUS STANDARDS	152/BYT-TB- YT	BioMerieux	UNITED STATES	Bộ	Bộ	1	7,000,000	7,000,000	
695	1	7	ACID WASH SOLUTION 2x2L	2x2 L,	04880307190 ACID WASH SOLUTION 2x2L	00062A03_00 22_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 2x2 L	Hộp	24	3,504,270	84,102,480	CÔNG TY TNHH XNK Y TẾ MINH ĐỨC
696	2	7	ACTIVATOR COBAS C/INTE/C111	9x12 ml,	04663632190 ACTIVATOR COBAS C/INTE/C111	00060A01_00 22_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 9x12 ml	Hộp	3	3,505,824	10,517,472	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
697	3	7	AFP CS GEN2.1 ELEC	4x1 ml,	04487761190 AFP CS GEN2.1 ELEC	00059A01_00 75_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
698	4	7	AFP RP GEN1.1ELEC	100 tests,	04481798190 AFP RP GEN1.1ELEC	00059A01_02 26_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	24	3,776,220	90,629,280	
699	5	7	ALB BCG GEN.2, 300T COBAS C	300 tests,	03183688122 ALB BCG GEN.2, 300T COBAS C	00062A03_01 51_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 300 tests	Hộp	48	271,562	13,034,976	
700	6	7	ALB-T 100T COBAS C INT.	100 tests,	04469658190 ALB- T 100T COBAS C INT.	00062A03_01 53_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	24	2,794,869	67,076,856	
701	7	7	ALP IFCC L 400T COBASC	400 tests,	03333701190 ALP IFCC L 400T COBASC	00062A03_01 54_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 400 tests	Hộp	12	1,143,356	13,720,272	
702	8	7	ALTL, 500T COBAS C/INTEGRA	500 tests,	20764957322 ALTL, 500T COBAS C/INTEGRA	00062A03_01 55_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 500 tests	Hộp	48	1,356,642	65,118,816	
703	9	7	AMYLASE GEN.2 COBAS C,I	300 tests,	03183742122 AMYLASE GEN.2 COBAS C,I	00062A03_01 59_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 300 tests	Hộp	24	1,905,593	45,734,232	
704	10	7	ANTI-HAV IGM ELEC	100 tests,	11820591122 ANTI- HAV IGM ELEC	00059A01_01 90_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	6	7,342,650	44,055,900	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
705	11	7	ANTI-HBC IGM ELEC	100 tests,	11820567122 ANTI- HBC IGM ELEC	00059A01_01 92_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	6	5,827,500	34,965,000	
706	12	7	ANTI-HBS ELEC	100 tests,	11820524122 ANTI- HBS ELEC	00059A01_01 94_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	2,564,100	30,769,200	
707	13	7	Anti-HCV G2 Elecsys cobas e 100	100 tests,	06368921190 Anti- HCV G2 cobas e 100	00059A01_01 48_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	7,226,100	86,713,200	
708	15	7	ASLO TQ, 150T COBAS C	150 tests,	04489403190 ASLO TQ, 150T COBAS C	00062A03_01 60_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 150 tests	Hộp	6	3,811,185	22,867,110	
709	16	7	ASSAY CUP ELEC 2010	60 x 60 cup,	11706802001 ASSAY CUP ELEC 2010	00059B01_00 34_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	SWITZERLA ND	Hộp 60 x 60 cup	Hộp	12	1,599,510	19,194,120	
710	17	7	ASSAY TIP ELEC	30x120 pcs,	11706799001 ASSAY TIP ELEC	00059B01_00 35_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	SWITZERLA ND	Hộp 30x120 pcs	Hộp	12	1,599,510	19,194,120	
711	18	7	ASSAY TIP/CUP E170	48x2x84 tips/cups and 8 waste liners,	12102137001 ASSAY TIP/CUP E170	00059B01_00 36_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	SWITZERLA ND	Hộp 48x2x84 tips/cups	Hộp	40	6,444,438	257,777,520	
712	19	7	ASTL, 500T COBAS C,/INTEGRA	500 tests,	20764949322 ASTL, 500T COBAS C,/INTEGRA	00062A03_01 61_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 500 tests	Hộp	48	1,356,642	65,118,816	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
713	20	7	BIL-TS 250T COBAS C/INTEGRA	250 tests,	03261638190 BIL- TS 250T COBAS C/INTEGRA	00062A03_01 65_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 250 tests	Hộp	48	407,925	19,580,400	
714	24	7	C3C, 100T COBASC, INTE	100 tests,	03001938322 C3C, 100T COBASC, INTE	00062A03_02 10_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp100 tests	Hộp	6	2,794,869	16,769,214	
715	25	7	C4 100T COBASC, INTE	100 tests,	03001962322 C4 100T COBASC, INTE	00062A03_02 11_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	6	2,794,869	16,769,214	
716	26	7	CA 125 II R CALSET	4x1 ml,	11776240322 CA 125 II R CALSET	00059A01_00 76_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,398,600	8,391,600	
717	27	7	CA 125 II R RP ELEC	100 tests,	11776223322 CA 125 II R RP ELEC	00059A01_02 27_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	7,342,650	88,111,800	
718	28	7	CA 15-3 II CS ELEC	4x1 ml,	03045846122 CA 15-3 II CS ELEC	00059A01_00 77_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,398,600	8,391,600	
719	29	7	CA 15-3 II RP ELEC	100 tests,	03045838122 CA 15-3 II RP ELEC	00059A01_02 28_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	7,342,650	88,111,800	
720	30	7	CA 19-9 CALSET	4x1 ml,	11776215122 CA 19-9 CALSET	00059A01_00 78_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	4x1 ml	Hộp	6	1,398,600	8,391,600	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
721	31	7	CA 19-9 RP ELEC	100 tests,	11776193122 CA 19-9 RP ELEC	00059A01_02 29_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	7,342,650	88,111,800	
722	32	7	CA 72-4 CASET ELEC	4x1 ml,	11776274122 CA 72-4 CASET ELEC	00059A01_00 79_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,748,250	10,489,500	
723	33	7	CA 72-4 RP ELEC	100 tests,	11776258122 CA 72-4 RP ELEC	00059A01_02 30_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	7,342,650	88,111,800	
724	34	7	CA++ ELECTRODE	1 UNIT,	03110354180 CA++ ELECTRODE	00051B01_00 10_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	6,803,500	6,803,500	
725	35	7	CA++ MICRO ELECTRODE	1 UNIT,	03111644180 CA++ MICRO ELECTRODE	00051B02_00 13_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	5,808,000	5,808,000	
726	36	7	CAPILLARIES TUBES	1000 PIECES,	03113507035 CAPILLARIES TUBES	00051B01_00 22_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	DENMARK	Hộp 1000 PIECES	Hộp	1	2,730,000	2,730,000	
727	37	7	CAPILLARIES TUBES	1000 PIECES,	03113507035 CAPILLARIES TUBES	00051B01_00 22_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	DENMARK	Hộp 1000 PIECES	Hộp	1	2,730,000	2,730,000	
728	38	7	CARTRIDGE CL	1 pc,	03246353001 CARTRIDGE CL	00060B01_00 44_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	JAPAN	1 pc	Hộp	1	7,335,768	7,335,768	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
729	39	7	CARTRIDGE K	1 pc,	10825441001 CARTRIDGE K	00060B01_00 28_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	JAPAN	1 pc	Hộp	1	7,415,133	7,415,133	
730	40	7	CARTRIDGE NA	1 pc,	10825468001 CARTRIDGE NA	00060B01_00 29_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	JAPAN	1 pc	Hộp	1	7,753,350	7,753,350	
731	41	7	CEA CALSET GEN.2	4x1 ml,	11731645322 CEA CALSET GEN.2	00059A01_00 80_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
732	42	7	CEA RP ELECSYS KIT	100 tests,	11731629322 CEA RP ELECSYS KIT	00059A01_02 31_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	24	4,195,800	100,699,200	
733	43	7	CFAS 12X3ML	12x3 ml,	10759350190 CFAS 12X3ML	00060A01_00 31_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 12x3 ml	Hộp	3	1,524,474	4,573,422	
734	45	7	CFAS LIPIDS 3X1ML	3x1 ml,	12172623122 CFAS LIPIDS 3X1ML	00060A01_00 66_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 3x1 ml	Hộp	6	1,162,004	6,972,024	
735	46	7	CFAS PAC F 3X1ML	3x1 ml,	03555941190 CFAS PAC F 3X1ML	00060A01_00 98_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 3x1 ml	Hộp	2	2,543,121	5,086,242	
736	47	7	CFAS PROTEINS	5x1 ml,	11355279216 CFAS PROTEINS	00060A01_00 36_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 5x1 ml	Hộp	3	1,305,360	3,916,080	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
737	48	7	CFAS PROTEINS U	5x1 ml,	03121305122 CFAS PROTEINS U	00060A01_00 83_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 5x1 ml	Hộp	2	1,954,544	3,909,088	
738	49	7	CHE GEN.2 200T COBAS C/INT	200 Tests,	04498577190 CHE GEN.2 200T COBAS C/INT	00062A03_01 68_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 200 Tests	Hộp	15	1,270,395	19,055,925	
739	50	7	CHOL HICO GEN.2 400T COBAS C	400 tests,	03039773190 CHOL HICO GEN.2 400T COBAS C	00062A03_01 70_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 400 tests	Hộp	50	699,300	34,965,000	
740	51	7	CK-MB	100 tests,	05894808190 CK- MB	04726A15_00 22_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	100	4,662,000	466,200,000	
741	52	7	CK-MB CS Elecsys V4	4 x 1 ml,	05957664190 CK- MB CS Elecsys V4	04726A15_00 24_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4 x 1 ml	Hộp	12	1,165,500	13,986,000	
742	53	7	CL- ELECTRODE	1 UNIT,	03110451180 CL- ELECTRODE	00051B01_00 12_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	7,879,300	7,879,300	
743	54	7	CL- MICRO ELECTRODE	1 UNIT,	03111571180 CL- MICRO ELECTRODE	00051B02_00 10_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	7,012,500	7,012,500	
744	55	7	CLEAN-CELL M 2*2 L ELEC	2L,	04880293190 CLEAN-CELL M 2*2 L ELEC	00059A01_00 07_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	2L	Hộp	200	1,902,318	380,463,600	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
745	56	7	CLEANING SOLUTION	125 ml,	03111555180 CLEANING SOLUTION	00051A01_00 05_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 125 ml	Hộp	3	1,362,900	4,088,700	
746	57	7	COBAS SAMPLE CUP 5000PCS	5,000 cups,	10394246001 COBAS SAMPLE CUP 5000PCS	00060B01_00 27_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 5,000 cups	Hộp	3	1,599,510	4,798,530	
747	61	7	CORTISOL CALSET ELEC	4x1 ml,	11875124122 CORTISOL CALSET ELEC	00059A01_00 52_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	4x1 ml	Hộp	6	1,398,600	8,391,600	
748	62	7	CORTISOL RP ELEC	100 tests,	11875116122 CORTISOL RP ELEC	00059A01_01 79_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	48	3,776,220	181,258,560	
749	63	7	C-pack CA G2, 300 test	300 tests,	05061482190 C- pack CA G2, 300 test	00062A03_02 76_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 300 tests	Hộp	120	632,835	75,940,200	
750	64	7	CREA G2 700T COBAS C/INTEGRA	700 tests,	04810716190 CREA G2 700T COBAS C/INTEGRA	00062A03_01 73_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 700 tests	Hộp	60	1,223,775	73,426,500	
751	65	7	CRP LX 300T COBASC, INT	300 tests,	20764930322 CRP LX 300T COBASC, INT	00062A03_01 77_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 300 tests	Hộp	60	4,192,304	251,538,240	
752	66	7	CRP LXHS 300T COBASC/INTEGR A	300 tests,	04628918190 CRP LXHS 300T COBASC/INTEGRA	00062A03_01 76_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 300 tests	Hộp	6	7,622,370	45,734,220	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
753	67	7	DEPROTEINIZER	125 ml,	03110435180 DEPROTEINIZER	00051A01_00 04_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 125 ml	Hộp	3	979,000	2,937,000	
754	68	7	EcoTergent, cobas c501/502, 12x59 ml	12x59ml,	06544410190 Ecotergent c501/c502	04726A10_00 01_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	12x59ml	Hộp	12	2,278,386	27,340,632	
755	69	7	ELEC CLEAN- CELL	6x380 ml,	11662970122 ELEC CLEAN-CELL	00059A01_00 03_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	6x380 ml	Hộp	36	1,708,179	61,494,444	
756	70	7	ELEC PRECICONTROL TROPONIN	4x2 ml,	05095107190 Elec PreciControl Troponin	00059A01_00 98_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	4x2 ml	Hộp	6	840,000	5,040,000	
757	71	7	ELEC TSH CALSET	4x1 ml,	04738551190 ELEC TSH CALSET	00059A01_00 73_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
758	72	7	ELECSYS CMV IGG	100 tests,	04784596190 Elecsys CMV IgG	00059A01_02 20_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	6	4,662,000	27,972,000	
759	73	7	ELECSYS CMV IGM	100 tests,	04784618190 Elecsys CMV IgM	00059A01_02 21_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	6,993,000	83,916,000	
760	74	7	ELECSYS HS TNT (200 TESTS)	200 tests,	05092744190 Elecsys hs TnT (200 tests)	00059A01_01 70_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 200 tests	Hộp	75	8,400,000	630,000,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
761	75	7	ELECSYS HS TNT CALSET	4x1 ml,	05092752190 Elecsys hs TnT Calset	00059A01_00 45_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	12	1,050,000	12,600,000	
762	76	7	ELECSYS PRECICONTROL ®HIV	6x2 ml,	05162645190 Elecsys PreciControl®HIV	00059A01_00 89_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 6x2 ml	Hộp	12	3,554,775	42,657,300	
763	77	7	ELECSYS PROGESTERONE CS GEN2	4x1 ml,	12145391122 ELECSYS PROGESTERONE CS GEN2	00059A01_00 58_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
764	78	7	Estradiol G2 cobas e 100 V3	100 tests,	03000079190 Estradiol G2 cobas e 100 V3	00060A01_06 36_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	2	3,776,220	7,552,440	
765	79	7	ESTRADIOL II CALSET	4x1 ml,	03064921122 ESTRADIOL II CALSET	00059A01_00 54_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	1	1,165,500	1,165,500	
766	80	7	ETOH 100T COBASC, INTE	100 tests,	03183777190 ETOH 100T COBASC, INTE	00062A03_02 22_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	24	2,447,550	58,741,200	
767	81	7	FERRI RP GEN2 ELEC	100 tests,	03737551190 FERRI RP GEN2 ELEC	00059A01_01 54_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	50	4,195,800	209,790,000	
768	82	7	FERRITIN CALSET	4x1 ml,	03737586190 FERRITIN CALSET	00059A01_00 32_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	12	1,165,500	13,986,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
769	85	7	FT3 II CS ELEC KIT	4x1 ml,	03051994190 FT3 II CS ELEC KIT	00059A01_00 68_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
770	86	7	FT3 II RP ELEC KIT	200 tests,	03051986190 FT3 II RP ELEC KIT	00059A01_02 12_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 200 tests	Hộp	12	5,128,200	61,538,400	
771	87	7	FT4 CS ELECSYS KIT	4x1 ml,	11731661122 FT4 CS ELECSYS KIT	00059A01_00 69_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
772	88	7	FT4 RP ELECSYS KIT	200 tests,	11731297122 FT4 RP ELECSYS KIT	00059A01_02 13_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	200 tests	Hộp	40	5,128,200	205,128,000	
773	89	7	GGT G2-400T COBAS C/INTEGRA	400 tests,	03002721122 GGT G2-400T COBAS C/INTEGRA	00062A03_01 80_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 400 tests	Hộp	48	904,428	43,412,544	
774	90	7	GLUC HK G3. 800T COBAS C	800 tests,	04404483190 GLUC HK G3. 800T COBAS C	00062A03_01 82_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 800 tests	Hộp	48	1,398,600	67,132,800	
775	91	7	HALOGEN LAMP	1 pc,	04813707001 HALOGEN LAMP	00060B01_00 57_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	JAPAN	Hộp 1 pc	Hộp	5	7,326,000	36,630,000	
776	93	7	HBSAG 2 ELEC	100 tests,	04687787190 HBSAG 2 ELEC	00059A01_01 97_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	2,564,100	30,769,200	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
777	94	7	HCG+BETA II CS ELEC	4x1 ml,	03302652190 HCG+BETA II CS ELEC	00059A01_00 56_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
778	95	7	HCG+BETA II RP ELEC	100 tests,	03271749190 HCG+BETA II RP ELEC	00059A01_01 83_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	36	3,846,150	138,461,400	
779	96	7	HDL-C G3, 200 COBASC/INTEGR	200 tests,	04399803190 HDL- C G3, 200 COBASC/INTEGR	00062A03_01 85_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 200 tests	Hộp	48	2,032,632	97,566,336	
780	97	7	HIV combi PT	100 tests,	05390095190 HIV combi PT	00059A01_01 35_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	4,200,000	50,400,000	
781	98	7	ISE CLEANING SOLUTION.	5x100 ml,	11298500316 ISE CLEANING SOL.	00059A01_00 06_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 5x100 ml	Hộp	6	1,708,179	10,249,074	
782	99	7	ISE COMPENSATOR 10X1ML	10x 1ml,	11489828216 ISE COMPENSATOR 10X1ML	00060A01_00 38_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 10x 1ml	Hộp	4	635,198	2,540,792	
783	100	7	ISE DILUENT G2, COBAS C/HIT	5x300 ml,	04522630190 ISE DILUENT G2, COBAS C/HIT	00060A01_00 21_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 5x300 ml	Hộp	24	4,300,695	103,216,680	
784	101	7	ISE INT.STAND G2 COBAS C/HIT	5x600 ml,	04522320190 ISE INT.STAND G2 COBAS C/HIT	00060A01_01 04_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 5x600 ml	Hộp	48	5,069,925	243,356,400	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
785	102	7	ISE REFERELECTRO LYTE 5X300ML	5x300 ml,	11360981216 ISE REFERELECTROL YTE 5X300ML	00060A01_00 05_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	5x300 ml	Hộp	24	3,111,885	74,685,240	
786	103	7	ISE STANDARD HIGH10X3ML	10x3 ml,	11183982216 ISE STANDARD HIGH10X3ML	00060A01_00 35_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 10x3 ml	Hộp	6	326,340	1,958,040	
787	104	7	ISE STANDARD LOW 10X3ML	10x3 ml,	11183974216 ISE STANDARD LOW 10X3ML	00060A01_00 34_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 10x3 ml	Hộp	6	326,340	1,958,040	
788	105	7	K+ ELECTRODE	1 pc,	03110338180 K+ ELECTRODE	00051B01_00 09_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 pc	Hộp	1	8,054,200	8,054,200	
789	106	7	K+ MICRO ELECTRODE	1 pc,	03111628180 K+ MICRO ELECTRODE	00051B02_00 12_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 pc	Hộp	1	7,012,500	7,012,500	
790	107	7	LACT 100T COBAS C INT	100 tests,	03183700190 LACT 100T COBAS C INT	00062A03_01 90_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	36	635,198	22,867,128	
791	108	7	LDHI G.2 IFCC COBAS C/I 300T	300 tests,	03004732122 LDHI G.2 IFCC COBAS C/I 300T	00062A03_01 91_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 300 tests	Hộp	36	813,519	29,286,684	
792	109	7	LDL-C GEN.2, 175T C,I	175 tests,	03038866322 LDL- C GEN.2, 175T C,I	00062A03_01 92_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 175 tests	Hộp	75	3,059,438	229,457,850	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
793	110	7	LH CS GEN.2 ELECSYS, COBAS E	4x1 ml,	03561097190 LH CS GEN.2 ELECSYS, COBAS E	00059A01_00 57_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
794	111	7	LH RP ELECSYS KIT	100 tests,	11732234122 LH RP ELECSYS KIT	00059A01_01 85_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	3,776,220	45,314,640	
795	112	7	LIPC, 200T COBASC, INTE	200 tests,	03029590322 LIPC, 200T COBASC, INTE	00062A03_01 93_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 200 tests	Hộp	48	2,540,790	121,957,920	
796	113	7	MG, 175TESTS, COBAS C, INTEG	175 tests,	20737593322 MG, 175TESTS, COBAS C, INTEG	00062A03_01 94_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 175 tests	Hộp	12	406,760	4,881,120	
797	114	7	MICROSAMPLER PROTECT sterile	50 pcs,	05772583001 MICROSAMPLER PROTECT, sterile	00051B01_00 26_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 50 pcs	Hộp	6	1,470,000	8,820,000	
798	115	7	MULTICLEAN, COBAS C	59.50 ml,	04708725190 MULTICLEAN, COBAS C	00062A03_00 23_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 59.50 ml	Hộp	6	1,091,574	6,549,444	
799	116	7	NA ELECTRODE CONDITIONER	1 UNIT,	03110362180 NA ELECTRODE CONDITIONER	00051A01_00 03_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	1,067,000	1,067,000	
800	117	7	NA+ ELECTRODE	1 UNIT,	03110419180 NA+ ELECTRODE	00051B01_00 11_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	10,972,500	10,972,500	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
801	118	7	NA+ MICRO ELECTRODE	1 UNIT,	03111598180 NA+ MICRO ELECTRODE	00051B02_00 11_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	8,712,000	8,712,000	
802	119	7	NACL 9% D1L, COBAS C	50 ml,	04489357190 NACL 9% DIL, COBAS C	00062A03_00 16_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 50 ml	Hộp	12	228,438	2,741,256	
803	120	7	NAOH-D, COBAS C	50 ml,	04489241190 NAOH-D, COBAS C	00062A03_00 17_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 50 ml	Hộp	48	212,454	10,197,792	
804	121	7	NAOH-D/BASIC WASH 2x1,8L	2x1.8 L,	04880285190 NAOH-D/BASIC WASH 2x1,8L	00062A03_00 20_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 2x1.8 L	Hộp	100	1,744,809	174,480,900	
805	122	7	PCT BRAHMS ELECSYS,COBAS E	100 tests,	05056888200 PCT BRAHMS ELECSYS,COBAS E	00059A01_01 74_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	24	18,648,000	447,552,000	
806	123	7	PHOS GEN.2, 250T,C, INTE	250 tests,	03183793122 PHOS GEN.2, 250T,C, INTE	00062A03_01 95_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 250 tests	Hộp	50	381,119	19,055,950	
807	124	7	PRECICONTROL ANTI HCV CE	16x1.3 ml,	03290379190 PRECICONTROL ANTI HCV CE	00059A01_01 06_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 16x1.3 ml	Hộp	6	2,214,450	13,286,700	
808	125	7	PRECICONTROL CARDIAC G.4 ELE	4x2 ml,	04917049190 PRECICONTROL CARDIAC G.4 ELE	00059A01_01 11_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x2 ml	Hộp	6	1,522,143	9,132,858	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
809	126	7	PRECICTRL ANTI-HAV	16 x 1ml,	04855043190 PRECICTRL ANTI- HAV	00059A01_01 00_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 16 x 1ml	Hộp	6	1,631,700	9,790,200	
810	127	7	PRECICTRL ANTI-HBS ELEC	16x1.3 ml,	11876317122 PRECICTRL ANTI- HBS ELEC	00059A01_01 05_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 16x1.3 ml	Hộp	6	1,631,700	9,790,200	
811	128	7	PreciCtrl CC Multi 1, 4x5ml	4x5ml,	05947626190 PreciCtrl CC Multi 1, 4x5ml	00060A01_02 38_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x5ml	Hộp	3	2,031,750	6,095,250	
812	129	7	PreciCtrl CC Multi 2 4x5ml	4x5ml,	05947774190 PreciCtrl CC Multi 2 4x5ml	00060A01_02 39_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x5ml	Hộp	3	2,031,750	6,095,250	
813	130	7	PRECICTRL HBC IGM ELEC	16x1 ml,	11876333122 PRECICTRL HBC IGM ELEC	00059A01_01 03_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 16x1 ml	Hộp	6	2,715,615	16,293,690	
814	131	7	PRECICTRL HBSAG 2 ELEC	16x1.3 ml,	04687876190 PRECICTRL HBSAG 2 ELEC	00059A01_01 08_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 16x1.3 ml	Hộp	6	1,631,700	9,790,200	
815	132	7	PRECICTRL TUMOR MARKER ELEC	4x3 ml,	11776452122 PRECICTR TUMOR MARKER ELEC	00059A01_01 19_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x3 ml	Hộp	6	2,564,100	15,384,600	
816	133	7	PRECICTRL UNIVERSAL ELEC	4x3 ml,	11731416190 PRECICTRL UNIVERSAL ELEC	00059A01_00 87_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x3 ml	Hộp	6	1,398,600	8,391,600	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
817	134	7	PRECINORM PROTEIN	3x1 ml,	10557897122 PRECINORM PROTEIN	00060A01_01 57_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 3x1 ml	Hộp	12	1,087,412	13,048,944	
818	135	7	PRECINORM PROTEINS U	4x3 ml,	03121313122 PRECINORM PROTEINS U	00060A01_01 91_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x3 ml	Hộp	6	3,768,062	22,608,372	
819	136	7	PRECINORM U 4X5ML	4x5 ml,	10171735122 PRECINORM U 4X5ML	00060A01_01 53_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x5 ml	Hộp	12	870,629	10,447,548	
820	137	7	PRECIPATH HDL/LDL 4X3ML	4x3 ml,	11778552122 PRECIPATH HDL/LDL 4X3ML	00060A01_01 74_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x3 ml	Hộp	12	2,026,805	24,321,660	
821	138	7	PRECIPATH L 4X3ML	4x3 ml,	11285874122 PRECIPATH L 4X3ML	00060A01_01 62_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x3 ml	Hộp	12	1,665,500	19,986,000	
822	139	7	PRECIPATH PROTEIN PPP 3X1ML	3x1 ml,	11333127122 PRECIPATH PROTEIN PPP 3X1ML	00060A01_01 63_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	3x1 ml	Lọ	12	1,386,945	16,643,340	
823	140	7	PRECIPATH PROTEINS URIN	4x3 ml,	03121291122 PRECIPATH PROTEINS URIN	00060A01_01 90_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x3 ml	Hộp	6	3,768,062	22,608,372	
824	141	7	PRECIPATH U 4X5ML	4x5 ml,	10171760122 PRECIPATH U 4X5ML	00060A01_01 55_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x5 ml	Hộp	12	1,016,316	12,195,792	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
825	142	7	PRECLEAN M	5x600 ml,	03004899190 PRECLEAN M	00059A01_00 09_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 5x600 ml	Hộp	100	1,267,398	126,739,800	
826	143	7	PRECTL ANTIHAV IGM ELEC	16x0.67 ml,	11876368122 PRECTL ANTIHAV IGM ELEC	00059A01_01 01_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 16x0.67 ml	Hộp	6	2,214,450	13,286,700	
827	144	7	PROBE WASH M ELECSYS	12x70 ml,	03005712190 PROBE WASH M ELECSYS	00059A01_00 10_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 12x70 ml	Hộp	6	1,645,908	9,875,448	
828	145	7	PROBNP CS COBAS E	4x1 ml,	04842472190 PROBNP CS COBAS E	00059A01_00 42_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,260,000	7,560,000	
829	146	7	PROBNP GEN.2 ELECSYS,COBAS E	100 tests,	04842464190 PROBNP GEN.2 ELECSYS,COBAS E	00059A01_01 67_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	48	24,360,000	1,169,280,000	
830	147	7	PROCELL ELEC 6X380	6x380 ml,	11662988122 PROCELL ELEC 6X380	00059A01_00 04_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 6x380 ml	Hộp	36	1,708,179	61,494,444	
831	148	7	PROCELL M 2*2 L ELEC	2x2 L,	04880340190 PROCELL M 2*2 L ELEC	00059A01_00 08_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 2x2 L	Hộp	200	1,604,394	320,878,800	
832	149	7	PSA CS GEN2.1 ELEC	4x1 ml,	04485220190 PSA CS GEN2.1 ELEC	00059A01_00 84_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
833	150	7	PSA RP GEN2.1 ELEC	100 tests,	04641655190 PSA RP GEN2.1 ELEC	00059A01_02 35_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	15	5,827,500	87,412,500	
834	151	7	PTH CALSET ELEC	4x1 ml,	11972219122 PTH CALSET ELEC	00059A01_00 36_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
835	152	7	PTH ELECSYS,COBAS E	100 tests,	11972103122 PTH ELECSYS,COBAS E	00059A01_01 60_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	12	5,244,750	62,937,000	
836	154	7	REACTION CELL COBAS C501	24 pieces (3 sets),	04854241001 REACTION CELL COBAS C501	00062B04_00 43_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	JAPAN	Hộp 24 pieces	Hộp	1	26,862,000	26,862,000	
837	155	7	REF MICRO ELECTRODE	1 UNIT,	03111873180 REF MICRO ELECTRODE	00051B02_00 18_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 UNIT	Hộp	1	11,797,500	11,797,500	
838	156	7	REFERENCE ELECTRODE	1 pc,	03149501001 REFERENCE ELECTRODE	00060B01_00 43_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	JAPAN	Hộp 1 pc	Hộp	1	10,693,518	10,693,518	
839	157	7	REFERENCE ELECTRODE	1 pc,	03112306180 REFERENCE ELECTRODE	00051B01_00 18_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 1 pc	Hộp	1	8,410,600	8,410,600	
840	158	7	SMS, COBAS C	50 ml,	04489225190 SMS, COBAS C	00062A03_00 18_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 50 ml	Hộp	120	212,454	25,494,480	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
841	159	7	SYS WASH ELECSYS	500 ml,	11930346122 SYS WASH ELECSYS	00059A01_00 05_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 500 ml	Hộp	12	1,366,299	16,395,588	
842	160	7	T3 CS ELECSYS KIT	4x1 ml,	11731548122 T3 CS ELECSYS KIT	00059A01_00 70_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
843	161	7	T3 RP ELECSYS KIT	200 tests,	11731360122 T3 RP ELECSYS KIT	00059A01_02 14_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 200 tests	Hộp	36	5,128,200	184,615,200	
844	162	7	T4 CS GEN.2 ELEC	4x1 ml,	12017717122 T4 CS GEN.2 ELEC	00059A01_00 71_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	6	1,165,500	6,993,000	
845	163	7	T4 GEN.2 ELECSYS,COBAS E	200 tests,	12017709122 T4 GEN.2 ELECSYS,COBAS E	00059A01_02 15_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 200 tests	Hộp	36	5,128,200	184,615,200	
846	164	7	TP G2 300T COBAS C/INTEGRA	300 tests,	03183734190 TP G2 300T COBAS C/INTEGRA	00062A03_01 97_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 300 tests	Hộp	48	524,475	25,174,800	
847	165	7	TPUC 150T COBAS C, INT	150 tests,	03333825190 TPUC 150T COBAS C, INT	00062A03_01 98_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 150 tests	Hộp	12	1,334,498	16,013,976	
848	166	7	TRIGL 250T COBAS C/INTEGRA	250 tests,	20767107322 TRIGL 250T COBAS C/INTEGRA	00062A03_02 00_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 250 tests	Hộp	48	723,776	34,741,248	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
849	167	7	TSH RP ELECSYS KIT	200 tests,	11731459122 TSH RP ELECSYS KIT	00059A01_02 18_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	200 tests	Hộp	40	5,128,200	205,128,000	
850	168	7	UA G2 400T COBAS C/INTEGRA	400 tests,	03183807190 UA G2 400T COBAS C/INTEGRA	00062A03_02 03_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 400 tests	Hộp	40	813,519	32,540,760	
851	169	7	UNIVERSAL DILUENT ELEC	2x18 ml,	11732277122 UNIVERSAL DILUENT ELEC	00059A01_00 01_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 2x18 ml	Hộp	12	1,631,700	19,580,400	
852	170	7	UREAL 500T COBAS C/INTEGRA	500 tests,	04460715190 UREAL 500T COBAS C/INTEGRA	00062A03_02 02_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 500 tests	Hộp	60	1,524,474	91,468,440	
853	171	7	URINE DILUENT	500 ml,	03110249180 URINE DILUENT	00051A01_00 02_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	AUSTRIA	Hộp 500 ml	Hộp	6	1,000,650	6,003,900	
854	172	7	ANTI CCP	100 tests,	05031656190 ANTI CCP	00059A01_02 06_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	2	13,986,000	27,972,000	
855	173	7	BIL-D Gen.2, 350T cobas c	350 tests,	05589061190 C- pack BIL-D G2, 350 tests	00062A03_02 75_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 350 tests	Hộp	48	571,095	27,412,560	
856	174	7	Combur- 10m	Hộp/100 test,	11379208173 COMBUR-10 M 100T	00052A02_00 02_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 test	Hộp	2,000	431,550	863,100,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
857	175	7	ELECSYS PRECICONTROL ANTI-CC	2 x 2 ml,	05031664190 ELECSYS PRECICONTROL ANTI-CC	00059A01_01 10_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	2 x 2 ml	Hộp	1	4,662,000	4,662,000	
858	176	7	FREE β HCG	100 tests,	04854071200 free β hCG	00059A01_01 99_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	2	8,400,000	16,800,000	
859	177	7	FREE β hCG	100 tests,	04854071200 FREE β hCG	00059A01_01 99_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 100 tests	Hộp	2	8,400,000	16,800,000	
860	178	7	FREE β HCG CALSET	4x1 ml,	04854080200 free β hCG Calset	00059A01_00 62_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4x1 ml	Hộp	1	6,300,000	6,300,000	
861	179	7	FREE β hCG CALSET	4 x 1 ml,	04854080200 FREE β hCG CALSET	00059A01_00 62_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	4 x 1 ml	Hộp	1	6,300,000	6,300,000	
862	180	7	Precinorm L 4*3ml	4 x 3ml,	10781827122 PRECINORM L 4X3ML	00060A01_01 58_311299	ROCHE DIAGNOSTI CS INTERNATI ONAL LTD	GERMANY	Hộp 4 x 3ml	Hộp	12	1,214,451	14,573,412	
863	1	7	Latex Calibrators 6 test 3 levels	6 test 3 levels,	LATEX CALIBRATORS	5573/BYT- TB-CT	Alifax S.P.A	ITALY	6 test 3 leves	Hộp	5	4,200,000	21,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
864	2	7	Latex Controls kit 6 tests 3 levels	Kit 6 tests 3 levels,	LATEX CONTROLS	5573/BYT- TB-CT	Alifax S.P.A	ITALY	Kit 6 tests 3 leves	Hộp	5	4,200,000	21,000,000	
865	3	7	Universal Card 1000 EDR	Card 1000 test,	UNIVERSAL CARD 1000 ESR TEST	5573/BYT- TB-CT	Alifax S.P.A	ITALY	Card 1000 test	Card	1	26,000,000	26,000,000	
866	4	7	Universal Card 4000 EDR	Card 4000 test,	UNIVERSAL CARD 4000 ESR TEST	5573/BYT- TB-CT	Alifax S.P.A	ITALY	Card 1000 test	Card	1	95,000,000	95,000,000	
867	1	7	Fluit Pack	Bình/630ml,	FLUIT PACK	536/BYT/TB- CT	Diamond Diagnostics Inc.	UNITED STATES	Bình/620ml	Bình	50	3,500,000	175,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
868	2	7	Invitrogel ABD	Thùng/720 card,	INVITROGEL ABD	4455/BYT/T B-CT	MTC	GERMANY	Thùng/720 card	Card	1,500	84,000	126,000,000	
869	3	7	Invitrogel ABO Crossmatch	Thùng/720 card,	INVITROGEL ABO CROSSMATCH	4455/BYT/T B-CT	MTC	GERMANY	Thùng/720 card	Card	8,000	84,000	672,000,000	
870	4	7	Invitrogel AHG (Coombs)	Thùng/720 card,	INVITROGEL AHG(COOMBS)	4455/BYT/T B-CT	MTC	GERMANY	Thùng/720 card	Card	2,000	145,000	290,000,000	
871	5	7	Invitroliss	Chai/500ml,	INVITROLISS	4455/BYT/T B-CT	Hydrex	POLAND	Chai/500ml	Chai	50	3,900,000	195,000,000	
872	1	7	Bộ thu nhận tiểu cầu	Bộ,	BO THU NHAN TIEU CAU	166/BYT-TB- CT	Haemonetics	UNITED STATES	Bộ	Bộ	300	3,900,000	1,170,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
873	2	7	Bọc chống đông	Bọc,	BOC CHONG DONG	166/BYT-TB- CT	Haemonetics	UNITED STATES	Bộ	Bọc	300	160,000	48,000,000	
874	3	7	HB AFSC Control	H/100 test,	HB AFSC CONTROL	1612/BYT- TB-CT	Sebia	FRANCE	Hộp 1 ml	Hộp	10	6,900,000	69,000,000	
875	4	7	Hypergamma Control Serum	H/250 test,	HYPERGAMMA CONTROL SERUM	1612/BYT- TB-CT	Sebia	FRANCE	Hộp 5x1 ml	Hộp	10	6,900,000	69,000,000	
876	5	7	Minicap Hemoglobin	H/ 254 test,	MINICAP HEMOGLOBIN	1612/BYT- TB-CT	Sebia	FRANCE	H/ 254 test	Hộp	5	87,000,000	435,000,000	
877	6	7	Minicap Immunotying	H/ 87 test,	MINICAP IMMUNOTYING	1612/BYT- TB-CT	Sebia	FRANCE	H/ 87 test	Hộp	5	58,750,000	293,750,000	
878	7	7	Minicap Protein 6	H/ 299 test,	MINICAP PROTEIN	1612/BYT- TB-CT	Sebia	FRANCE	H/ 299 test	Hộp	5	43,500,000	217,500,000	
879	8	7	Wash Solution	H/2*70ml,	WASH SOLUTION	1612/BYT- TB-CT	Sebia	FRANCE	H/ 2*75ml	Hộp	20	3,200,000	64,000,000	
880	1	7	Acid Uric	H/4*4 2.3ml,	URIC ACID	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*42.3ml	Hộp	8	8,600,000	68,800,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
881	2	7	Alanine Aminotranferase (ALP/GPT)	H/4*50ml,	ALT	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*50ml	Hộp	30	4,300,000	129,000,000	
882	3	7	Albumin	H/4*29ml,	ALBUMIN	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*29ml	Hộp	15	2,050,000	30,750,000	
883	4	7	ALP, IFCC	H/4*30ml,	ALP	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*30ml	Hộp	8	5,550,000	44,400,000	
884	5	7	Amylase	H/160ml,	A-AMYLASE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/160ml	Hộp	8	9,450,000	75,600,000	
885	6	7	ASO	H/4*51ml,	ASO	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*51ml	Hộp	6	35,400,000	212,400,000	
886	7	7	Asparate Aminotranferase (AST/GOT)	H/4*25ml,	AST	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*25ml	Hộp	24	4,300,000	103,200,000	
887	8	7	Calcium (Arsenazo)	H/4*29ml,	CALCIUM ARSENAZO	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*29ml	Hộp	24	5,850,000	140,400,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
888	9	7	Cholesterol	Hộp/4*45ml,	CHOLESTEROL	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*45ml	Hộp	12	7,660,000	91,920,000	
889	10	7	Cholinesterase (CHE GSCC)	Hộp/144ml,	CHOLINESTERASE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Hộp/144ml	Hộp	6	4,400,000	26,400,000	
890	11	7	Cleaning Solution 500ml	Chai/500ml,	CLEANING SOLUTIOB	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Chai 500ml	Chai	6	5,250,000	31,500,000	
891	12	7	Control SerumLevel I	H/20x5ml,	CONTROL SERUM I	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/20x5ml	Lọ	80	462,000	36,960,000	
892	13	7	Control SerumLevel II	H/10x5ml,	CONTROL SERUM II	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/10x5ml	Lọ	80	467,000	37,360,000	
893	14	7	Creatinine	Hộp/4*51ml,	CREATININE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Hộp/4*51ml	Hộp	40	2,280,000	91,200,000	
894	15	7	CRP Latex HS	Hộp/240ml,	CRP LATEX	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Hộp/240ml	Hộp	40	20,000,000	800,000,000	
895	16	7	CRP Latex HS Calibrator	Hộp/5x1x2ml,	CRP LATEX HS CALIBRATOR	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Hộp/5x1x2xm l	Hộp	3	11,180,000	33,540,000	
896	17	7	Direct Bilirubin	H/4*20ml,	DIRECT BILIRUBIN	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*20ml	Hộp	10	5,450,000	54,500,000	
897	18	7	GGT-IFCC	H/4*40ml,	GGT	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*40ml	Hộp	30	6,780,000	203,400,000	
898	19	7	Glucose	Hộp/4*53ml,	GLUCOSE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*53ml	Hộp	50	4,995,000	249,750,000	
899	20	7	HDL Choles Calibrator	Hộp/2x3ml,	HDL CHOLE CALIBRATOR	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Hộp/2x3ml	Hộp	3	3,150,000	9,450,000	
900	21	7	HDL- Cholesterol	Hộp/4*51.3ml,	HDL- CHOLESTEROL	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED KINGDOM	H/4*51.3ml	Hộp	50	19,820,000	991,000,000	
901	22	7	HDL/LDL- Cholesterol Control	H/3*5ml,	HDL/LDL- CHOLESTEROL CONTROL	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/3*5ml	Hộp	10	1,100,000	11,000,000	
902	23	7	ISE Buffer	H/4*2000ml,	ISE BUFFER	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*2000ml	Hộp	20	20,000,000	400,000,000	
903	24	7	ISE Mid STD	H/4*2000ml,	ISE MID STANDARD	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*2000ml	Hộp	50	19,600,000	980,000,000	
904	25	7	ISE Reference Solution	H/4*1000ml,	ISE REFERENCE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*1000ml	Hộp	30	17,000,000	510,000,000	
905	26	7	ISE STD High	H/4*100ml,	ISE HIGH SERUM STANDARD	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*100ml	Hộp	10	6,680,000	66,800,000	
906	27	7	ISE STD Low	H/4*100ml,	ISE LOW SERUM STANDARD	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*100ml	Hộp	10	6,680,000	66,800,000	
907	28	7	Lactate	H/4*10ml,	LACTATE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*10ml	Hộp	10	8,270,000	82,700,000	
908	29	7	LDH, IFCC/GSC	H/4*40ml,	LDH	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*40ml	Hộp	10	6,980,000	69,800,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
909	30	7	LDL – Cholesterol	Hộp/4*51.3ml,	LDL - CHOLESTEROL	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*51.3ml	Hộp	30	36,750,000	1,102,500,000	
910	31	7	LDL Choles Calibrator	Hộp/2x1ml,	LDL CHOLE CALIBRATOR	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Hộp/2x1ml	Hộp	3	5,520,000	16,560,000	
911	32	7	Lipase	Hộp/120 ml,	LIPASE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	Hộp/120 ml	Hộp	10	19,950,000	199,500,000	
912	33	7	Magnesium	H/4*40ml,	MAGNESIUM	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*40ml	Hộp	60	2,700,000	162,000,000	
913	34	7	Micro Albumin	H/4*15ml; H/4*5ml,	MICRO ALBUMIN	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*15ml;h/4* 5ml	Hộp	10	14,000,000	140,000,000	
914	35	7	Micro Albumin Calibrator	H/5*1*2ml,	MICRO ALBUMIN CALIBRATOR	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/5*1*2ml	Hộp	5	14,150,000	70,750,000	
915	36	7	Protein Urinary/CSF	H/4*19ml,	URINARY/CSF PROTEIN	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*19ml	Hộp	10	7,290,000	72,900,000	
916	37	7	RF	H/4*24ml,	RF LATEX	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*24ml	Hộp	10	26,500,000	265,000,000	
917	38	7	RF Latex Calibrator	H/5*1*1ml,	RF LATEX CALIBRATOR	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/5*1*1ml	Hộp	5	11,450,000	57,250,000	
918	39	7	Serum Protein Multicalibrator	H/6*1*2ml,	SERUM PROTEIN MULTICALIBRAT OR	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/6*1*2ml	Hộp	5	2,350,000	11,750,000	
919	40	7	System Calibration OL	H/20x5ml,	SYSTEM CALIBRATOR	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/20*5ml	Lọ	70	480,000	33,600,000	
920	41	7	Total Bilirubin	H/4*40ml,	TOTAL BILIRUBIN	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*40ml	Hộp	10	8,960,000	89,600,000	
921	42	7	Total Protein	Hộp/4*48ml,	TOTAL PROTEIN	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*48ml	Hộp	10	5,200,000	52,000,000	
922	43	7	Triglycerides	H/4*50ml,	TRIGLYCERIDE	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*50ml	Hộp	40	9,700,000	388,000,000	
923	44	7	Urea/Bun	Hộp/4*53ml,	UREA/UREA NITROGEN	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED STATES	H/4*53ml	Hộp	40	8,400,000	336,000,000	
924	45	7	Wash Solution	Bình/5lit,	WASH SOLUTION	3914/BYT- TB-CT	Beckman Coulter	UNITED KINGDOM	Bình / 5 lít	Bình	20	3,890,000	77,800,000	
925	2	7	Diaglobin CD 3.2	Bình 5 lít,	DIAGLOBIN CD 3.2	TKHQ: 10045689792 0	Diagon	INDONESIA	Bình 5 lít	Bình	70	11,350,000	794,500,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
926	3	7	Dialyse CD 3.2	Bình 5 lít,	DIALYSE CD 3.2	TKHQ: 10045689792 0	Diagon	INDONESIA	Bình 5 lít	Bình	70	7,850,000	549,500,000	
927	4	7	Diaton Sheath CD 3.2	Thùng 20 lít,	DIATON SHEATH CD 3.2	TKHQ: 10045689792 0	Diagon	INDONESIA	Thùng/20 lít	Thùng	400	3,100,000	1,240,000,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
928	1	7	CaCl2	Lọ/15ml,	STA CACL2 0.025M	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Lọ/15ml	Lọ	300	140,000	42,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC PHẨM TW2
929	2	7	Capiclean	Lọ/12ml,	CAPICLEAN	1612/BYT- TB-CT	Sebia	FRANCE	Lọ/ 25ml	Lọ	12	4,870,000	58,440,000	
930	3	7	CK prest	Hộp/6x5ml,	STA CK PREST 5	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/6x5ml	Hộp	120	7,480,000	897,600,000	
931	4	7	Cleaner Solution	Bình 2,5 lít,	COAG CLEANER 2.5L	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Bình 2.5l	Bình	10	6,850,000	68,500,000	
932	5	7	COAG CONTROL N + P	Hộp/24lọ,	STA COAG CONTROL N+P	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/12x2x1ml	Hộp	24	11,200,000	268,800,000	
933	8	7	D-Di test	Hộp/60 test,	D.DI TEST	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộ/1 x 1.3ml	Hộp	10	20,900,000	209,000,000	
934	9	7	Desorb U	H/24*15ml,	STA DESORB U	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	H/24*15ml	Hộp	70	7,190,000	503,300,000	
935	10	7	Di Cont D-Di P	Hộp/2x1ml,	DI CONT D-DI I	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/2x1ml	Hộp	10	930,930	9,309,300	
936	11	7	Di Cont D-Di N	Hộp/2x1ml,	DI CONT D-DI II	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/2x1ml	Hộp	10	930,930	9,309,300	
937	12	7	Dia CaCl2	Hộp/ 12 x,	DIA CACL2	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/12x16ml	Lọ	30	155,000	4,650,000	
938	13	7	Dia Cont I-II	Hộp/10+10x1ml,	DIA CONT I-II	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/10+10x1m l	Hộp	10	10,500,000	105,000,000	
939	14	7	Dia D-Dimer	Hộp/3x4ml,	DIA D-DIMER	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/3x4ml	Hộp	70	10,300,000	721,000,000	
940	15	7	Dia Fib	Hộp/12x5m,	DIA FIB	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/12x15ml	Hộp	70	17,500,000	1,225,000,000	
941	16	7	Dia Fib 2	Hộp/12x2ml,	DIA FIB 2	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/12x2ml	Hộp	70	7,150,000	500,500,000	
942	17	7	Dia Imidasol	H/12*15ml,	DIA IMIDAZOL	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	H/12*15ml	Hộp	20	1,950,000	39,000,000	
943	18	7	Dia PT5	Hộp/5x5ml,	DIA PT5	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/5x5ml	Hộp	70	2,200,000	154,000,000	
944	19	7	Dia PTT	Hộp/6x4ml,	DIA PTT	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/6x4ml	Hộp	70	5,440,000	380,800,000	
945	20	7	Dia Sorb	Hộp/12*15,	DIA SORB	5310/BYT- TB-CT	Diagon	HUNGARY	Hộp/12x15ml	Hộp	250	3,300,000	825,000,000	
946	21	7	Fibri Prest Automate 2	Hộp/12x2ml,	FIBRI PREST AUTOMATE 2	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/12x2ml	Hộp	70	13,950,000	976,500,000	
947	22	7	Fibrinogen 5	Hộp/12x5ml,	STA LIQUID FIB	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/12x4ml	Hộp	50	19,200,000	960,000,000	
948	23	7	ISE Control (Na+, K+, Cl-, Li+)	Lọ/30ml,	ISE CONTROL (Na+, K+, Cl-, Li+)	3471/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ/30ml	Lọ	12	4,950,000	59,400,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
949	24	7	Liatest Control N + P	Hộp/6x6ml,	STA LIATEST CONTROL N+P	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/12x2x1m	Hộp	10	11,890,000	118,900,000	
950	25	7	Liatest D-Di	Hộp/6x6ml,	LIATEST D-DI	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/6x6ml	Hộp	30	33,500,000	1,005,000,000	
951	26	7	Neoplastin 5	Hộp/6x5ml,	STA NEOPLASTIN CI PLUS 5	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/6x5ml	Hộp	170	2,515,000	427,550,000	
952	27	7	Owen Koller	H/24*15ml,	STA OWEN- KOLLER	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Hộp/24*15ml	Hộp	20	3,790,000	75,800,000	
953	28	7	STA Cleaner Sol	Bình 2,5lít,	STA CLEANER SOLUTION	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Bình 2.5lít	Bình	250	7,500,000	1,875,000,000	
954	29	7	STA Cuvette	Thùng/6 cuộn,	STA CUVETTES	9268/BYT- TB-CT	Stago	FRANCE	Thùng/ 6 cuộn	Cuộn	160	10,280,000	1,644,800,000	
955	1	7	Ca electrode /sensor	Hộp/1 cái,	Ca Electrode	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Hộp 1 cái	Cái	2	7,000,000	14,000,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
956	2	7	Ca Filling Solution	Lọ/ 30ml,	Ca Filling Solution	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml (Bảo trì máy miễn phí không tính tiền)	Lọ	12	0	0	
957	3	7	Cl electrode /sensor	Hộp/1 cái,	Cl Electrode	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Hộp 1 cái	Cái	2	7,000,000	14,000,000	
958	4	7	Cleaning solution	Lọ/ 30ml,	Cleaning Solution (Weekly Solution)	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml	Lọ	10	2,200,000	22,000,000	
959	5	7	ISE Calibration (Na+,K+,Cl-, Ca++,pH)(Standard electrode)	Lọ/ 30ml,	ISE Calibrator (Na/Ca/Cl/K/pH)	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml	Lọ	12	3,800,000	45,600,000	
960	6	7	K electrode /sensor	Hộp/1 cái,	K Electrode	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Hộp 1 Cái	Cái	2	7,000,000	14,000,000	
961	7	7	K Filling Solution	Lọ/ 30ml,	K Filling Solution	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml (Bảo trì máy miễn phí không thu tiền)	Lọ	12	0	0	
962	8	7	Li Filling Solution	Lọ/ 30ml,	Li Filling Solution	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml (Bảo trì máy miễn phí)	Lọ	12	0	0	
963	9	7	Lithium Control Hi gh	Lọ/ 30ml,	Lithium Control High	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml	Lọ	12	3,800,000	45,600,000	
964	10	7	Na Conditionner	Lọ/ 30ml,	Na Conditionner	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30 ml (Bảo trì máy miễn phí không tính tiền)	Lọ	12	0	0	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
965	11	7	Na electrode/sensor	Hộp/1 cái,	Na Electrode	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Hộp 1 Cái	Cái	2	7,000,000	14,000,000	
966	12	7	pH electrode /sensor	Hộp/1 cái,	PH Electrode	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Hộp 1 cái	Cái	2	7,000,000	14,000,000	
967	13	7	pH Na Cl Filling S olution	Lọ/ 30ml,	PH, Na, Cl Filling Solution	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30 ml (Bảo trì theo máy không tính tiền)	Lọ	12	0	0	
968	14	7	Reagent Pack SFRI for ISE 5000	H/650ml+350ml (800test),	Reagent Pack ISE 5000	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Hộp 1000ml (650+350ml)	Hộp	140	9,500,000	1,330,000,000	
969	15	7	Ref electrode /sensor	Hộp/1 cái,	Reference Electrode	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Hộp 1 Cái	Cái	2	7,000,000	14,000,000	
970	16	7	Ref Filling Solution	Lọ/ 30ml,	Ref Filling Solution	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml (Bảo trì máy không tính tiền)	Lọ	12	0	0	
971	17	7	Standard C (Lithiu m)	Lọ/ 30ml,	Lithium Control	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30 ml	Lọ	12	4,500,000	54,000,000	
972	18	7	Standard TCO2	Lọ/ 30ml,	TCO2 Control	4484/BYT- TB-CT	SFRI	FRANCE	Lọ 30ml	Lọ	12	4,500,000	54,000,000	
973	1	7	GEM 3K Bloodgas- HCT (Bình khí máu)	Hộp 300 test,	GEM 3K BLOODGAS-HTC	7686/BYT- TB-CT	Instrumentatio n Laboratory	UNITED STATES	Hộp 300 test	Hộp	50	36,500,000	1,825,000,000	CÔNG TY TNHH MTV DUỘC PHẨM TW2
974	2	7	Gem 3K Cartridge đo khí máu (pH, pCO2, pO2) , Hct, Na+ K+,Ca++ ,Glucose, Lactase	Hộp 300 test,	GEM 3K CARTRIDGE DO KHI MAU	7686/BYT- TB-CT	Instrumentatio n Laboratory	UNITED STATES	Hộp 300 test	Hộp	1	39,500,000	39,500,000	
975	1	7	D10 Hemoglobin A1C	Bộ/400test,	D-10 Hemoglobin A1c Program Reorder Pack	TKHQ10025 1503220	Biorad	UNITED STATES	Bộ/ 400test	Bộ	70	30,512,200	2,135,854,000	CÔNG TY CP TBYT VIMEC
976	2	7	Đầu col có lọc 0,1- 10 ul	960 tip/hộp,	Đầu col có lọc 0,1- 10 ul	TKHQ10008 6743150	SSI	UNITED STATES	Hộp/ 960tip	Hộp	5	2,150,000	10,750,000	
977	3	7	Đầu col có lọc 100- 1000 ul	768 tip/hộp,	Đầu col có lọc 100- 1000 ul	TKHQ10008 6743150	SSI	UNITED KINGDOM	Hộp/ 960tip	Hộp	5	2,150,000	10,750,000	
978	4	7	Đầu col có lọc 1- 100 ul	960 tip/hộp,	Đầu col có lọc 1-100 ul	TKHQ10008 6743150	SSI	UNITED STATES	Hộp/ 960tip	Hộp	5	2,150,000	10,750,000	
979	5	7	Đầu col có lọc 1- 20 ul	960 tip/hộp,	Đầu col có lọc 1-20 ul	TKHQ10008 6743150	SSI	UNITED STATES	Hộp/ 960tip	Hộp	5	2,150,000	10,750,000	
980	6	7	Đầu col có lọc 1- 200 ul	960 tip/hộp,	Đầu col có lọc 1-200 ul	TKHQ10008 6743150	SSI	UNITED KINGDOM	Hộp/ 960tip	Hộp	5	2,150,000	10,750,000	

STT	TT/ QĐ	Gói	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tên thương mại	Số đăng ký / Số GPKD	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền	Nhà thầu trúng
981	1	7	Que thử đường huyết H/25	Hộp 25 test,	Que thử đường huyết (1 gói gồm 50 kim + 50 que, que được đóng gói từng que riêng)	TKHQ 25485	Fia Biomed	GERMANY	Hộp (50 kim+ 50 que)	Test	2,000	5,522	11,044,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
982	1	7	Que thử đường huyết On call Plus		Que thử đường huyết On Call Plus	2631/BYT- TB-CT	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	CHINA	Hộp / 50 test	Que	38,000	5,796	220,248,000	CÔNG TY CP VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ

Tổng cộng: 982 mặt hàng

203,850,952,756

Thành tiền: 203.850.952.756 đồng *(Hai trăm lẻ ba tỷ, tám trăm năm mươi triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm năm mươi sáu đồng).*

GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

BS.CKII NGUYỄN THỊ HẠNH